

Số: 15 /2016/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016

THÔNG TƯ



Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Bình Phước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN

[Handwritten signatures]

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BÌNH PHƯỚC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 15 /2016/TT-BTNMT
ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Bình Phước.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: “P.” là chữ viết tắt của “phường”; “TT.” là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: “TP.” là chữ viết tắt của “thành phố”; “H.” là chữ viết tắt của “huyện”; “TX.” là chữ viết tắt của “thị xã”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột “Địa danh”.

Phần II

**DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Bình Phước gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thị xã Bình Long	3
2	Thị xã Đồng Xoài	6
3	Thị xã Phước Long	11
4	Huyện Bù Đăng	15
5	Huyện Bù Đốp	28
6	Huyện Bù Gia Mập	31
7	Huyện Chơn Thành	50
8	Huyện Đồng Phú	57
9	Huyện Hớn Quản	66
10	Huyện Lộc Ninh	77

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
phố An Bình	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 43"	106° 35' 46"					C-48-10-C-a
3000 đồng bào An Lộc ế quốc Mỹ tàn sát	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 00"	106° 36' 14"					C-48-10-C-a
phố Bình An	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 36"	106° 35' 13"					C-48-10-C-a
xứ Bình Long	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 16"	106° 36' 07"					C-48-10-C-a
phố Bình Tân	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 03"	106° 35' 34"					C-48-10-C-a
Chà Là	TV	P. An Lộc	TX. Bình Long			11° 39' 20"	106° 35' 50"	11° 35' 48"	106° 31' 06"	C-48-10-C-a
Đông Long	SV	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 03"	106° 36' 22"					C-48-10-C-a
tập thể Lực lượng Vũ g An ninh An Lộc	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 28"	106° 35' 27"					C-48-10-C-a
ng Nguyễn Huệ	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long							C-48-10-C-a
phố Phú An	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 11"	106° 36' 03"					C-48-10-C-a
phố Phú Bình	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 19"	106° 36' 19"					C-48-10-C-a
phố Phú Cường	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 26"	106° 36' 20"					C-48-10-C-a
phố Phú Sơn	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 37"	106° 36' 18"					C-48-10-C-a
phố Phú Tân	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 27"	106° 33' 57"					C-48-10-C-a
phố Phú Trung	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 39' 08"	106° 36' 14"					C-48-10-C-a
ị Ru	TV	P. An Lộc	TX. Bình Long			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10-C-a
Sóc Du	DC	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 05"	106° 34' 26"					C-48-10-C-a
g trường Xa Cam	KX	P. An Lộc	TX. Bình Long	11° 40' 01"	106° 33' 46"					C-48-10-C-a
a Bảo An	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 55"	106° 36' 03"					C-48-10-C-a
Bình Ninh I	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 04"	106° 34' 24"					C-48-10-C-a
phố Bình Ninh II	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 54"	106° 34' 32"					C-48-10-C-a
phố Bình Tây	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 39' 17"	106° 35' 03"					C-48-10-C-a
g Vườn Khế	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 36' 33"	106° 35' 22"					C-48-10-C-c
ng ty TNHH MTV o su Bình Long	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 26"	106° 36' 19"					C-48-10-C-a
ị Chà Là	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 36' 37"	106° 36' 21"	11° 35' 20"	106° 36' 43"	C-48-10-C-c
phố Đông Phát	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 23"	106° 36' 53"					C-48-10-C-c
ị Hưng Chiến	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 39' 20"	106° 35' 50"	11° 38' 10"	106° 34' 11"	C-48-10-C-a
phố Hưng Phú	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 38"	106° 35' 25"					C-48-10-C-a
phố Hưng Thịnh	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 58"	106° 35' 51"					C-48-10-C-a
a Lam Sơn	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 42"	106° 36' 07"					C-48-10-C-a
Bưng Mía	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 28"	106° 34' 33"					C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mã địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Suối Ma	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 37' 35"	106° 34' 33"	11° 36' 38"	106° 31' 38"	C-48-10 C-48-10
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 39' 59"	106° 36' 39"	11° 38' 37"	106° 36' 20"	C-48-10 C-48-10
khu phố Phú Tân	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 39' 27"	106° 33' 57"					C-48-10 C-48-10
khu phố Phú Trung	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 45"	106° 36' 08"					C-48-10 C-48-10
ấp Sờ Nhì	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 36' 59"	106° 35' 10"					C-48-10 C-48-10
đền Trần Hưng Đạo	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 49"	106° 35' 38"					C-48-10 C-48-10
Trung tâm Thương mại Dịch vụ Bình Long	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 49"	106° 36' 19"					C-48-10
suối Xa Cam	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 37' 23"	106° 35' 22"	11° 35' 19"	106° 33' 54"	C-48-10 C-48-10
khu phố Xa Cam I	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 36"	106° 36' 05"					C-48-10 C-48-10
khu phố Xa Cam II	DC	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 38' 00"	106° 35' 53"					C-48-10 C-48-10
hồ Xa Cát	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 37' 03"	106° 36' 12"					C-48-10 C-48-10
suối Xa Cát	TV	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long			11° 38' 00"	106° 36' 51"	11° 36' 21"	106° 37' 04"	C-48-10 C-48-10
ngã ba Xe Tăng	KX	P. Hưng Chiến	TX. Bình Long	11° 39' 34"	106° 34' 32"					C-48-10 C-48-10
Đường QL.13	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10 C-48-10
suối Cầu Trắng	TV	P. Phú Đức	TX. Bình Long			11° 39' 55"	106° 37' 01"	11° 38' 00"	106° 36' 51"	C-48-10 C-48-10
Bệnh viện Đa khoa Công ty Cao su Bình Long	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 20"	106° 37' 18"					C-48-10
chùa Hưng Lập	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 01"	106° 36' 38"					C-48-10
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long			11° 39' 59"	106° 36' 39"	11° 38' 37"	106° 36' 20"	C-48-10 C-48-10
miếu Ông Hồ	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 03"	106° 36' 48"					C-48-10 C-48-10
khu phố Phú Hoà I	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 59"	106° 36' 54"					C-48-10 C-48-10
khu phố Phú Hoà II	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 39' 20"	106° 37' 12"					C-48-10 C-48-10
khu phố Phú Lộc	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 28"	106° 36' 36"					C-48-10 C-48-10
khu phố Phú Nghĩa	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 54"	106° 36' 28"					C-48-10 C-48-10
khu phố Phú Trọng	DC	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 55"	106° 36' 36"					C-48-10 C-48-10
nông trường Quân Lợi	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 50"	106° 37' 11"					C-48-10 C-48-10
Dinh Tỉnh trưởng tỉnh Bình Long	KX	P. Phú Đức	TX. Bình Long	11° 38' 53"	106° 36' 22"					C-48-10
suối Cầu Trắng	TV	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long			11° 39' 55"	106° 37' 01"	11° 38' 00"	106° 36' 51"	C-48-10 C-48-10
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long			11° 39' 59"	106° 36' 39"	11° 38' 37"	106° 36' 20"	C-48-10 C-48-10

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
xã Ngọc Bình	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 25"	106° 36' 31"					C-48-10-C-a
phố Phú Hoà	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 25"	106° 37' 26"					C-48-10-C-a
phố Phú Hưng	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 20"	106° 36' 40"					C-48-10-C-a
phố Phú Thuận 1	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 58"	106° 37' 32"					C-48-10-C-b
phố Phú Thuận 2	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 18"	106° 36' 49"					C-48-10-C-a
phố Phú Xuân	DC	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 47"	106° 36' 53"					C-48-10-C-a
thị trấn Tân Lập Phú	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 31"	106° 36' 37"					C-48-10-C-a
thị trấn Minh Tự	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 39' 30"	106° 36' 33"					C-48-10-C-a
thị trấn lịch sử Trường An Lộc B	KX	P. Phú Thịnh	TX. Bình Long	11° 38' 59"	106° 36' 13"					C-48-10-C-a
đường QL.13	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-c
đường ĐT.757	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 44' 42"	106° 40' 34"	11° 43' 55"	106° 34' 34"	C-48-10-C-a
Cần Lê	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 55"	106° 36' 15"					C-48-10-C-a
Cần Lê	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 44' 05"	106° 34' 27"					C-48-10-C-a
Cần Lê	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 44' 28"	106° 35' 53"	11° 41' 55"	106° 29' 39"	C-48-10-C-a
Đá	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 42' 21"	106° 35' 02"	11° 43' 57"	106° 34' 20"	C-48-10-C-a
máy Gạch Hoà Phát	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 27"	106° 34' 28"					C-48-10-C-a
Đi Mơ Nông	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 43' 10"	106° 38' 23"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-C-a
Đi Ngòi	TV	xã Thanh Lương	TX. Bình Long			11° 42' 03"	106° 36' 15"	11° 44' 20"	106° 35' 17"	C-48-10-C-a
Phố Lố	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 41' 47"	106° 33' 27"					C-48-10-C-a
Sóc Giếng	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 41' 07"	106° 32' 42"					C-48-10-C-a
Thanh An	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 47"	106° 31' 17"					C-48-10-C-a
Thanh Bình	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 38"	106° 33' 07"					C-48-10-C-a
Thanh Hải	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 40"	106° 36' 31"					C-48-10-C-a
Thanh Hoà	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 44"	106° 34' 52"					C-48-10-C-a
Thanh Hưng	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 44' 00"	106° 36' 19"					C-48-10-C-a
Thanh Kiều	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 25"	106° 34' 36"					C-48-10-C-a
thị trấn Thanh Phước	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 34"	106° 35' 24"					C-48-10-C-a
thị trấn Thanh Sơn	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 32"	106° 35' 19"					C-48-10-C-a
Thanh Tân	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 36"	106° 35' 24"					C-48-10-C-a
Thanh Thiện	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 41' 54"	106° 34' 02"					C-48-10-C-a
Thanh Thịnh	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 25"	106° 36' 06"					C-48-10-C-a
Thanh Trung	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 23"	106° 35' 13"					C-48-10-C-a
Thanh Tuấn	DC	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 43' 41"	106° 35' 01"					C-48-10-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
nhà máy Xi măng Bình Phước	KX	xã Thanh Lương	TX. Bình Long	11° 42' 54"	106° 32' 50"					C-48-10
ấp 17	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 22"	106° 35' 27"					C-48-10
nông trường Cao su Xa Cam	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 32"	106° 35' 34"					C-48-10
chùa Chưởng Phước	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 51"	106° 36' 45"					C-48-10
Đường QL.13	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10
đồi Đồng Long	SV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 03"	106° 36' 22"					C-48-10
Suối Héo	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 41' 09"	106° 38' 01"	11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10
Suối Lai	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 40' 48"	106° 36' 59"	11° 42' 03"	106° 36' 15"	C-48-10
chùa Linh Thửu	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 42' 09"	106° 35' 15"					C-48-10
suối Mơ Nông	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 43' 10"	106° 38' 23"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10
suối Peck Pun	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 41' 33"	106° 35' 26"	11° 42' 21"	106° 35' 02"	C-48-10
ấp Phú Lạc	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 54"	106° 37' 13"					C-48-10
ấp Phú Long	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 28"	106° 36' 14"					C-48-10
giáo xứ Phú Lương	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 42' 10"	106° 35' 19"					C-48-10
ấp Phú Thành	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 53"	106° 37' 28"					C-48-10
nông trường Quán Lợi	KX	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 32"	106° 37' 36"					C-48-10
Suối Ru	TV	xã Thanh Phú	TX. Bình Long			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10
ấp Sóc Bé	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 13"	106° 36' 44"					C-48-10
ấp Sóc Bưng	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 59"	106° 37' 21"					C-48-10
ấp Thanh Hà	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 43' 06"	106° 37' 58"					C-48-10
ấp Thanh Sơn	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 42' 04"	106° 35' 13"					C-48-10
ấp Thanh Thủy	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 34"	106° 36' 00"					C-48-10
ấp Thanh Xuân	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 41' 45"	106° 35' 26"					C-48-10
ấp Vườn Rau	DC	xã Thanh Phú	TX. Bình Long	11° 40' 50"	106° 35' 53"					C-48-10
Đường ĐT.753	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-10
suối Cái Bè	TV	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 40"	106° 53' 33"	11° 30' 22"	106° 55' 11"	C-48-10
Đường Lê Quý Đôn	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 32' 00"	106° 53' 45"	C-48-10
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 31' 21"	106° 53' 31"	11° 32' 19"	106° 54' 26"	C-48-10
Đường Phú Riêng Đò	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10
khu phố Phước An	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 22"	106° 55' 25"					C-48-10
khu phố Phước Bình	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 30' 57"	106° 55' 18"					C-48-10

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
ị Rạt	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 30"	106° 55' 48"						C-48-10-D-d	
Rạt 1	KX	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 55' 18"						C-48-10-D-d	
ị Rạt	TV	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"		C-48-10-D-d	
phố Suối Đá	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 30"	106° 54' 25"						C-48-10-D-d	
phố Tân Tiến	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 49"	106° 53' 44"						C-48-10-D-d	
phố Tân Trà	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 01"	106° 53' 41"						C-48-10-D-d	
phố Tân Xuân	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 34"	106° 53' 54"						C-48-10-D-d	
phố Xuân Lộc	DC	P. Tân Xuân	TX. Đồng Xoài	11° 31' 40"	106° 54' 07"						C-48-10-D-d	
ờng Cao đẳng sư phạm h Phước	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 46"	106° 52' 25"						C-48-10-D-d	
ờng QL.14	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"		C-48-10-D-c; C-48-10-D-d	
ờng Hùng Vương	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài			11° 31' 46"	106° 53' 32"	11° 32' 04"	106° 53' 08"		C-48-10-D-d	
ờng Phú Riêng Đỏ	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"		C-48-10-D-d	
ị phố Tân Bình	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 32' 03"	106° 53' 36"						C-48-10-D-d	
ị phố Tân Trà I	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 53' 07"						C-48-10-D-d	
ị phố Tân Trà II	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 13"	106° 52' 35"						C-48-10-D-d	
ị phố Thanh Bình	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 56"	106° 53' 04"						C-48-10-D-d	
Công trường tỉnh h Phước	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 54"	106° 53' 22"						C-48-10-D-d	
Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Bình Phước	KX	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 31' 54"	106° 52' 44"						C-48-10-D-d	
ị phố Xuân Bình	DC	P. Tân Bình	TX. Đồng Xoài	11° 32' 10"	106° 53' 47"						C-48-10-D-d	
u phố 1	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 24"	106° 54' 45"						C-48-10-D-d	
u phố 2	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 32"	106° 54' 16"						C-48-10-D-d	
u phố 3	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 33' 01"	106° 54' 18"						C-48-10-D-d	
u phố 4	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 33' 22"	106° 54' 26"						C-48-10-D-d	
u phố 5	DC	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 34' 17"	106° 54' 12"						C-48-10-D-d	
ờng QL.14	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"		C-48-10-D-d	
ờng ĐT.741	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"		C-48-10-D-d	
ờng Phú Riêng Đỏ	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"		C-48-10-D-d	
ị thờ Đồng Xoài	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 40"	106° 54' 27"						C-48-10-D-d	
a Quang Minh	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 19"	106° 54' 13"						C-48-10-D-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Rạt	TV	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-10
cầu Số 2	KX	P. Tân Đồng	TX. Đồng Xoài	11° 32' 31"	106° 55' 00"					C-48-10
Suối Cấm	TV	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 33' 05"	106° 52' 41"	11° 32' 37"	106° 52' 15"	C-48-10
Đường ĐT.741	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10
di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Đồng Xoài	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 17"	106° 53' 39"					C-48-10
khu phố Phú Cường	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 02"	106° 52' 24"					C-48-10
khu phố Phú Lộc	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 20"	106° 53' 24"					C-48-10
khu phố Phú Mỹ	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 33' 25"	106° 53' 58"					C-48-10
Đường Phú Riêng Đồ	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10
khu phố Phú Tân	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 14"	106° 53' 01"					C-48-10
khu phố Phú Thanh	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 35"	106° 53' 47"					C-48-10
khu phố Phú Thịnh	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 47"	106° 53' 32"					C-48-10
khu phố Phú Xuân	DC	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 33' 04"	106° 53' 40"					C-48-10
Đường QL.14	KX	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10
hồ Suối Cam	TV	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 50"	106° 52' 56"					C-48-10
hồ Suối Cam II	TV	P. Tân Phú	TX. Đồng Xoài	11° 32' 22"	106° 52' 20"					C-48-10
Đường ĐT.753	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-10
Đường Lê Quý Đôn	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 32' 00"	106° 53' 45"	C-48-10
Đường Nguyễn Huệ	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 31' 21"	106° 53' 31"	11° 32' 19"	106° 54' 26"	C-48-10
Đường Phú Riêng Đồ	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10
khu phố Bình Thiện	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 46"	106° 54' 30"					C-48-10
khu phố Phước Hoà	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 39"	106° 55' 17"					C-48-10
khu phố Phước Tân	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 48"	106° 54' 49"					C-48-10
khu phố Phước Thiện	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 55"	106° 54' 04"					C-48-10
khu phố Phước Thọ	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 00"	106° 53' 53"					C-48-10
Đường QL.14	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10
Cầu Rạt	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 30"	106° 55' 48"					C-48-10
cầu Rạt 1	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 55' 18"					C-48-10
cầu Số 2	KX	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 31"	106° 55' 00"					C-48-10
khu phố Tân Đồng 1	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 10"	106° 54' 22"					C-48-10

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Thị trấn Xuân Đồng	DC	P. Tân Thiện	TX. Đồng Xoài	11° 32' 18"	106° 54' 43"					C-48-10-D-d
Đ 2	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 19"	106° 49' 46"					C-48-10-D-c
Đ 3	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 12"	106° 49' 37"					C-48-10-D-c
Đ 4	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 26"	106° 49' 07"					C-48-10-D-c
Đ 6	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 03"	106° 48' 33"					C-48-10-D-c
Đ 7	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 35"	106° 46' 56"					C-48-10-D-c
Đ 8	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 27"	106° 45' 59"					C-48-10-D-c
Trường Cao su n Thành	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 34' 03"	106° 49' 53"					C-48-10-D-c
Đ 9	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-D-c
Bung Xê	DC	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 33' 07"	106° 48' 03"					C-48-10-D-c
Đ 10	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 32' 18"	106° 50' 12"	11° 30' 45"	106° 46' 02"	C-48-10-D-c
Đ 11	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 23"	106° 49' 46"					C-48-10-D-c
Đ 12	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 35' 46"	106° 52' 40"	11° 33' 24"	106° 46' 33"	C-48-10-D-c
Đ 13	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 32"	106° 45' 53"					C-48-10-D-c
Đ 14	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 36"	106° 51' 12"	11° 32' 08"	106° 49' 00"	C-48-10-D-c
Đ 15	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-c
Đ 16	TV	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài			11° 30' 53"	106° 52' 13"	11° 28' 57"	106° 45' 58"	C-48-10-D-c; C-48-22-B-a
Đ 17	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 33"	106° 47' 03"					C-48-10-D-c
Đ 18	KX	xã Tân Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 22"	106° 49' 30"					C-48-10-D-c
Đ 19	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 40"	106° 53' 23"					C-48-10-D-d
Đ 20	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 04"	106° 53' 07"					C-48-10-D-d
Đ 21	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 16"	106° 53' 06"					C-48-22-B-b
Đ 22	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 08"	106° 50' 33"					C-48-22-B-a
Đ 23	DC	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 27"	106° 52' 08"					C-48-22-B-a
Đ 24	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 28' 42"	106° 50' 38"			11° 28' 39"	106° 48' 05"	C-48-22-B-a
Đ 25	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài					11° 29' 31"	106° 47' 43"	C-48-22-B-a
Đ 26	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài					11° 29' 26"	106° 51' 36"	C-48-10-D-c
Đ 27	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài							C-48-22-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường ĐT.741	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-I C-48-22-I
khu công nghiệp Đồng Xoài 3	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 20"	106° 52' 25"					C-48-10-I
suối Nước Trong	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 28' 25"	106° 49' 33"	11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-10-I
Công ty Phú Mỹ	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 31"	106° 53' 15"					C-48-22-I
Đường Phú Riêng Đò	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 53' 58"	11° 30' 23"	106° 53' 05"	C-48-10-I
Suối Rạt	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-I
suối Song Rinh	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 30' 53"	106° 52' 13"	11° 28' 57"	106° 45' 58"	C-48-10-I
suối Ta Men	TV	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 36"	106° 53' 09"					C-48-22-I
giáo xứ Tân Hưng	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 21"	106° 51' 07"					C-48-10-I
nông trường Cao su Tân Lợi	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài			11° 29' 23"	106° 49' 45"	11° 29' 20"	106° 47' 52"	C-48-22-I
chùa Thanh Quang	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 30' 00"	106° 53' 01"					C-48-10-I
ngheia trang nhân dân thị xã Đồng Xoài	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 35"	106° 51' 39"					C-48-22-I
trạm Viễn thông Tiến Hưng	KX	xã Tiến Hưng	TX. Đồng Xoài	11° 29' 19"	106° 52' 34"					C-48-22-I
ấp 1A	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 35"	106° 52' 00"					C-48-10-I
ấp 1B	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 55"	106° 51' 51"					C-48-10-I
Áp 2	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 30' 58"	106° 51' 01"					C-48-10-I
Áp 3	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 38"	106° 50' 59"					C-48-10-I
Áp 4	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 49"	106° 52' 00"			11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-I
Đường QL.14	KX	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 54' 48"	107° 23' 03"			C-48-10-I
Công ty Điện lực Bình Phước	KX	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 45"	106° 52' 11"					C-48-10-I
ấp Bung Trang	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 33' 26"	106° 50' 42"					C-48-10-I
Suối Cam	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 32' 15"	106° 52' 12"	11° 32' 18"	106° 50' 12"	C-48-10-I
Suối Cầm	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 05"	106° 52' 41"	11° 32' 37"	106° 52' 15"	C-48-10-I
Suối Cóc	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 45"	106° 52' 29"	11° 32' 01"	106° 51' 42"	C-48-10-I

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Đường Ba	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 34' 03"	106° 53' 06"						C-48-10-D-d	
Đường	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài			11° 33' 36"	106° 51' 12"	11° 32' 08"	106° 49' 00"		C-48-10-D-c	
Sông Rinh	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài								C-48-10-D-c	
Đường Cam	DC	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 32' 23"	106° 51' 37"						C-48-10-D-c	
Đường Cam II	TV	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 32' 22"	106° 52' 20"						C-48-10-D-c	
Đường	KX	xã Tiến Thành	TX. Đồng Xoài	11° 31' 37"	106° 51' 44"						C-48-10-D-c	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 53"	106° 56' 27"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 38"	106° 56' 17"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 25"	106° 56' 42"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 51"	106° 56' 53"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 27"	106° 57' 36"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 11"	106° 57' 21"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 18"	106° 57' 10"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 23"	106° 57' 04"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 35"	106° 56' 54"			11° 57' 54"	106° 59' 56"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d	
Đường	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long					11° 41' 13"	107° 04' 09"		C-48-10-B-d	
Đường	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long								C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 49' 53"	106° 56' 42"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 50' 10"	106° 56' 40"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 48' 43"	106° 56' 52"						C-48-10-B-d	
Đường	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 50' 34"	106° 59' 26"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 50' 51"	106° 59' 24"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 50' 55"	106° 59' 38"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 51' 16"	106° 59' 23"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 51' 10"	106° 59' 19"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 51' 39"	107° 00' 01"						C-48-10-B-d	
Đường	DC	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 51' 23"	106° 59' 51"						C-48-10-B-d	
Đường	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"		C-48-10-B-d	
Đường	KX	P. Long Phước	TX. Phước Long	11° 51' 14"	106° 59' 52"						C-48-10-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hệ mảnh bản địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Sông Bé	TV	P. Long Thủy	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-E		
cầu Đắk Lung	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 09"					C-48-11-7		
Suối Dung	TV	P. Long Thủy	TX. Phước Long			11° 50' 08"	106° 59' 18"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-11-7		
hồ Long Thủy	TV	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 50' 47"	106° 59' 30"					C-48-10-J		
di tích lịch sử Nơi ghi dấu tội ác của Ngụy quyền tại cầu Đắk Lung	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 30"					C-48-11-7		
cầu Suối Dung	KX	P. Long Thủy	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-7		
Khu phố 1	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 19"	106° 57' 30"					C-48-10-7		
Khu phố 2	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 50"	106° 57' 13"					C-48-10-7		
Khu phố 3	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 39"	106° 56' 58"			11° 57' 54"	106° 49' 30"	C-48-10-7		
Đường ĐT.741	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long					11° 57' 30"	107° 04' 09"	C-48-10-7		
Đường ĐT.759	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long							C-48-10-7		
giáo họ Bình Tâm	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 35"	106° 57' 06"					C-48-10-7		
Suối Đá Nhỏ	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long					11° 48' 55"	106° 59' 09"	C-48-10-7		
suối Đắk Pon	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long					11° 47' 20"	106° 56' 40"	C-48-10-7		
suối Đắk Tang	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long					11° 42' 36"	106° 54' 50"	C-48-10-7		
hồ Đắk Ton	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 47"	106° 58' 07"					C-48-10-7		
suối Đắk Ton	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long					11° 47' 39"	106° 58' 53"	C-48-10-7		
suối Đắk Tung	TV	P. Phước Bình	TX. Phước Long					11° 47' 51"	106° 57' 46"	C-48-10-7		
Phòng khám Đa khoa khu vực Phước Bình	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 37"	106° 57' 12"					C-48-10-7		
khu phố Phước An	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 49' 03"	106° 57' 37"					C-48-10-7		
khu phố Phước Sơn	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 47' 42"	106° 58' 56"					C-48-10-7		
giáo xứ Phước Sơn	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 47' 39"	106° 58' 55"					C-48-10-7		
khu phố Phước Trung	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 19"	106° 56' 39"					C-48-10-7		
khu phố Phước Vĩnh	DC	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 19"	106° 57' 58"					C-48-10-7		
giáo xứ Phước Vĩnh	KX	P. Phước Bình	TX. Phước Long	11° 48' 03"	106° 58' 08"					C-48-10-7		
Đường ĐT.741	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-7		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bà Rịa-Thác Mơ	SV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 05"	106° 59' 52"					C-48-10-B-d
phố Bình Giang 1	DC	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 44"	106° 58' 07"					C-48-10-B-d
phố Bình Giang 2	DC	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 56"	106° 58' 54"					C-48-10-B-d
Đá Nhỏ	TV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 48' 55"	107° 01' 02"	11° 47' 51"	106° 59' 09"	C-48-11-A-c
Đắk Ton	TV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 47' 39"	106° 59' 19"	11° 49' 15"	106° 58' 53"	C-48-10-B-d
Đi Dung	TV	P. Sơn Giang	TX. Phước Long			11° 49' 15"	106° 58' 53"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-10-B-d
Đa Long Đức	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 51"	106° 58' 24"					C-48-10-B-d
Đa Phước Sơn	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 03"	106° 59' 29"					C-48-10-B-d
Đo họ Sơn Giang	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 46"	106° 58' 14"					C-48-10-B-d
phố Sơn Long	DC	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 37"	106° 59' 03"					C-48-10-B-d
thờ Sơn Long	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 48"	106° 59' 13"					C-48-10-B-d
Suối Dung	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-B-d
Ấp trang liệt sỹ thị xã	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 49' 48"	106° 58' 30"					C-48-10-B-d
Ấp róc Long	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 05"	106° 57' 56"					C-48-10-B-d
Ấp lịch sử Vườn cây lưu	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 21"	106° 59' 45"					C-48-10-B-d
Ấp m Bà Nguyễn Thị Định	KX	P. Sơn Giang	TX. Phước Long	11° 50' 29"	107° 00' 22"					C-48-11-A-c
Ấp phố 1	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 21"	106° 59' 45"					C-48-11-A-c
Ấp phố 2	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 29"	107° 00' 22"					C-48-11-A-c
Ấp phố 3	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 36"	106° 59' 45"					C-48-11-A-c
Ấp phố 4	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 17"					C-48-11-A-c
Ấp phố 4	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 04"	107° 00' 28"					C-48-11-A-c
Ấp phố 5	DC	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 49' 21"	107° 01' 06"					C-48-11-A-c
Ấp róc Đ.T.741	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 49' 21"	107° 01' 06"	11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
Ấp Bà Rịa-Thác Mơ	SV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 49' 05"	106° 59' 52"					C-48-10-B-d
Ấp Bể	TV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-B-d
Ấp Đắk Lung	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 22"	107° 00' 09"					C-48-11-A-c
Ấp tích lịch sử Địa điểm ghi	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 04"	106° 59' 49"					C-48-10-B-d
Ấp chiến thắng	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 06"	107° 00' 33"					C-48-11-A-c
Ấp nước Long	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 06"	107° 00' 33"					C-48-11-A-c
Ấp rừng Đức Mẹ Vô Nhiễm	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 06"	107° 00' 33"					C-48-11-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên bản mảnh bản địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Suối Dung	TV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long			11° 50' 08"	106° 59' 18"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-10-		
giáo xứ Phước Long	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 31"	106° 59' 46"					C-48-10-		
cầu Suối Dung	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-		
cầu Thác Mơ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 05"	107° 00' 48"					C-48-11-		
nhà máy Thủy điện Thác Mơ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 51' 35"	107° 00' 44"					C-48-11-		
Trạm bảo vệ Thủy điện Thác Mơ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 50' 07"	107° 01' 04"					C-48-11-		
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-		
đập tràn Thủy điện Thác Mơ	KX	P. Thác Mơ	TX. Phước Long	11° 48' 52"	107° 02' 01"					C-48-11-		
Thác Mơ	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 59"	106° 57' 46"					C-48-10-		
Thôn 7	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 52' 00"	106° 58' 32"					C-48-10-		
cầu An Lương	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 51' 36"	106° 58' 56"					C-48-10-		
Sông Bé	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-		
thôn Bù Xiết	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 29"	106° 59' 13"					C-48-10-		
Suối Dung	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 08"	106° 59' 18"	11° 51' 44"	106° 59' 02"	C-48-10-		
suối Đắk Lim	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			12° 02' 14"	107° 06' 46"	11° 52' 02"	106° 58' 44"	C-48-10-		
chùa Đức Huệ	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 30"	106° 58' 32"					C-48-10-		
cầu Kinh tế	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 51' 53"	106° 58' 07"					C-48-10-		
thôn Nhơn Hoà I	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 30"	106° 58' 59"					C-48-10-		
giáo xứ Nhơn Hoà I	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 36"	106° 58' 59"					C-48-10-		
suối Nhơn Hoà I	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 05"	106° 58' 25"	11° 51' 46"	106° 58' 09"	C-48-10-		
thôn Nhơn Hoà II	DC	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 29"	106° 58' 32"					C-48-10-		
suối Nhơn Hoà II	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 18"	106° 58' 05"	11° 51' 20"	106° 58' 18"	C-48-10-		
chùa Quảng Phước	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 48"	106° 58' 55"					C-48-10-		
giáo xứ Sông Bé	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 51' 42"	106° 58' 54"					C-48-10-		
cầu Suối Dung	KX	xã Long Giang	TX. Phước Long	11° 50' 11"	106° 59' 18"					C-48-10-		
suối Thôn 7	TV	xã Long Giang	TX. Phước Long			11° 50' 39"	106° 57' 03"	11° 51' 57"	106° 58' 05"	C-48-10-		
chùa Bảo Quang	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 58"	107° 01' 48"					C-48-10-		
thôn Bàu Nghé	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 47"	107° 03' 52"					C-48-10-		
Sông Bé	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	C-48-10-		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
n Bình Hưng	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 53"	107° 01' 42"					C-48-11-A-c
i Đa Nhỏ	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long			11° 48' 55"	107° 01' 02"	11° 47' 51"	106° 59' 09"	C-48-10-B-d C-48-11-A-c
i Đắk Ton	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long					11° 49' 15"	106° 58' 53"	C-48-10-B-d
i Đắk Tung	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long					11° 47' 51"	106° 57' 46"	C-48-10-B-d
ờng ĐT.759	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long					11° 57' 30"	107° 04' 09"	C-48-11-A-c C-48-10-B-d
n Hưng Lập	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 31"	107° 02' 16"					C-48-11-A-c
ia Nam Ngải	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 25"	106° 59' 24"					C-48-10-B-d
ia Nam Thiên	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 41"	107° 00' 30"					C-48-11-A-c
n Phước Lộc	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 09"	107° 00' 53"					C-48-11-A-c
o Phước Lộc	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 53"	107° 00' 55"					C-48-11-A-c
n Phước Quả	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 41"	107° 00' 30"					C-48-11-A-c
à thờ Phước Quả	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 17"	106° 59' 58"					C-48-10-B-d
n Phước Thiện	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 18"	106° 59' 43"					C-48-10-B-d
n Phước Yên	DC	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 47' 18"	106° 59' 23"					C-48-10-B-d
ia Thiên Hưng	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 42"	107° 04' 00"					C-48-11-A-c
Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
p tràn Thủy điện Thác Mơ	KX	xã Phước Tín	TX. Phước Long	11° 48' 52"	107° 02' 01"					C-48-11-A-c
Bảy Mẫu	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 09"	107° 15' 08"					C-48-11-B-c
ầu Âm Hồn	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 00"	107° 15' 11"					C-48-11-B-c
Brang Mang	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 03"	107° 13' 17"					C-48-11-A-d
u Bù Đăng	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 50"	107° 14' 53"					C-48-11-A-d
à thờ Bù Đăng	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 47"	107° 14' 48"					C-48-11-A-d
Bù Môn	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 45"	107° 15' 10"					C-48-11-B-c
i Chi Khu	SV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 56"	107° 14' 59"					C-48-11-A-d
ới Đắk Geo	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng			11° 53' 30"	107° 18' 38"	11° 48' 11"	107° 14' 42"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
ới Đắk Wa	TV	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 15' 02"	11° 45' 42"	107° 09' 32"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
ường Phổ thông dân tộc ị trú Điều Ong	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 01"	107° 14' 43"					C-48-11-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hi mảnh bản địa hìn
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
di tích lịch sử Đoạn cuối đường mòn Hồ Chí Minh	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 50"	107° 14' 35"					C-48-11-
khu phố Đức Hoà	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 38"	107° 14' 21"					C-48-11-
khu phố Đức Lập	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 58"	107° 13' 59"					C-48-10-
khu phố Đức Lợi	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 24"	107° 14' 51"					C-48-11-
khu phố Đức Thiện	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 34"	107° 13' 05"					C-48-11-
khu phố Đức Thọ	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 04"	107° 14' 57"					C-48-11-
khu phố Hoà Đồng	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 49' 23"	107° 14' 34"	11° 48' 50"	107° 14' 46"	11° 48' 00"	107° 14' 19"	C-48-11-
Đường Hùng Vương	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng							C-48-11-
chùa Phổ Quang	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 50"	107° 14' 49"	11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-
Đường QL.14	KX	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng							C-48-11-
khu phố Tân Hưng	DC	TT. Đức Phong	H. Bù Đăng	11° 48' 40"	107° 14' 56"					C-48-11-
Thôn 2	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 51' 02"	107° 10' 57"					C-48-11-
Thôn 3	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 51' 44"	107° 11' 20"					C-48-11-
Thôn 4	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 52' 54"	107° 11' 36"					C-48-11-
Thôn 5	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 53' 20"	107° 11' 24"					C-48-11-
Thôn 6	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 12"	107° 08' 31"					C-48-11-
Thôn 7	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 44"	107° 09' 11"					C-48-11-
Thôn 8	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 32"	107° 07' 09"					C-48-11-
thôn Bom Bo	DC	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 12"	107° 11' 18"					C-48-11-
cầu Bom Bo	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 53' 41"	107° 11' 12"					C-48-11-
cầu Bom Ría	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 53' 12"	107° 11' 30"					C-48-11-
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng 1	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 52' 10"	107° 13' 34"					C-48-11-
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng 2	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 48"	107° 11' 23"					C-48-11-
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng 3	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 23"	107° 08' 28"					C-48-11
suối Đăk Kĩa	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 54' 13"	107° 14' 13"	11° 54' 42"	107° 13' 15"	C-48-11
suối Đăk Lá 1	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 51' 42"	107° 11' 12"	11° 48' 35"	107° 09' 24"	C-48-11
suối Đăk Lá 2	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 50' 04"	107° 11' 14"	11° 48' 39"	107° 10' 16"	C-48-11
cầu Đăk Lập	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 48' 58"	107° 11' 17"					C-48-11
suối Đăk Lung	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 52' 07"	107° 12' 40"	11° 50' 43"	107° 11' 56"	C-48-11

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Đi Đắc Nhau	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 54' 42"	107° 13' 15"	11° 51' 46"	107° 07' 09"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-c; C-48-11-A-d
Đi Đắc Rĩa	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 53' 28"	107° 14' 04"	11° 52' 59"	107° 10' 43"	C-48-11-A-b
Đi Đắc Rơ Lấp	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-B-a
Đi Đắc Rơ Lấp	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-d
Đi Lang Gu	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng			11° 51' 48"	107° 10' 47"	11° 51' 54"	107° 08' 49"	C-48-11-A-d
Đi Số 5	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 20"	107° 11' 16"					C-48-11-A-d
Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
Đi Đắc Nhau	KX	xã Bình Minh	H. Bù Đăng	11° 50' 25"	107° 07' 06"					C-48-11-A-a
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 51"	107° 11' 10"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 55' 12"	107° 10' 43"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 55' 27"	107° 12' 15"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 56' 13"	107° 11' 07"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 51"	107° 07' 13"					C-48-11-A-a
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 02"	107° 09' 49"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 15"	107° 08' 13"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 26"	107° 06' 49"					C-48-11-A-a
Đi Đắc Nhau	DC	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 41"	107° 11' 12"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 54' 28"	107° 11' 05"					C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng							C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 58' 14"	107° 13' 17"	11° 53' 47"	107° 11' 14"	C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 57' 21"	107° 10' 37"	11° 56' 27"	107° 07' 18"	C-48-11-A-a
Đi Đắc Nhau	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 56' 14"	107° 12' 36"	11° 54' 51"	107° 11' 33"	C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 56' 10"	107° 11' 03"	11° 53' 37"	107° 08' 29"	C-48-11-A-b
Đi Đắc Nhau	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 54' 42"	107° 13' 15"	11° 51' 46"	107° 07' 09"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-c; C-48-11-A-d
Đi Đắc Nhau	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 50"	107° 06' 29"					C-48-11-A-a
Đi Đắc Nhau	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
bến đò Thôn 7	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 45"	107° 04' 19"					C-48-11-
bến đò Thôn 10	KX	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 53' 07"	107° 04' 40"					C-48-11-
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Bom Bo	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-
thôn Bù Ghe	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 59' 11"	107° 13' 36"					C-48-95-
Suối Cản	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 54' 32"	107° 14' 45"	11° 54' 30"	107° 13' 47"	C-48-11-
suối Đăk Bui	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 58' 14"	107° 13' 17"	11° 53' 47"	107° 11' 14"	C-48-11-
sông Đăk Glun	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-
suối Đăk Glun	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			12° 01' 00"	107° 17' 37"	12° 01' 15"	107° 15' 32"	C-48-11-
suối Đăk Hum	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 58' 49"	107° 18' 09"	11° 54' 30"	107° 15' 57"	C-48-11-
suối Đăk Kia	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 54' 13"	107° 14' 13"	11° 54' 42"	107° 13' 15"	C-48-11-
thôn Đăk La	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 59' 00"	107° 15' 10"					C-48-11-
thôn Đăk Liên	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 59' 38"	107° 17' 13"					C-48-11-
suối Đăk Liên	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 59' 30"	107° 16' 59"	11° 59' 49"	107° 09' 19"	C-48-95-
nhà thờ Đăk Nhay	KX	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 58' 43"	107° 14' 19"					C-48-11-
suối Đăk Nhay	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 54' 42"	107° 13' 15"	11° 51' 46"	107° 07' 09"	C-48-11-
thôn Đăk Nung	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 59' 24"	107° 14' 20"					C-48-11-
suối Đăk Nung	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 59' 03"	107° 14' 07"	11° 59' 20"	107° 12' 51"	C-48-11-
sông Đăk Rơ Láp	TV	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-
thôn Đăk Wi	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 56' 54"	107° 13' 03"					C-48-11-
thôn Đăk Xuyên	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 58' 22"	107° 14' 14"					C-48-11-
thôn Đăk Lang	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 59' 06"	107° 15' 41"					C-48-11-
thôn Thống Nhất	DC	xã Đăk Nhay	H. Bù Đăng	11° 58' 17"	107° 13' 34"					C-48-11-
Thôn 1	DC	xã Đăk Hà	H. Bù Đăng	11° 34' 59"	107° 13' 49"					C-48-11-
Thôn 2	DC	xã Đăk Hà	H. Bù Đăng	11° 33' 38"	107° 17' 28"					C-48-11-
Thôn 3	DC	xã Đăk Hà	H. Bù Đăng	11° 33' 34"	107° 18' 16"					C-48-11-
Thôn 4	DC	xã Đăk Hà	H. Bù Đăng	11° 34' 31"	107° 18' 07"					C-48-11-
Thôn 5	DC	xã Đăk Hà	H. Bù Đăng	11° 35' 26"	107° 17' 34"					C-48-11-
Thôn 6	DC	xã Đăk Hà	H. Bù Đăng	11° 37' 36"	107° 17' 24"					C-48-11-
Vườn quốc gia Cát Tiên	KX	xã Đăk Hà	H. Bù Đăng	11° 32' 17"	107° 13' 51"					C-48-11-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
i Đăk Kơ	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 37' 16"	107° 15' 17"	11° 37' 47"	107° 17' 16"	C-48-11-D; C-48-11-D-a
i Đăk Sét	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng			11° 35' 18"	107° 11' 17"	11° 37' 16"	107° 15' 17"	C-48-11-D; C-48-11-C-d
i Đăk Tri O	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng				107° 18' 45"			C-48-11-D
o họ Đăng Hà	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 33' 12"				11° 33' 31"	107° 16' 35"	C-48-11-D
i Đăp Lúa	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng					11° 46' 03"	107° 19' 12"	C-48-11-D; C-48-11-D-a
g Đổng Nai	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng							C-48-11-D; C-48-11-C-d
i Đổng Sắt	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng					11° 32' 26"	107° 15' 16"	C-48-11-C-d
i Đổng Sắt	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng					11° 34' 17"	107° 14' 52"	C-48-11-C-d
ông Đ.T.755B	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng					11° 41' 58"	107° 18' 31"	C-48-11-D
i Mã Đà	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng					11° 34' 21"	106° 56' 11"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d
ị Nam	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng					11° 32' 58"	107° 10' 29"	C-48-11-C-d
ng trường Cao su hĩa Trung	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 32' 04"	107° 11' 21"					C-48-11-C-d
i Phước Cát	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 34' 09"	107° 18' 30"					C-48-11-D
i Số 2	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 37' 45"	107° 17' 14"					C-48-11-D-a
i Số 3	KX	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng	11° 35' 12"	107° 17' 44"					C-48-11-D
ối Tro	TV	xã Đăng Hà	H. Bù Đăng					11° 34' 39"	107° 15' 49"	C-48-11-D; C-48-11-C-d
ôn 1	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 50' 09"	107° 14' 16"					C-48-11-A-d
ôn 2	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 50' 14"	107° 16' 22"					C-48-11-B-c
ôn 3	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 47"	107° 14' 07"					C-48-11-A-d
ôn 4	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 35"	107° 14' 16"					C-48-11-A-d
ôn 5	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 28"	107° 13' 51"					C-48-11-A-d
ôn 6	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 03"	107° 13' 38"					C-48-11-A-d
ôn 7	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 46' 34"	107° 14' 01"					C-48-11-A-d
ôn 8	DC	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 45' 08"	107° 12' 06"					C-48-11-A-d
Brang Mang	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 49' 03"	107° 13' 17"					C-48-11-A-d
ối Đăk Geo	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 53' 30"	107° 18' 38"	11° 48' 11"	107° 14' 42"	C-48-11-A-d C-48-11-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hi mã địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
sông Đắk Rơ Lấp	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-
suối Đắk Thiêm	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 45' 12"	107° 13' 53"	11° 44' 34"	107° 10' 30"	C-48-11-
suối Đắk Wa	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 45' 42"	107° 09' 32"	C-48-11-
Đường ĐT.755	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 48' 00"	107° 14' 19"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-
Thác Đứng	TV	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 46' 38"	107° 12' 47"					C-48-11-
chùa Giác Ngộ	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 59"	107° 14' 10"					C-48-11-
Đường QL.14	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-
cầu Số 1	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 45' 48"	107° 14' 22"					C-48-11-
cầu Số 2	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 46' 16"	107° 14' 12"					C-48-11-
cầu Số 3	KX	xã Đoàn Kết	H. Bù Đăng	11° 47' 24"	107° 13' 43"					C-48-11-
Thôn 1	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 45' 41"	107° 18' 53"					C-48-11-
Thôn 2	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 46' 14"	107° 19' 55"					C-48-11-
Thôn 3	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 46' 47"	107° 19' 36"					C-48-11-
Thôn 4	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 42"	107° 19' 31"					C-48-11-
Thôn 5	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 46"	107° 20' 15"					C-48-11-
Thôn 6	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 14"	107° 18' 27"					C-48-11-
đôi 500B	SV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 59"	107° 23' 22"					C-48-11-
đôi 502A	SV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 50' 21"	107° 22' 51"					C-48-11-
Trảng cỏ Bàu Lạch	DC	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 32"	107° 21' 02"					C-48-11-
Ban quản lý Rừng phòng hộ Bù Đăng	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 56"	107° 19' 33"					C-48-11-
hội thánh Bù Lạch	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 48' 49"	107° 20' 17"					C-48-11-
suối Da Dâng	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 49' 21"	107° 21' 23"	11° 45' 53"	107° 21' 43"	C-48-11-
suối Da Nao	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 46' 58"	107° 17' 03"	11° 44' 07"	107° 16' 02"	C-48-11-
suối Đắk Ka	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 51' 36"	107° 25' 27"	11° 48' 28"	107° 24' 28"	C-48-11-
hội thánh Đắk Kang	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 37"	107° 22' 01"					C-48-11-
suối Đắk Mía	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 52' 11"	107° 23' 17"	11° 49' 33"	107° 23' 02"	C-48-11-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
i Đăk Mlô 1	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 49' 33"	107° 23' 02"	11° 47' 58"	107° 22' 19"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d
i Đăk Mlô 2	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 47' 58"	107° 22' 19"	11° 46' 30"	107° 21' 12"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d
i Đăk Rơ Ke	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 48' 28"	107° 24' 28"	11° 46' 05"	107° 23' 22"	C-48-11-B-d
Đăk Wa	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 50' 28"	107° 18' 45"			11° 46' 58"	107° 17' 03"	C-48-11-B-c
i Đăk Wa 1	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 49' 36"	107° 20' 48"	11° 46' 58"	107° 15' 32"	C-48-11-B-c
i Đăk Wa 2	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 48' 41"		C-48-11-B-c
Đăk Wa 1	KX	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 05"	107° 19' 23"					C-48-11-B-c
g Đồng Nai	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng			11° 46' 03"	107° 23' 20"	11° 33' 18"	107° 19' 12"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d; C-48-11-D-a
ác Voi	TV	xã Đồng Nai	H. Bù Đăng	11° 49' 00"	107° 22' 10"					C-48-11-B-c
ôn 1	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 43' 36"	107° 05' 31"					C-48-11-C-a
ôn 2	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 55"	107° 08' 26"					C-48-11-C-b
ôn 3	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 22"	107° 04' 17"					C-48-11-C-a
ôn 4	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 43' 31"	107° 05' 40"					C-48-11-C-a
ôn 5	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 48"	107° 09' 15"					C-48-11-C-b
ôn 6	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 43' 35"	107° 07' 51"					C-48-11-C-b
ôn 7	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 58"	107° 08' 01"					C-48-11-C-b
ôn 8	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 37"	107° 06' 19"					C-48-11-A-c
ôn 9	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 03"	107° 09' 50"					C-48-11-A-d
ôn 10	DC	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 45' 33"	107° 06' 16"					C-48-11-C-b
138	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 45' 49"	107° 09' 29"					C-48-11-A-d
ị Cầu Mới	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 42' 38"	107° 08' 58"	11° 43' 41"	107° 10' 41"	C-48-11-C-b
ị Đăk Pan Ton	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 41' 37"	107° 06' 37"	11° 44' 08"	107° 07' 22"	C-48-11-C-a
ị Đăk Răng	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 42' 16"	107° 05' 04"	11° 44' 15"	107° 04' 10"	C-48-11-C-a
à Đức Bồn A Lan Nhả	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 39"	107° 05' 02"					C-48-11-C-a
rông Đ.T.755B	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng							C-48-11-C-b
u Mới	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 42"	107° 09' 00"			11° 41' 58"	107° 10' 26"	C-48-11-C-b
ng trường Cao su	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 44' 10"	107° 05' 05"					C-48-11-C-a
hĩa Trung	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng							C-48-11-C-b
ội Ô Ven	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 40' 45"	107° 10' 32"	11° 42' 38"	107° 08' 57"	C-48-11-C-a
u Pan Toong	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 33"	107° 07' 05"					C-48-11-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thác Pan Toong	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng	11° 42' 37"	107° 07' 06"					C-48-11-
Đường QL.14	KX	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Đức Liễu	H. Bù Đăng							C-48-11-
Thôn 1	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 27"	107° 10' 48"					C-48-11-
Thôn 2	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 54"	107° 10' 01"					C-48-11-
Thôn 3	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 46"	107° 11' 41"					C-48-11-
Thôn 4	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 57' 47"	107° 13' 05"					C-48-11-
Thôn 5	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 52"	107° 12' 29"					C-48-95-
Thôn 6	DC	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 48"	107° 09' 11"					C-48-11-
di tích lịch sử Căn cứ Nửa Lon	KX	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 00"	107° 12' 20"					C-48-11-
suối Đăk Bui	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 58' 14"	107° 13' 17"	11° 53' 47"	107° 11' 14"	C-48-11-
sông Đăk Glun	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-
suối Đăk La	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 57' 21"	107° 10' 37"	11° 56' 27"	107° 07' 18"	C-48-11-
suối Đăk Liên	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 56' 14"	107° 12' 36"	11° 54' 51"	107° 11' 33"	C-48-11-
cầu Đăk Lung 2	KX	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 58' 35"	107° 07' 59"					C-48-11-
suối Đăk Nung	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 59' 03"	107° 14' 07"	11° 59' 20"	107° 12' 51"	C-48-11-
Đường ĐT.760	KX	xã Đường 10	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Đường 10	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-
Thôn 1	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 50"	107° 12' 18"					C-48-11-
Thôn 2	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 01"	107° 11' 59"					C-48-11-
Thôn 3	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 17"	107° 10' 40"					C-48-11-
Thôn 4	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 46' 50"	107° 09' 34"					C-48-11-
Thôn 5	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 46' 29"	107° 10' 49"					C-48-11-
Thôn 6	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 55"	107° 11' 16"					C-48-11-
Thôn 7	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 05"	107° 10' 12"					C-48-11-
Thôn 8	DC	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 46' 37"	107° 08' 01"					C-48-11-
cầu 38	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 45' 49"	107° 09' 29"					C-48-11-
Trạm biến thế 110V Bù Đăng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 54"	107° 12' 03"					C-48-11-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
m biến thế 35KV Đặng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 01"	107° 10' 25"					C-48-11-A-d
Brang Mang	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 49' 03"	107° 13' 17"					C-48-11-A-d
i Đắk Dong Xai	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 47' 42"	107° 10' 32"	11° 47' 25"	107° 06' 00"	C-48-11-A-d
Đắk Láp	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 58"	107° 11' 17"					C-48-11-A-d
i Đắk Nai	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 46' 34"	107° 10' 39"	11° 45' 40"	107° 10' 18"	C-48-11-A-d
i Đắk Quy Ré	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 45' 42"	107° 09' 32"	11° 46' 10"	107° 08' 39"	C-48-11-A-d
g Đắk Rơ Láp	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c; C-48-11-C-b
i Đắk Wa	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 48' 10"	107° 15' 02"	11° 45' 42"	107° 09' 32"	C-48-11-A-d; C-48-11-C-b
òng Đ.T.760	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-b; C-48-11-A-d
g trường Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 24"	107° 10' 10"					C-48-11-A-d
ì thờ Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 47' 02"	107° 10' 31"					C-48-11-A-d
òng QL.14	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-A-d; C-48-11-B-c
ia Thanh Minh A Lam	KX	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 48' 07"	107° 11' 34"					C-48-11-A-d
Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Minh Hưng	H. Bù Đăng	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
in Bình Hoà	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 15"	107° 08' 18"					C-48-11-C-b
in Bình Lợi	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 51"	107° 04' 54"					C-48-11-C-a
in Bình Minh	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 40' 54"	107° 09' 05"					C-48-11-C-b
in Bình Thọ	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 58"	107° 05' 36"					C-48-11-C-a
in Bình Tiến	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 40' 49"	107° 06' 36"					C-48-11-C-a
in Bình Trung	DC	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng	11° 41' 01"	107° 04' 54"					C-48-11-C-a
ối Bù Na	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 39' 35"	107° 04' 01"	11° 41' 22"	107° 04' 13"	C-48-11-C-a
ối Đá	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 38' 23"	107° 06' 22"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-a
ối Đá Ong	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 37' 54"	107° 04' 37"	11° 40' 40"	107° 06' 18"	C-48-11-C-a
ối Đắk Pan Ton 1	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 34' 41"	107° 08' 05"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-b
ối Đắk Pan Ton 2	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 41' 37"	107° 06' 37"	11° 44' 08"	107° 07' 22"	C-48-11-C-a
ối Ó Ven	TV	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 40' 45"	107° 10' 32"	11° 42' 38"	107° 08' 57"	C-48-11-C-b
rông QL.14	KX	xã Nghĩa Bình	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Thôn 1	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 41"	107° 03' 56"					C-48-11-
Thôn 2	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 37' 57"	107° 04' 25"					C-48-11-
Thôn 3	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 44"	107° 04' 14"					C-48-11-
Thôn 5	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 36' 22"	107° 05' 23"					C-48-11-
Thôn 6	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 40' 11"	107° 03' 34"					C-48-11-
Thôn 8	DC	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 05"	107° 05' 58"					C-48-11-
chùa A Di Đà	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 07"	107° 03' 11"					C-48-11-
chợ Bù Na	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 40' 09"	107° 03' 44"					C-48-11-
suối Bù Na	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 39' 35"	107° 04' 01"	11° 41' 22"	107° 04' 13"	C-48-11-
suối Da Dôn	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 35' 16"	107° 05' 58"	11° 38' 23"	107° 06' 22"	C-48-11-
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 38' 23"	107° 06' 22"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-
suối Đá Ong	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 37' 54"	107° 04' 37"	11° 40' 40"	107° 06' 18"	C-48-11-
suối Đăk Pan Ton	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 34' 41"	107° 08' 05"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-
Đường ĐT.753B	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 39' 37"	106° 53' 49"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-
nhà thờ Mỹ Trung	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 40' 31"	107° 03' 50"					C-48-11-
nông trường Nghĩa Trung	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 41' 07"	107° 03' 20"					C-48-11-
nông trường Cao su Nghĩa Trung	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 37' 33"	107° 08' 03"					C-48-11-
đập Ông Thọ	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 35"	107° 04' 03"					C-48-11-
suối Pa Răng	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 39' 34"	107° 04' 42"	11° 41' 11"	107° 04' 03"	C-48-11-
Đường QL.14	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-
suối Tre Sai	TV	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng			11° 37' 27"	107° 07' 33"	11° 39' 16"	107° 08' 46"	C-48-11-
chùa Trúc Lâm	KX	xã Nghĩa Trung	H. Bù Đăng	11° 39' 32"	107° 04' 22"					C-48-11-
Cầu 1	KX	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 18"	107° 24' 00"					C-48-11-
Suối Đá	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 50' 20"	107° 24' 14"	11° 49' 28"	107° 24' 24"	C-48-11-
sông Đăk Glun	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-
suối Đăk Hum	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 58' 49"	107° 18' 09"	11° 54' 30"	107° 15' 57"	C-48-11-
suối Đăk Muôi	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 59' 13"	107° 19' 58"	11° 56' 28"	107° 19' 55"	C-48-11-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ị Đăk Nô	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 58' 56"	107° 20' 29"	11° 56' 25"	107° 21' 03"	C-48-11-B-a
ị Đăk Rơ Đe	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 54' 50"	107° 21' 59"	11° 55' 31"	107° 18' 29"	C-48-11-B-a
g Đăk Rơ Láp	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-B-a
ị Đăk Rơ Mếu	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 57' 18"	107° 17' 55"	11° 54' 42"	107° 17' 15"	C-48-11-B-a
ị Đăk Ru	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 18"	107° 24' 00"	11° 51' 35"	107° 25' 27"	C-48-11-B-b; C-48-11-B-d
ị Đăk Wa	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 48' 41"	107° 15' 32"	C-48-11-B-a
u Đĩa	TV	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 42"	107° 23' 04"					C-48-11-B-b
òng QL.14	KX	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-B-c; C-48-11-B-d
n Sơn Lang	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 16"	107° 19' 48"					C-48-11-B-a
n Sơn Phú	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 34"	107° 22' 00"					C-48-11-B-a
n Sơn Quý	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 54' 51"	107° 22' 17"					C-48-11-B-a
n Sơn Tân	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 36"	107° 23' 31"					C-48-11-B-a
n Sơn Thành	DC	xã Phú Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 50"	107° 20' 53"					C-48-11-B-a
1	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 02"	107° 12' 51"					C-48-11-C-b
2	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 42"	107° 13' 34"					C-48-11-C-b
3	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 42' 19"	107° 14' 11"					C-48-11-C-b
4	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 42' 45"	107° 14' 09"					C-48-11-C-b
5	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 32"	107° 14' 30"					C-48-11-C-b
6	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 44' 52"	107° 14' 46"					C-48-11-C-b
6	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 45' 22"	107° 15' 07"					C-48-11-B-c
7	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 40"	107° 12' 33"					C-48-11-C-b
8	DC	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 54"	107° 11' 25"					C-48-11-C-b
ịa A Lan Nhả	KX	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 43' 06"	107° 12' 45"					C-48-11-C-b
c Bù Xa	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 23"	107° 13' 23"					C-48-11-C-b
ị Đăk Qwyn	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 41' 56"	107° 13' 22"	11° 43' 52"	107° 13' 10"	C-48-11-D-a
ị Đăk Rơ Lu	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 44' 07"	107° 16' 2"	11° 42' 13"	107° 16' 55"	C-48-11-D-a
ị Đăk Thiêm	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 45' 12"	107° 13' 53"	11° 44' 34"	107° 10' 30"	C-48-11-A-d; C-48-11-C-b
u Đĩa	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 42' 28"	107° 12' 19"					C-48-11-C-b
g Đồng Nai	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 46' 03"	107° 23' 20"	11° 33' 18"	107° 19' 12"	C-48-11-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ĐườngĐT.755	KX	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng			11° 48' 00"	107° 14' 19"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-
Bàu Puôn	TV	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 41' 27"	107° 12' 16"					C-48-11-
cầu Số 1	KX	xã Phước Sơn	H. Bù Đăng	11° 45' 48"	107° 14' 22"					C-48-11-
đồi 502A	SV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 50' 21"	107° 22' 51"					C-48-11-
hội thánh Bon Bù Lố	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 51' 27"	107° 17' 24"					C-48-11-
suối Đăk Geo	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 30"	107° 18' 38"	11° 48' 11"	107° 14' 42"	C-48-11-
suối Đăk Lót	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 52' 42"	107° 16' 21"	11° 52' 26"	107° 14' 34"	C-48-11-
suối Đăk Mía	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 52' 11"	107° 23' 17"	11° 49' 33"	107° 23' 02"	C-48-11-
sông Đăk Rơ Láp	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 56' 03"	107° 21' 52"	11° 48' 35"	107° 10' 24"	C-48-11-
cầu Đăk Wa	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 50' 28"	107° 18' 45"					C-48-11-
suối Đăk Wa	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 53' 23"	107° 23' 05"	11° 48' 41"	107° 15' 32"	C-48-11-
Suối Nhánh	TV	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 51' 51"	107° 20' 20"	11° 50' 39"	107° 18' 44"	C-48-11-
Đường QL.14	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-
thôn Sơn Hiệp	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 14"	107° 18' 00"					C-48-11-
thôn Sơn Hoà	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 13"	107° 19' 20"					C-48-11-
cầu Sơn Hoà 1	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 17"	107° 19' 25"					C-48-11-
nhà thờ tin lành Sơn Hoà 1	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 51' 58"	107° 19' 20"					C-48-11-
cầu Sơn Hoà 2	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 23"	107° 19' 10"					C-48-11-
nhà thờ tin lành Sơn Hoà 2	KX	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 21"	107° 19' 23"					C-48-11-
thôn Sơn Lập	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 51' 14"	107° 17' 06"					C-48-11-
thôn Sơn Lợi	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 49"	107° 18' 46"					C-48-11-
thôn Sơn Thọ	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 52' 55"	107° 16' 34"					C-48-11-
thôn Sơn Thủy	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 12"	107° 18' 08"					C-48-11-
thôn Sơn Tùng	DC	xã Thọ Sơn	H. Bù Đăng	11° 53' 14"	107° 19' 00"					C-48-11-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Đn 1	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 40' 15"	107° 12' 31"					C-48-11-C-b
Đn 2	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 40' 37"	107° 14' 16"					C-48-11-C-b
Đn 3	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 39' 54"	107° 11' 52"					C-48-11-C-b
Đn 4	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 37' 55"	107° 10' 26"					C-48-11-C-b
Đn 5	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 01"	107° 16' 40"					C-48-11-D-a
Đn 6	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 37' 04"	107° 10' 31"					C-48-11-C-d
Đn 7	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 41' 31"	107° 10' 58"					C-48-11-C-b
Đn 8	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 40' 49"	107° 11' 10"					C-48-11-C-b
Đn 9	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 59"	107° 13' 05"					C-48-11-C-b
Đn 10	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 50"	107° 14' 19"					C-48-11-C-b
Đn 11	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 39' 00"	107° 11' 00"					C-48-11-C-b
Đn 12	DC	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 35' 21"	107° 09' 43"					C-48-11-C-b
thánh Butôl	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 35' 15"	107° 09' 38"					C-48-11-C-d
Đn 13	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 38' 53"	107° 16' 07"					C-48-11-C-d
Đn 14	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 34' 36"	107° 09' 17"	11° 37' 16"	107° 15' 17"	C-48-11-C-b; C-48-11-D-a; C-48-11-D
Đn 15	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 37' 16"	107° 15' 17"	11° 37' 47"	107° 17' 16"	C-48-11-D; C-48-11-D-a
Đn 16	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 34' 41"	107° 08' 05"	11° 41' 37"	107° 06' 37"	C-48-11-C-b
Đn 17	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 39' 52"	107° 12' 53"	11° 39' 25"	107° 15' 55"	C-48-11-C-b; C-48-11-D-a
Đn 18	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 38' 17"	107° 10' 40"	11° 38' 35"	107° 12' 40"	C-48-11-C-b
Đn 19	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 44' 07"	107° 16' 02"	11° 42' 13"	107° 16' 55"	C-48-11-D-a
Đn 20	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 35' 18"	107° 11' 17"	11° 37' 16"	107° 15' 17"	C-48-11-D; C-48-11-C-d
Đn 21	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 34' 37"	107° 09' 15"					C-48-11-C-d
Đn 22	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 48' 00"	107° 14' 19"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-11-C-b
Đn 23	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 41' 58"	107° 10' 26"	11° 34' 09"	107° 18' 31"	C-48-11-C-b
Đn 24	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 46' 03"	107° 23' 20"	11° 33' 18"	107° 19' 12"	C-48-11-D-a
Đn 25	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 38' 20"	107° 10' 13"	11° 41' 24"	107° 10' 10"	C-48-11-C-b
Đn 26	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 38' 56"	107° 11' 01"	11° 40' 45"	107° 10' 32"	C-48-11-C-b
Đn 27	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 40' 45"	107° 10' 32"	11° 42' 38"	107° 08' 57"	C-48-11-C-b
Đn 28	TV	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng			11° 39' 38"	107° 11' 34"	11° 40' 45"	107° 10' 32"	C-48-11-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hi mảnh bản địa hìn
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hội thánh R.Bun Bon Bù Khon	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 36' 00"	107° 10' 13"					C-48-11-I
cầu Số 2	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 37' 45"	107° 17' 14"					C-48-11-I
chùa Thanh Quang	KX	xã Thống Nhất	H. Bù Đăng	11° 39' 35"	107° 12' 10"					C-48-11-I
nhà máy Thủy điện Cần Đơn	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 58' 05"	106° 50' 23"					C-48-10-I
Sông Bé	TV	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-I
hồ Cần Đơn	TV	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 59' 18"	106° 52' 04"					C-48-10-I
Đường Lê Duẩn	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 56' 40"	106° 50' 09"	C-48-10-I
Đường Nguyễn Huệ	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp			11° 58' 09"	106° 47' 48"	11° 57' 05"	106° 47' 26"	C-48-10-I
cầu Sông Bé	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 56' 40"	106° 50' 09"					C-48-10-I
khu phố Thanh Bình	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 44"	106° 47' 54"					C-48-10-I
Trường Trung học cơ sở Thanh Bình	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 17"	106° 47' 44"					C-48-10-I
Trường Trung học phổ thông Thanh Hoà	KX	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 45"	106° 47' 46"					D-48-94-I
ấp Thanh Tâm	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 07"	106° 48' 37"					C-48-10-I
ấp Thanh Thủy	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 33"	106° 49' 59"					C-48-10-I
ấp Thanh Trung	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 56"	106° 48' 33"					C-48-10-I
ấp Thanh Sơn	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 22"	106° 49' 48"					C-48-10-I
khu phố Thanh Xuân	DC	TT. Thanh Bình	H. Bù Đốp	11° 57' 00"	106° 48' 14"					C-48-10-I
Áp 3	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 02' 36"	106° 49' 56"					D-48-94-I
Áp 4	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 01' 37"	106° 49' 00"					D-48-94-I
Áp 5	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 00' 29"	106° 48' 07"					D-48-94-I
Áp 6	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 00' 40"	106° 48' 24"					D-48-94-I
ấp Bù Tam	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 01' 35"	106° 48' 24"					D-48-94-I
Trạm kiểm soát liên hợp Cửa khẩu Hoàng Diệu	KX	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 03' 54"	106° 50' 57"					D-48-94-I
suối Đăk Jerman	TV	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp			12° 03' 51"	106° 54' 45"	12° 02' 22"	106° 45' 37"	D-48-94-I
Đường ĐT.759B	KX	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	D-48-94-I C-48-10-I
ấp Phước Tiến	DC	xã Hưng Phước	H. Bù Đốp	12° 01' 45"	106° 47' 19"					D-48-94-I

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Cần Đơn	TV	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	11° 59' 18"	106° 52' 04"					D-48-94-D+C; C-48-10-B-b; C-48-10-B-a
ng ty TNHH MTV Cao Sông Bé	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 01' 28"	106° 51' 32"					D-48-94-D+C
ích lịch sử Địa điểm mer đỏ thám sát dân ởng	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 18"	106° 49' 07"					D-48-94-D+C
Điện Ảnh	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 01' 06"	106° 49' 47"					D-48-94-D+C
ích lịch sử Đoạn cuối ụng Hồ Chí Minh	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 03' 15"	106° 50' 43"					D-48-94-D+C
ị Đăk Huyết	TV	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-94-D+C
ị Đăk Jerman	TV	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp			12° 03' 51"	106° 54' 45"	12° 02' 22"	106° 45' 37"	D-48-94-D+C
ờng Đ.T.759B	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	D-48-94-D+C
ị M26	KX	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 32"	106° 49' 35"					D-48-94-D+C
Mười Mầu	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 58"	106° 50' 42"					D-48-94-D+C
Tân Hưng	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 32"	106° 48' 47"					D-48-94-D+C
Tân Lập	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 02' 31"	106° 49' 54"					D-48-94-D+C
Tân Phước	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 01' 11"	106° 48' 44"					D-48-94-D+C
Tân Trạch	DC	xã Phước Thiện	H. Bù Đốp	12° 00' 22"	106° 48' 47"					D-48-94-D+C
ị Ber Ken	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp			11° 55' 20"	106° 45' 47"	11° 53' 38"	106° 43' 37"	C-48-10-A-b
ng Chrey Miêng	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	D-48-94-D+C; C-48-10-A-b
u Dài	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 57' 21"	106° 43' 32"					C-48-10-A-b
u Đung	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 42"	106° 41' 22"					C-48-10-A-b
ờng Đ.T.759B	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-b
u Sen	TV	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 57' 28"	106° 40' 31"					C-48-10-A-b
Tân Định	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 54' 47"	106° 42' 39"					C-48-10-A-b
Tân Đông	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 54' 07"	106° 43' 56"					C-48-10-A-b
Tân Hiệp	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 54' 58"	106° 42' 16"					C-48-10-A-b
Tân Hội	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 57' 12"	106° 42' 19"					C-48-10-A-b
Tân Lập	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 22"	106° 43' 22"					C-48-10-A-b
Tân Lợi	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 56' 15"	106° 42' 52"					C-48-10-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hi mảnh bản địa hìn
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ấp Tân Phong	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 56' 41"	106° 43' 18"					C-48-10-
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 46"	106° 43' 07"					C-48-10-
Trường Trung học cơ sở Tân Thành	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 56' 00"	106° 43' 02"					C-48-10-
giáo xứ Tân Thành	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 07"	106° 42' 34"					C-48-10-
Công ty TNHH Thiên Trang	KX	xã Tân Thành	H. Bù Đốp	11° 55' 06"	106° 42' 20"					C-48-10-
Sông Bé	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-
di tích lịch sử Căn cứ H8	KX	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 55"	106° 45' 49"					C-48-10-
suối Chùm Diều	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp			11° 55' 36"	106° 47' 03"	11° 54' 21"	106° 46' 42"	C-48-10-
Bàu Dài	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 57' 21"	106° 43' 32"					C-48-10-
suối K2	TV	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp			11° 55' 54"	106° 44' 43"	11° 53' 38"	106° 43' 37"	C-48-10-
ấp Sóc Nê	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 56"	106° 45' 38"					C-48-10-
ấp Tân An	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 55' 44"	106° 45' 24"					C-48-10-
ấp Tân Bình	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 56' 05"	106° 44' 02"					C-48-10-
ấp Tân Hoà	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 56' 13"	106° 44' 43"					C-48-10-
ấp Tân Nghĩa	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 58"	106° 44' 38"					C-48-10-
ấp Tân Nhân	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 55' 46"	106° 44' 17"					C-48-10-
ấp Tân Phước	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 54' 19"	106° 45' 21"					C-48-10-
Trường Trung học phổ thông, trung học cơ sở Tân Tiến	KX	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 53' 37"	106° 45' 03"					C-48-10-
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Tiến	H. Bù Đốp	11° 56' 29"	106° 45' 46"					C-48-10-
Áp 1	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 56' 51"	106° 47' 01"					C-48-10-
Áp 2	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 57' 01"	106° 46' 02"					C-48-10-
Áp 3	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 58' 56"	106° 45' 53"					C-48-10-
Áp 4	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 56' 02"	106° 49' 46"					C-48-10-
Áp 5	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 55' 21"	106° 48' 36"					C-48-10-
Áp 6	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 56' 50"	106° 47' 04"					C-48-10-
Áp 7	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 55' 46"	106° 47' 22"					C-48-10-
Áp 8	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 56' 21"	106° 48' 16"					C-48-10-
Áp 9	DC	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 54' 57"	106° 47' 36"					C-48-10-
Sông Bé	TV	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-
Stung Chrey Miêng	TV	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	D-48-94- C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)		
Chùm Diều	TV	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp			11° 55' 36"	106° 47' 03"	11° 54' 21"	106° 46' 42"	C-48-10-B-a	
	KX	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-B-a	
	KX	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp				106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-B-a	
	KX	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 56' 40"	106° 50' 09"					C-48-10-B-a	
	KX	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 55' 43"	106° 48' 24"					C-48-10-B-a	
Tiểu học Thanh Hoà	KX	xã Thanh Hoà	H. Bù Đốp	11° 56' 08"	106° 48' 13"					C-48-10-B-a	
	Trung học cơ sở Hoà	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 16"	106° 47' 26"					C-48-10-B-a
		DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 11"	106° 47' 52"					C-48-10-B-a
		DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 30"	106° 50' 37"					C-48-10-B-a
		DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 58' 13"	106° 48' 48"					C-48-10-B-a
Bảo Quang	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 40"	106° 47' 37"					C-48-10-B-a	
	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	12° 00' 20"	106° 47' 11"					D-48-94-D+C	
	Trường 5	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 39"	106° 49' 23"					C-48-10-B-a
		DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 10"	106° 49' 11"					C-48-10-B-a
		DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 58' 50"	106° 46' 57"					C-48-10-B-a
Đ.T.759B	DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 21"	106° 50' 04"					C-48-10-B-a	
	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-B-a	
	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 28"	106° 48' 06"					C-48-10-B-a	
	Trung học cơ sở Đốp	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 37"	106° 48' 11"					C-48-10-B-a
		TV	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 18"	106° 52' 04"					C-48-10-B-a
TNHH MTV Sông Bé	KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	12° 01' 28"	106° 51' 32"					D-48-94-D+C	
	Chrey Miêng	TV	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	D-48-94-D+C
		DC	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 58' 24"	106° 49' 19"					C-48-10-B-a
		KX	xã Thiện Hưng	H. Bù Đốp	11° 59' 21"	106° 48' 03"					C-48-10-B-a
		Trường 5	KX	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 50' 21"	106° 54' 59"				
DC	xã Bình Sơn		H. Bù Gia Mập	11° 50' 25"	106° 55' 57"					C-48-10-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Bình Minh	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 49' 08"	106° 52' 48"						C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Dum	TV	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập			11° 50' 29"	106° 55' 44"	11° 51' 54"	106° 50' 21"		C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Kleng	TV	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập					11° 49' 53"	106° 54' 01"	106° 50' 23"	C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Tê	TV	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập								C-48-10- C-48-10-	
Đường ĐT.759	KX	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập								C-48-10- C-48-10-	
chùa Long Sơn	KX	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 51' 04"	106° 54' 55"						C-48-10- C-48-10-	
thôn Phú Châu	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 50' 30"	106° 54' 16"						C-48-10- C-48-10-	
thôn Sơn Hà 1	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 51' 04"	106° 54' 53"						C-48-10- C-48-10-	
thôn Sơn Hà 2	DC	xã Bình Sơn	H. Bù Gia Mập	11° 50' 40"	106° 55' 25"						C-48-10- C-48-10-	
Nông trường 4	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 17"	106° 52' 47"						C-48-10- C-48-10-	
Nông trường 5	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 41"	106° 55' 15"						C-48-10- C-48-10-	
Nông trường 8-1	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 11"	106° 57' 00"						C-48-10- C-48-10-	
Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu 3-2	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 02"	106° 55' 59"						C-48-10- C-48-10-	
Nông trường 8-2	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 20"	106° 55' 11"						C-48-10- C-48-10-	
Nông trường 8-3	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 29"	106° 56' 39"						C-48-10- C-48-10-	
thôn Bình Hiếu	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 25"	106° 56' 35"						C-48-10- C-48-10-	
cầu Bình Hiếu	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 08"	106° 56' 38"						C-48-10- C-48-10-	
cầu C9	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 05"	106° 55' 58"						C-48-10- C-48-10-	
Công ty Cao su Phước Long	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 14"	106° 56' 13"						C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Đam	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 48' 54"	106° 56' 18"	11° 46' 39"	106° 51' 50"		C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Kan	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 49' 04"	106° 54' 37"	11° 46' 39"	106° 51' 50"		C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Klon	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 46' 52"	106° 54' 40"	11° 43' 49"	106° 54' 04"		C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Pon	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 47' 47"	106° 57' 08"	11° 47' 20"	106° 56' 40"		C-48-10- C-48-10-	
suối Đăk Tang	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 48' 40"	106° 57' 02"	11° 42' 36"	106° 54' 50"		C-48-10- C-48-10-	
Đường ĐT.741	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"		C-48-10- C-48-10-	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
a Hiếu Huệ	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 38"	106° 56' 21"					C-48-10-B-d
1 Hiếu Phong	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 09"	106° 57' 12"					C-48-10-B-d
a Minh Đức	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 26"	106° 55' 48"					C-48-10-B-d
lông trường 4	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 49"	106° 53' 22"					C-48-10-B-d
lông trường 8	TV	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 45"	106° 57' 08"					C-48-10-B-d
1 Phước An	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 48"	106° 56' 41"					C-48-10-B-d
1 Phước Hoà	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 47' 16"	106° 55' 29"					C-48-10-B-d
1 Phước Lộc	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 43"	106° 55' 24"					C-48-10-B-d
1 Phước Tân	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 48' 51"	106° 55' 37"					C-48-10-B-d
1 Phước Thịnh	DC	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 12"	106° 55' 50"					C-48-10-B-d;
										C-48-10-D-b
Phước Thịnh	KX	xã Bình Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 14"	106° 55' 58"					C-48-10-B-d
ng trường 1	KX	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 53"	106° 49' 48"					C-48-10-B-a
n 1	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 37"	106° 48' 32"					C-48-10-B-a
1 2A	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 16"	106° 49' 12"					C-48-10-B-a
1 2B	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 08"	106° 49' 25"					C-48-10-B-a
n 3	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 14"	106° 49' 59"					C-48-10-B-a;
n 4	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 36"	106° 50' 16"					C-48-10-B-c
n 5	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 54"	106° 49' 32"					C-48-10-B-a
1 6A	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 14"	106° 47' 36"					C-48-10-B-a;
										C-48-10-B-c
1 6B	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 28"	106° 47' 55"					C-48-10-B-a;
n 7	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 15"	106° 46' 39"					C-48-10-B-c
n 8	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 50' 19"	106° 45' 43"					C-48-10-B-a;
n 9	DC	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 52' 43"	106° 48' 20"					C-48-10-B-c
										C-48-10-B-a
ng Bé	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-A-b; C-48-10-A-d; C-48-10-B-a;
										C-48-10-B-c
ờng Trung học cơ sở h Thắng	KX	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập	11° 53' 23"	106° 49' 12"					C-48-10-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mã địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Cam Lang	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 53' 30"	106° 51' 10"	11° 54' 46"	106° 50' 19"	C-48-10-
Suối Đá	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 54' 46"	106° 50' 19"	11° 54' 59"	106° 49' 49"	C-48-10-
suối Đắc Cát	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 51' 54"	106° 50' 21"	11° 49' 26"	106° 45' 41"	C-48-10-
Suối Thom	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 52' 56"	106° 47' 38"	11° 51' 16"	106° 45' 45"	C-48-10- C-48-10-
kênh Thủy lợi	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 53' 14"	106° 48' 56"	11° 54' 33"	106° 48' 57"	C-48-10-
suối Yem	TV	xã Bình Thắng	H. Bù Gia Mập			11° 52' 19"	106° 52' 13"	11° 51' 54"	106° 50' 21"	C-48-10- C-48-10-
thôn Bù Dốt	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 05' 06"	107° 09' 43"					D-48-95-
Ban Quản lý rừng quốc gia Bù Gia Mập	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 05' 15"	107° 09' 16"					D-48-95-
thôn Bù La	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 26"	107° 10' 16"					D-48-95-
thôn Bù Lư	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 05' 13"	107° 09' 02"					D-48-95-
thôn Bù Nga	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 07"	107° 10' 41"					D-48-95-
thôn Bù Rên	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 04' 10"	107° 09' 55"					D-48-95-
Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 08' 25"	107° 11' 28"					D-48-95- D-48-95- D-48-95- C-48-11-
										D-48-11- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
										D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
										D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
thôn Cầu Sắt	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 29"	107° 07' 44"					D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
thôn Đắc Á	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 13"	107° 09' 24"					D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
thôn Đắc Côn	DC	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 04' 07"	107° 08' 06"					D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
suối Đắc Do	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 15' 26"	107° 12' 39"	12° 16' 54"	107° 10' 27"	D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
trạm thủy văn Đắc Glun	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 01' 33"	107° 10' 39"					D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
sông Đắc Glun	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	D-48-95- C-48-11- D-48-95- D-48-95-
sông Đắc Huýt	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-
suối Đắc Ké	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 05' 27"	107° 13' 57"	12° 02' 06"	107° 11' 17"	D-48-95- D-48-95- D-48-95- D-48-95-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Ấi Đăk Mai	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 11' 04"	107° 13' 28"	12° 03' 11"	107° 11' 42"	D-48-95-C; D-48-95-C-d		
Ấi Đăk Mai 1	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 49"	107° 10' 54"					D-48-95-C-d		
Ấi Đăk Ó	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 03' 40"	107° 07' 01"					D-48-95-C-c		
Ấi Đăk Ó 1	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 07' 46"	107° 08' 45"	12° 01' 56"	107° 07' 02"	D-48-95-C; D-48-95-C-c; D-48-95-C-d		
Ấi Đăk Ó 2	TV	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập			12° 01' 04"	107° 07' 01"	11° 58' 56"	107° 06' 20"	D-48-95-C-c; C-48-11-A-a		
Tích lịch sử Đoạn cuối ống ống dẫn xăng dầu 96	KX	xã Bù Gia Mập	H. Bù Gia Mập	12° 09' 00"	107° 10' 24"					D-48-95-C		
ống trường 4	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 25"	106° 52' 41"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d; C-48-10-D-a; C-48-10-D-b		
ống trường 9	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 42' 07"	106° 52' 54"					C-48-10-D-a; C-48-10-D-b		
Bàu Lách	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 42' 41"	106° 53' 41"					C-48-10-D-b		
Ấi Bến Tre	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 43' 30"	106° 51' 06"	11° 42' 36"	106° 52' 20"	C-48-10-D-a		
ống ty TNHH MTV sở Phước Long	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 49"	106° 52' 19"					C-48-10-D-a		
Đồi Đam	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 46' 39"	106° 51' 50"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a		
Ấi Đăk Klon	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 46' 52"	106° 54' 40"	11° 43' 49"	106° 54' 04"	C-48-10-D-b		
Ấi Đăk Mơ Nưn	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 43' 32"	106° 52' 08"	11° 40' 38"	106° 53' 01"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b		
Ấi Đăk Rang	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 44' 24"	106° 56' 27"	11° 43' 15"	106° 54' 23"	C-48-10-D-b		
Ấi Đăk Rát	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"	C-48-10-D-b		
Ấi Đăk Tang	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 48' 40"	106° 57' 02"	11° 42' 36"	106° 54' 50"	C-48-10-D-b		
Ấi Đăk Tuoi	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 45' 48"	106° 52' 28"	11° 44' 31"	106° 51' 24"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ĐườngĐT.741	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10- C-48-10- C-48-10-
ĐườngĐT.757	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 44' 42"	106° 40' 34"	
chùa Pháp Lạc	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 12"	106° 53' 38"					C-48-10-
Cầu Rạt	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 40' 39"	106° 53' 52"					C-48-10-
Suối Rạt	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10- C-48-10- C-48-10-
cầu Suối Đam	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 06"	106° 51' 30"					C-48-10-
thôn Tân Bình	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 42' 41"	106° 53' 55"					C-48-10-
thôn Tân Hiệp 1	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 25"	106° 51' 45"					C-48-10-
thôn Tân Hiệp 2	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 53"	106° 52' 03"					C-48-10-
thôn Tân Hoà	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 24"	106° 53' 57"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
thôn Tân Hưng	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 44' 44"	106° 51' 14"					C-48-10-
thôn Tân Long	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 19"	106° 52' 55"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
thôn Tân Lực	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 59"	106° 52' 20"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
thôn Tân Phú	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 24"	106° 53' 34"					C-48-10-
thôn Tân Phước	DC	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 41"	106° 52' 00"					C-48-10-
chùa Thanh Trí	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 43' 50"	106° 52' 18"					C-48-10-
hồ Vedan	TV	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 29"	106° 53' 20"					C-48-10-
Công ty TNHH Tinh bột mỳ Vedan Phước Long	KX	xã Bù Nho	H. Bù Gia Mập	11° 41' 32"	106° 53' 08"					C-48-10-
Nông trường 2	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 52' 06"	106° 51' 58"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
Thôn 2	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 55' 02"	106° 52' 13"					C-48-10-
Thôn 3	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 53' 54"	106° 51' 56"					C-48-10- C-48-10-
Thôn 4	DC	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 52' 44"	106° 52' 21"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Kinh độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
n 5	DC	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 52' 57"	106° 51' 36"						C-48-10-B-a	
n 6	DC	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 52' 27"	106° 53' 53"						C-48-10-B-b; C-48-10-B-d	
g trường Cao su Phú ng	KX	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 25"	106° 52' 18"						C-48-10-B-a	
máy Chế biến Mủ cao tân Thanh	KX	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 17"	106° 52' 09"						C-48-10-B-a	
thờ Anh Bình	KX	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 48"	106° 52' 12"						C-48-10-B-a	
g Bé	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"		D-48-10-B-b	
n Bình Hà 1	DC	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 56"	106° 53' 27"						C-48-10-B-a	
Bình Hà 1	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 07"	106° 53' 25"						D-48-10-B-b	
n Bình Hà 2	DC	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 37"	106° 54' 33"						C-48-10-B-b	
n Bình Thuỷ	DC	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 25"	106° 52' 40"						C-48-10-B-a; C-48-10-B-b; C-48-10-B-c; C-48-10-B-d	
ị Cam Lang	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập			11° 53' 30"	106° 51' 10"	11° 54' 46"	106° 50' 19"		C-48-10-B-a	
ị Cam Lang	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập			11° 53' 30"	106° 51' 10"	11° 54' 46"	106° 50' 19"		C-48-10-B-a	
ròng Trung học phổ ng Trung học cơ sở Kia	KX	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 13"	106° 52' 20"						C-48-10-B-a	
ròng Tiểu học Đa Kìa B	KX	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 52' 47"	106° 52' 16"						C-48-10-B-a	
ị Đăk Dum	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập			11° 50' 29"	106° 55' 44"	11° 51' 54"	106° 50' 21"		C-48-10-B-c; C-48-10-B-d	
ị Đăk Lai	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập			11° 52' 09"	106° 54' 23"	11° 52' 48"	106° 54' 44"		C-48-10-B-b; C-48-10-B-d	
ị Đăk Tê	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập			11° 50' 16"	106° 56' 15"	11° 55' 02"	106° 55' 20"		C-48-10-B-b; C-48-10-B-d	
ị Đăk Ti	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập			11° 51' 36"	106° 53' 56"	11° 52' 19"	106° 52' 13"		C-48-10-B-c; C-48-10-B-d	
ị Đăk Tơ Rê	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập								C-48-10-B-b	
Đội 8	TV	xã Đa Kìa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 57"	106° 52' 01"	11° 51' 55"	106° 56' 28"	11° 52' 34"	106° 57' 11"		C-48-10-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ĐườngĐT.759	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"	C-48-10-C-48-10-C-48-10-
Suối Hoa	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 54' 00"	106° 51' 32"	11° 54' 46"	106° 50' 19"	C-48-10-C-48-10-
chùa Lạc Thiện	KX	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập	11° 54' 01"	106° 52' 18"					C-48-10-C-48-10-
Suối Neng	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 52' 40"	106° 52' 52"	11° 55' 57"	106° 50' 17"	C-48-10-C-48-10-
Suối Rĩa	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 52' 27"	106° 53' 52"	11° 52' 47"	106° 53' 35"	C-48-10-C-48-10-
suối Yem	TV	xã Đa Kia	H. Bù Gia Mập			11° 52' 19"	106° 52' 13"	11° 51' 54"	106° 50' 21"	C-48-10-C-48-10-
Thôn 3	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 05' 03"	107° 06' 47"					D-48-95
Thôn 4	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 02' 56"	107° 04' 38"					D-48-95
Thôn 6	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 01' 51"	107° 05' 56"					D-48-95
Thôn 7	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 03' 06"	107° 05' 56"					D-48-95
Thôn 9	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 03' 38"	107° 05' 56"					D-48-95
Thôn 10	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 04' 01"	107° 07' 03"					D-48-95
nhà máy Chế biến hạt điều Minh Thơ	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 03' 17"	107° 05' 56"					D-48-95
thôn Bù Bưng	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 04' 00"	107° 05' 11"					D-48-95
thôn Bù Ka	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 00' 18"	107° 01' 38"					D-48-95
thôn Bù Khon	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 04' 49"	107° 06' 36"					D-48-95
thôn Bù Xĩa	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 02' 18"	107° 04' 21"					D-48-95
sông Đăk Huýt	TV	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-94-D-48-95
thôn Đăk Lim	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 02' 40"	107° 05' 17"					D-48-95
suối Đăk Lim	TV	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập			12° 02' 14"	107° 06' 46"	11° 52' 02"	106° 58' 44"	D-48-95C-48-11
nông lâm trường Đăk Mai	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 03' 30"	107° 06' 10"					D-48-95
cầu Đăk Ô	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 03' 40"	107° 07' 01"					D-48-95
nhà thờ Đăk Ô	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 02' 58"	107° 05' 43"					D-48-95
Trường Tiểu học Đăk Ô	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 02' 49"	107° 05' 32"					D-48-95

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ờng Trung học cơ sở k O	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 02' 48"	107° 05' 35"					D-48-95-C-c
ị Đăk Ô	TV	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập			12° 07' 46"	107° 08' 45"	12° 01' 56"	107° 07' 02"	D-48-95-C-c; D-48-95-C-d
n Đăk U	DC	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 01' 39"	107° 03' 57"					D-48-95-C-c
ị Đăk U	TV	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập			12° 04' 09"	107° 06' 01"	12° 00' 09"	106° 57' 51"	D-48-94-D+C; D-48-95-C-c; D-48-10-B-b; D-48-11-A-a
g Đăk Xá	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 07' 19"	107° 08' 32"					D-48-95-C-d
òng QL.14C	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập			12° 11' 37"	107° 13' 16"	11° 57' 54"	106° 59' 56"	D-48-95-C; D-48-95-C-c; D-48-95-C-d
ịa Thanh Minh	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 01' 13"	107° 02' 56"					D-48-95-C-c
ờng Tiểu học ơng Định	KX	xã Đăk Ô	H. Bù Gia Mập	12° 00' 42"	107° 02' 21"					
n 19-5	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 52' 41"	107° 01' 23"					
ung tâm Bảo trợ xã hội h Đức	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 24"	107° 03' 07"					
n Bình Đức 1	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 35"	107° 02' 31"					
n Bình Đức 2	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 52' 15"	107° 03' 13"					
n Bù Kroai	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 53' 53"	107° 02' 27"					
ị Đăk Sau	TV	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập			11° 55' 13"	107° 04' 01"	11° 52' 26"	107° 00' 48"	C-48-11-A-a; C-48-11-A-c
Đăk Sơn	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 52' 12"	107° 00' 26"					
Độc Lập	SV	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 54' 43"	107° 01' 52"					
òng Đ.T.741	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-11-A-c
òng Đ.T.760	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập			11° 47' 54"	107° 11' 15"	11° 54' 52"	107° 00' 08"	C-48-11-A-c
o xứ Đức Hạnh	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 54"	107° 02' 35"					
ịa Đức Hạnh	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 39"	107° 01' 28"					
ị đồ Phú Văn	KX	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 53' 44"	107° 04' 14"					
n Phước Sơn	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 51' 41"	107° 01' 31"					
n Sơn Trung	DC	xã Đức Hạnh	H. Bù Gia Mập	11° 53' 49"	107° 03' 19"					

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Điểm 1	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 49' 41"	106° 50' 51"	11° 49' 28"	106° 50' 08"	C-48-10-B-c		
Điểm 2	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập			11° 50' 15"	106° 53' 09"	11° 48' 47"	106° 48' 50"	C-48-10-B-c		
Điểm 3	KX	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 46' 25"	106° 45' 35"					C-48-10-B-c		
Điểm 4	TV	xã Long Bình	H. Bù Gia Mập	11° 47' 40"	106° 45' 20"					C-48-10-B-c		
Điểm 5	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 41"	106° 48' 26"					C-48-10-B-c		
Điểm 6	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 51"	106° 51' 11"					C-48-10-D-a		
Điểm 7	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 39"	106° 50' 49"					C-48-10-D-a		
Điểm 8	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 16"	106° 49' 52"					C-48-10-D-a		
Điểm 9	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 46' 01"	106° 50' 03"					C-48-10-B-c		
Điểm 10	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 06"	106° 49' 35"					C-48-10-B-c		
Điểm 11	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 32"	106° 48' 48"					C-48-10-D-a		
Điểm 12	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 34"	106° 48' 30"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a		
Điểm 13	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 44"	106° 48' 59"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a		
Điểm 14	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 11"	106° 48' 42"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a		
Điểm 15	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 38"	106° 46' 55"					C-48-10-D-a		
Điểm 16	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 38"	106° 47' 59"					C-48-10-D-a		
Điểm 17	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 25"	106° 47' 45"					C-48-10-D-a		
Điểm 18	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-C-b; C-48-10-D-a		
Điểm 19	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 43' 01"	106° 46' 13"	11° 42' 53"	106° 45' 16"	C-48-10-D-a		
Điểm 20	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 46' 36"	106° 49' 36"					C-48-10-B-c; C-48-10-D-a		
Điểm 21	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 42' 14"	106° 47' 26"					C-48-10-D-a		
Điểm 22	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 58"	106° 46' 15"	11° 44' 38"	106° 45' 46"	C-48-10-B-c; C-48-10-D-a		
Điểm 23	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 47' 22"	106° 50' 27"	11° 46' 02"	106° 47' 16"	C-48-10-B-c C-48-10-D-a		
Điểm 24	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 01"	106° 48' 46"					C-48-10-D-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân h mảnh bả địa h
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Đam	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 46' 39"	106° 51' 50"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10- C-48-10-
suối Đăk Đrăng	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 04"	106° 49' 14"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10- C-48-10-
suối Đăk Rít	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 14"	106° 48' 25"	11° 42' 36"	106° 48' 05"	C-48-10- C-48-10-
suối Đăk Sem Rein	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 47' 15"	106° 46' 09"	11° 44' 58"	106° 46' 15"	C-48-10- C-48-10-
Suối Đăm	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 41' 46"	106° 48' 19"	11° 39' 41"	106° 46' 39"	C-48-10- C-48-10-
Đường ĐT.757	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 44' 42"	106° 40' 34"	C-48-10- C-48-10-
đền thờ Đức Thánh Trần	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 56"	106° 51' 05"					C-48-10- C-48-10-
bàu Krin 1	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 56"	106° 47' 42"					C-48-10- C-48-10-
bàu Krin 2	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 24"	106° 48' 32"					C-48-10- C-48-10-
thôn Long Xuyên	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 32"	106° 50' 24"					C-48-10- C-48-10-
hồ Nông trường 6	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 05"	106° 49' 02"					C-48-10- C-48-10-
thôn Phu Mang 1	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 26"	106° 47' 28"					C-48-10- C-48-10-
thôn Phu Mang 2	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 28"	106° 46' 31"					C-48-10- C-48-10-
thôn Phu Mang 3	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 42' 30"	106° 46' 25"					C-48-10- C-48-10-
cầu Suối Đam	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 06"	106° 51' 30"					C-48-10- C-48-10-
bàu Tà Lon	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 42' 54"	106° 49' 24"					C-48-10- C-48-10-
bàu Tà Nhót	TV	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 19"	106° 46' 50"					C-48-10- C-48-10-
di tích lịch sử Thành đất hình tròn Long Hà	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 45' 55"	106° 49' 58"					C-48-10- C-48-10-
thôn Thanh Long	DC	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 44' 55"	106° 48' 28"					C-48-10- C-48-10-
cầu Trà Thành	KX	xã Long Hà	H. Bù Gia Mập	11° 43' 49"	106° 45' 57"					C-48-10- C-48-10-
Thôn 1	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 21"	106° 53' 06"					C-48-10- C-48-10-
Thôn 2	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 53"	106° 52' 17"					C-48-10- C-48-10-
Thôn 3	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 09"	106° 51' 22"					C-48-10- C-48-10-
Thôn 4	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 47' 37"	106° 51' 17"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ng trường 4	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 48' 17"	106° 52' 47"					C-48-10-B-c; C-48-10-B-d
n 5	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 48' 32"	106° 51' 03"					C-48-10-B-c
n 6	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 49' 21"	106° 51' 25"					C-48-10-B-c
n 7	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 47' 48"	106° 52' 01"					C-48-10-B-c
n 8	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 08"	106° 53' 37"					C-48-10-B-d
n 10	DC	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 47"	106° 51' 07"					C-48-10-B-c
Bù Ka	TV	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 59"	106° 50' 19"					C-48-10-B-c
Đoi	TV	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập			11° 47' 22"	106° 50' 27"	11° 46' 02"	106° 47' 16"	C-48-10-B-c
o họ Long Hưng	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 14"	106° 51' 40"					C-48-10-B-c
du lịch sinh thái	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 33"	106° 53' 36"					C-48-10-B-d
Lệ	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 59"	106° 51' 41"					C-48-10-B-c
ng ty Cao su Phú Riêng	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-B-d
ông Đ.T.741	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập							C-48-10-B-d
ích lịch sử Thành đất	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 47' 48"	106° 52' 34"					C-48-10-B-d
h tròn Long Hưng	TV	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 48' 21"	106° 51' 40"					C-48-10-B-c
Thôn 7	KX	xã Long Hưng	H. Bù Gia Mập	11° 46' 31"	106° 51' 31"					C-48-10-B-c
ia Vạn Đức	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 42' 08"	106° 50' 43"					C-48-10-D-a
ôn 1	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 40"	106° 50' 27"					C-48-10-D-a
ôn 2	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 12"	106° 51' 19"					C-48-10-D-a
ôn 3	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập							C-48-10-D-a; C-48-10-D-c
ôn 4	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 24"	106° 49' 36"					C-48-10-D-a
ôn 5	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 05"	106° 49' 52"					C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
ôn 6	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 40' 13"	106° 51' 28"					C-48-10-D-a
ôn 7	DC	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 39' 11"	106° 48' 03"					C-48-10-D-a
ng trường 9	KX	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 50"	106° 49' 38"					C-48-10-D-a; C-48-10-D-b
Nông trường 9	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập	11° 42' 02"	106° 50' 53"					C-48-10-D-a
ng Bé	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-c
ôi Bến Tre	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 43' 30"	106° 51' 06"	11° 42' 36"	106° 52' 20"	C-48-10-D-a
ôi Đá Ran	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 53"	106° 51' 53"	11° 39' 19"	106° 50' 45"	C-48-10-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Đắk Mơ Nưm	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 43' 32"	106° 52' 08"	11° 40' 38"	106° 53' 01"	C-48-10- C-48-10-
Suối Đam	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 47' 26"	106° 53' 17"	11° 41' 46"	106° 48' 19"	C-48-10- C-48-10-
Suối Đám	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 41' 46"	106° 48' 19"	11° 39' 41"	106° 46' 39"	C-48-10- C-48-10-
Suối Nam	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 38' 35"	106° 48' 03"	11° 37' 37"	106° 47' 31"	C-48-10- C-48-10-
Suối Rạt	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-10-
Suối Reng	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 37"	106° 49' 17"	11° 40' 25"	106° 47' 30"	C-48-10- C-48-10-
Suối Vít	TV	xã Long Tân	H. Bù Gia Mập			11° 39' 20"	106° 49' 07"	11° 38' 48"	106° 49' 28"	C-48-10- C-48-10-
Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phú Nghĩa	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 52' 42"	107° 00' 08"					C-48-11- C-48-11-
đội 3 Đắk U	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	12° 00' 11"	107° 02' 05"					D-48-95- C-48-11- D-48-95- C-48-10- C-48-11- C-48-11- C-48-10- C-48-11- C-48-10- C-48-10- C-48-11- C-48-10- C-48-10- C-48-11- C-48-10- C-48-10- C-48-11- C-48-10- C-48-10- D-48-95- C-48-11- C-48-10- C-48-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
n Đăk Sơn I	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 39"	106° 59' 38"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
i Đăk U	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			12° 04' 09"	107° 06' 01"	12° 00' 09"	106° 57' 51"	D-48-94-D+C; D-48-95-C-c; C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
n Đứk Lập	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 59' 03"	107° 00' 34"					C-48-11-A-a
ia Hưng Thanh	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 10"	107° 00' 01"					C-48-11-A-a
ng tâm Y tế huyện Gia Mập	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 55' 57"	107° 00' 22"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
g Đăk Huýt	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			12° 17' 48"	107° 12' 15"	11° 58' 32"	106° 53' 44"	D-48-94-D+C; C-48-10-B-b
n Khắc Khoan	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 53' 21"	107° 00' 04"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
i thờ Khắc Khoan	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 54' 35"	107° 00' 05"					C-48-11-A-a
n Phú Nghĩa	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 57' 02"	107° 00' 59"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
i Phú Nghĩa	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 55' 34"	107° 00' 05"					C-48-11-A-a
ờng QL.14C	KX	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			12° 11' 37"	107° 13' 16"	11° 57' 54"	106° 59' 56"	D-48-95-C-c; C-48-10-B-b; C-48-11-A-a; C-48-11-A-a
in Sóc 2 Cẩn	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 57' 25"	106° 59' 14"					C-48-10-B-b
úi Tà Liêm	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 55' 17"	107° 00' 58"	11° 52' 06"	107° 00' 20"	C-48-11-A-a; C-48-11-A-a
úi Tà Niên	TV	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập			11° 59' 46"	107° 05' 26"	11° 55' 45"	107° 00' 26"	C-48-11-A-a
in Tân Lập	DC	xã Phú Nghĩa	H. Bù Gia Mập	11° 56' 33"	106° 59' 43"					C-48-10-B-b; C-48-11-A-a
ng ty Cao su Phú Riêng	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 40"	106° 53' 48"					C-48-10-D-b
à máy Chế biến gỗ Phú linh	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 14"	106° 54' 24"					C-48-10-D-b
Ba To	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 32"	106° 54' 38"					C-48-10-D-b
úi Bông	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 38' 08"	106° 57' 52"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-D-b
úi Bón	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 38' 31"	107° 00' 51"	11° 38' 08"	106° 57' 52"	C-48-10-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Bầu Bung	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 56"	106° 54' 12"					C-48-10-
Trung tâm Y tế Công ty cao su Phú Riêng	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 46"	106° 53' 49"					C-48-10-
di tích lịch sử quốc gia Cuộc nổi dậy của đồng bào Stiêng	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 37"	106° 53' 49"					C-48-10-
Suối Dền	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 39' 15"	106° 54' 48"	11° 38' 23"	106° 52' 39"	C-48-10- C-48-10-
Suối Đá	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 39' 24"	106° 56' 36"	11° 37' 54"	106° 54' 25"	C-48-10-
suối Đăk Dráp	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 40' 26"	107° 00' 02"	11° 41' 37"	106° 56' 04"	C-48-10-
suối Đăk Mun	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 40' 29"	107° 02' 06"	11° 42' 41"	106° 55' 13"	C-48-10-
suối Đăk Rát	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"	C-48-10-
Đường ĐT.741	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-
Đường ĐT.753B	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 39' 37"	106° 53' 49"	11° 34' 37"	107° 08' 28"	C-48-10-
chùa Pháp Tĩnh	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 28"	106° 53' 50"					C-48-10-
thôn Phú Bình	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 41' 01"	106° 58' 59"					C-48-10-
thôn Phú Cường	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 36"	106° 53' 58"					C-48-10-
thôn Phú Hoà	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 20"	106° 57' 38"					C-48-10-
thôn Phú Hưng	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 46"	106° 54' 01"					C-48-10-
thôn Phú Lợi	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 23"	106° 55' 13"					C-48-10-
thôn Phú Nguyễn	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 30"	106° 53' 36"					C-48-10-
thánh đường Hồi giáo Phú Riêng	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 54"	106° 55' 48"					C-48-10-
nông trường Phú Riêng Đò	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 10"	106° 55' 41"					C-48-10-
thôn Phú Tân	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 48"	106° 54' 41"					C-48-10-
thôn Phú Thành	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 07"	106° 54' 00"					C-48-10-
nhà thờ Phú Thành	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 08"	106° 54' 37"					C-48-10-
thôn Phú Thịnh	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 53"	106° 53' 38"					C-48-10-
thôn Phú Thuận	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 42' 20"	106° 56' 47"					C-48-10-
thôn Phú Vĩnh	DC	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 52"	106° 55' 51"					C-48-10-
Cầu Rát	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 40' 39"	106° 53' 52"					C-48-10-
Suối Rát	TV	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10- C-48-10-
đền thờ Vua Hùng	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 43"	106° 54' 01"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
ung tâm Y tế xã í Riêng	KX	xã Phú Riêng	H. Bù Gia Mập	11° 39' 56"	106° 53' 46"					C-48-10-D-b
úi Bốn	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 38' 31"	107° 00' 51"	11° 38' 08"	106° 57' 52"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
ị Đa Đa	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 40' 17"	107° 02' 48"	11° 41' 12"	107° 00' 28"	C-48-11-C-a
ị Đăk Mun	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 40' 29"	107° 02' 06"	11° 42' 41"	106° 55' 13"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
ị Đăk Rát	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"	C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
ờng Đ.T.753B	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập							C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
ig trường Nghĩa Trung 1	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 43' 11"	107° 01' 39"					C-48-11-C-a
ig trường Nghĩa Trung 2	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 41' 07"	107° 03' 20"					C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
ig trường Nghĩa Trung 3	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 38' 43"	107° 01' 50"					C-48-11-C-a
n Phú An	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 06"	107° 00' 05"					C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
n Phú Bình	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 38' 30"	107° 02' 10"					C-48-11-C-a
n Phú Lâm	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 14"	107° 01' 05"					C-48-11-C-a
n Phú Nghĩa	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 39' 17"	107° 02' 45"					C-48-11-C-a
n Phú Tâm	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 02"	107° 00' 37"					C-48-10-D-b; C-48-11-C-a
n Phú Tiến	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 41' 57"	107° 00' 46"					C-48-11-C-a
n Phú Tín	DC	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập	11° 40' 12"	107° 02' 56"					C-48-11-C-a
ờng QL.14	KX	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-C-a
úi Rát	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 38' 08"	107° 02' 02"	11° 35' 56"	106° 58' 45"	C-48-11-C-a
úi Rê	TV	xã Phú Trung	H. Bù Gia Mập			11° 39' 15"	107° 02' 35"	11° 40' 26"	107° 01' 33"	C-48-11-C-a
ng ty 27-7	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 59' 31"	107° 06' 56"					C-48-11-A-a
ng tâm Giáo dục Lao ig Xã hội Phú Đức	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 17"	107° 02' 44"					C-48-11-A-a
Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11-A-c
n 1 Phú Văn	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 54' 33"	107° 03' 38"					C-48-11-A-a
n 2 Phú Văn	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 54' 49"	107° 04' 00"					C-48-11-A-a
n 3 Phú Văn	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 23"	107° 03' 59"					C-48-11-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Cây Da	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 59' 21"	107° 07' 07"					C-48-11-
sông Đăk Glun	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			12° 00' 16"	107° 19' 18"	11° 58' 36"	107° 07' 59"	C-48-11-
thôn Đăk Khâu	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 58' 06"	107° 04' 12"					C-48-11-
suối Đăk Lim	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			12° 02' 14"	107° 06' 46"	11° 52' 02"	106° 58' 44"	C-48-11-
cầu Đăk Lung 2	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 58' 35"	107° 07' 59"					C-48-11-
cầu Đăk Ó	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 59' 03"	107° 06' 12"					C-48-11-
suối Đăk Ó	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			12° 01' 04"	107° 07' 01"	11° 58' 56"	107° 06' 20"	C-48-11-
thôn Đăk Sơn 2	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 57' 14"	107° 02' 54"					C-48-11-
cầu Đăk Sơn 2	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 37"	107° 01' 38"					C-48-11-
Trung tâm chữa bệnh Đức Hạnh	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 55' 09"	107° 02' 57"					C-48-11-
Bệnh viện Nhân Ái	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 57' 53"	107° 06' 23"					C-48-11-
bến đò Phú Văn	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 53' 44"	107° 04' 14"					C-48-11-
nhà thờ Phú Văn	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 54' 55"	107° 04' 02"					C-48-11-
Trung tâm Giáo dục Bảo trợ Xã hội Phú Văn	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 56' 30"	107° 05' 03"					C-48-11-
suối Tà Niên	TV	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập			11° 59' 46"	107° 05' 26"	11° 55' 45"	107° 00' 26"	C-48-11-
thôn Thác Dài	DC	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 56' 41"	107° 05' 43"					C-48-11-
cầu Thôn Đăk Khâu	KX	xã Phú Văn	H. Bù Gia Mập	11° 58' 19"	107° 04' 38"					C-48-11-
Đội 8	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 18"	106° 52' 00"					C-48-10-
Sông Bé 1	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-
Sông Bé 2	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 48' 53"	107° 02' 00"	11° 58' 33"	106° 53' 44"	D-48-10-
thôn Bình Giai	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 03"	106° 54' 33"					C-48-10-
thôn Bình Lợi	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 27"	106° 51' 33"					C-48-10-
thôn Bình Tân	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 24"	106° 50' 52"					C-48-10-
thôn Bình Tiến 1	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 36"	106° 52' 18"					C-48-10-
thôn Bình Tiến 2	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 16"	106° 52' 50"					C-48-10-
thôn Bù Tam	DC	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 58' 02"	106° 52' 15"					C-48-10-
hồ Cản Đom	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 59' 18"	106° 52' 04"					C-48-10-
Suối Đá	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 54' 46"	106° 50' 19"	11° 54' 59"	106° 49' 49"	C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Đa Trang Đa Kia	KX	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 57"	106° 51' 34"						C-48-10-B-a	
Đa Nơ Len	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập			11° 56' 20"	106° 52' 49"	11° 55' 48"	106° 52' 10"		C-48-10-B-a C-48-10-B-b	
Đa Tê	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập				106° 56' 15"	11° 55' 02"	106° 55' 20"		C-48-10-B-b	
Đội 7	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 55' 03"	106° 53' 09"						D-48-10-B-b	
Đường ĐT.759	KX	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập					11° 57' 30"	106° 47' 41"	107° 04' 09"	C-48-10-B-a	
Đội Hoa	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập					11° 54' 00"	106° 51' 32"	106° 50' 19"	C-48-10-B-a	
Đội Neng	TV	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập					11° 52' 40"	106° 52' 52"	106° 50' 17"	C-48-10-B-a; C-48-10-B-b	
Đường Sông Bé	KX	xã Phước Minh	H. Bù Gia Mập	11° 56' 40"	106° 50' 09"						C-48-10-B-a	
Đường trường 8	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 44' 24"	106° 56' 05"						C-48-10-B-d; C-48-10-D-b	
Đường Bầu Địa	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 37"	107° 01' 47"						C-48-11-A-c	
Đường Bình Trung	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 21"	106° 58' 33"						C-48-10-B-d	
Đường nguyên tin lành Bình	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 22"	106° 58' 37"						C-48-10-B-d	
Đường Bù Tố	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 38"	107° 03' 36"						C-48-11-A-c	
Đội Đa Đu	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 40' 17"	107° 02' 48"	11° 41' 12"	107° 00' 28"		C-48-11-C-a	
Đội Đăk Rang 1	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 44' 15"	107° 04' 10"	11° 45' 04"	107° 02' 32"		C-48-10-D-b	
Đội Đăk Rang 2	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 41' 51"	107° 03' 48"	11° 45' 04"	107° 02' 32"		C-48-11-A-c; C-48-11-C-a	
Đội Đăk Răng	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 42' 16"	107° 05' 04"	11° 44' 15"	107° 04' 10"		C-48-11-C-a	
Đội Đăk Rát	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 44' 10"	107° 02' 03"	11° 40' 48"	106° 54' 17"		C-48-10-D-b; C-48-11-C-a	
Đội Đăk Rát Gơ Ne	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 46' 12"	106° 58' 40"	11° 43' 34"	106° 56' 44"		C-48-11-C-a	
Đội Đăk Tang	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 48' 40"	106° 57' 02"	11° 42' 36"	106° 54' 50"		C-48-10-D-b	
Đường Đồng Tâm	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 11"	107° 03' 40"						C-48-11-A-c	
Đường Đồng Tháp	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 02"	107° 01' 03"						C-48-11-A-c; C-48-11-C-a	
Đường Đồng Tiền	DC	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 05"	107° 00' 21"						C-48-11-C-a	
Đường ĐT.759	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 57' 30"	106° 47' 41"	11° 41' 13"	107° 04' 09"		C-48-10-B-d; C-48-11-A-c; C-48-11-C-a	
Đội Đức Bồn	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập			11° 41' 11"	107° 04' 03"	11° 43' 14"	107° 04' 41"		C-48-11-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mã địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
nông trường Nghĩa Trung 1	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 42"	107° 03' 26"					C-48-11
nông trường Nghĩa Trung 2	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 41' 07"	107° 03' 20"					C-48-11
hồ Nông trường 8	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 45"	106° 57' 08"					C-48-10
giáo xứ Phước Tín	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 11"	107° 03' 40"					C-48-11
Công ty TNHH Thành Được	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 45' 32"	107° 00' 38"					C-48-11
Công ty TNHH Thiện Ân	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 21"	107° 00' 09"					C-48-11
hồ Thủy điện Thác Mơ	TV	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 49' 40"	107° 03' 56"					C-48-11
nhà nguyện Tin lành	KX	xã Phước Tân	H. Bù Gia Mập	11° 46' 30"	107° 03' 32"					C-48-11
Khu phố 1	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 15"	106° 37' 02"					C-48-22
Áp 2	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 15"	106° 36' 48"					C-48-22
Áp 3	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 27' 07"	106° 36' 48"					C-48-22
Khu phố 2	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 14"	106° 36' 42"					C-48-22
Khu phố 3	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 30"	106° 36' 35"					C-48-22
Khu phố 4	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 01"	106° 36' 45"					C-48-22
Khu phố 5	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 37"	106° 36' 40"					C-48-22
Khu phố 6	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 58"	106° 37' 05"					C-48-22
Khu phố 7	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 26"	106° 36' 46"					C-48-22
Khu phố 8	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 07"	106° 35' 32"					C-48-22
cầu Bàu Bàng	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 19"	106° 37' 37"					C-48-22
sông Bến Đình	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 25' 11"	106° 35' 45"	11° 24' 43"	106° 37' 28"	C-48-22
Suối Cái	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 43"	106° 37' 28"	11° 23' 45"	106° 39' 14"	C-48-22
thánh thất Chơn Thành	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 51"	106° 36' 51"					C-48-22
giáo xứ Chơn Thành	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 21"	106° 36' 42"					C-48-22
Trường Trung học phổ thông Chu Văn An	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 35"	106° 36' 21"					C-48-22
di tích lịch sử Diêm cuối đường Hồ Chí Minh	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 01"	106° 36' 51"					C-48-22
Suối Đồi	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 27' 22"	106° 37' 18"	11° 24' 43"	106° 37' 28"	C-48-22
cầu Đường Sắt	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 55"	106° 36' 41"					C-48-22
Đường ĐT.239	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 23' 21"	106° 32' 15"	11° 25' 09"	106° 36' 35"	C-48-22
Đường ĐT.751	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 25' 50"	106° 32' 35"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-22
di tích lịch sử Ga xe lửa	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 56"	106° 36' 48"					C-48-22

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
liều Cầm	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 16"	106° 37' 51"					C-48-22-A-a
ị Hưng Long	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 57"	106° 36' 46"					C-48-22-A-a
thần Hưng Long	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 56"	106° 36' 46"					C-48-22-A-a
h viện Đa khoa huyện	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 56"	106° 38' 13"					C-48-22-A-a
n Thành										
hành chính huyện Chơn	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 45"	106° 38' 04"					C-48-22-A-a
nh										
xã Ngọc Chơn	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 55"	106° 36' 51"					C-48-22-A-a
ị Nhỏ	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 47"	106° 39' 25"	11° 23' 45"	106° 39' 14"	C-48-22-A-b
mg QL.13	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-22-A-a
mg QL.14	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-22-A-a; C-48-22-A-b
Suối Đồi	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 04"	106° 37' 13"					C-48-22-A-a
a Trung An	KX	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 15"	106° 37' 29"					C-48-22-A-a
Trung Lợi	DC	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 41"	106° 37' 24"					C-48-22-A-a
ị Xóm Hồ	TV	TT. Chơn Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 58"	106° 34' 14"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-a
1	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 00"	106° 36' 53"					C-48-22-A-a
2	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 12"	106° 36' 44"					C-48-22-A-a
3A	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 48"	106° 36' 52"					C-48-22-A-a
3B	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 51"	106° 36' 41"					C-48-22-A-a
4	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 27' 47"	106° 36' 20"					C-48-22-A-a
5	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 07"	106° 34' 06"					C-48-22-A-b
6	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 30"	106° 35' 03"					C-48-10-C-c
7	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 46"	106° 37' 48"					C-48-22-A-a
8	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 50"	106° 36' 33"					C-48-10-C-c
9	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 22"	106° 37' 00"					C-48-10-C-c
10	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 33"	106° 37' 53"					C-48-10-C-d
11	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 41"	106° 39' 25"					C-48-22-A-b
12	DC	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 27' 44"	106° 37' 18"					C-48-22-A-a
ị Bà Và	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 28' 00"	106° 35' 59"	11° 27' 35"	106° 34' 59"	C-48-22-A-a
ị Cầu Đất	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 28' 42"	106° 35' 10"	11° 27' 27"	106° 34' 17"	C-48-22-A-a
Chiến Công	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 47"	106° 36' 47"					C-48-10-C-c
ị Lạnh	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành			11° 31' 55"	106° 35' 04"	11° 29' 09"	106° 33' 17"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
nông trường Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 54"	106° 36' 57"							C-48-22-
giáo xứ Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 45"	106° 36' 43"							C-48-22-
khu công nghiệp Minh Hưng-Hàn Quốc	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 24"	106° 37' 23"							C-48-22-
khu công nghiệp Minh Hưng	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 01"	106° 36' 10"							C-48-22-
chùa Minh Hương	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 28' 29"	106° 36' 49"							C-48-10-
Suối Muồng	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành					11° 29' 32"	106° 37' 31"	11° 30' 06"	106° 39' 43"	C-48-10-
	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành					11° 29' 08"	106° 37' 46"	11° 30' 10"	106° 39' 26"	C-48-22-
suối Nước Lợi	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành					11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-
Đường QL.13	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành									C-48-22-
cổng Tàu Ô	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 30' 56"	106° 36' 36"							C-48-10-
suối Tàu Ô 1	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành					11° 30' 49"	106° 37' 48"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-
suối Tàu Ô 2	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành					11° 30' 27"	106° 36' 16"	11° 30' 49"	106° 37' 48"	C-48-10-
chùa Thanh Lương	KX	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành	11° 29' 01"	106° 34' 59"							C-48-22-
suối Xa Cát	TV	xã Minh Hưng	H. Chơn Thành					11° 31' 06"	106° 39' 16"	11° 25' 27"	106° 43' 08"	C-48-10-
Áp 1	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 06"	106° 45' 09"							C-48-10-
Áp 2	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 37"	106° 44' 12"							C-48-10-
Áp 3	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 02"	106° 44' 22"							C-48-10-
Áp 4	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 30' 49"	106° 45' 27"							C-48-10-
Áp 5	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 35' 09"	106° 45' 00"							C-48-10-
Áp 6	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 26"	106° 44' 32"							C-48-10-
Áp 7	DC	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 32' 24"	106° 44' 17"							C-48-10-
Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục Lao động Xã hội Bình Phước	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 32' 37"	106° 44' 48"							C-48-10
Sông Bé	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành					11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10
Suối Dầm	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành					11° 37' 00"	106° 43' 00"	11° 35' 13"	106° 43' 20"	C-48-10
Suối Dung	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành					11° 33' 12"	106° 43' 33"	11° 28' 20"	106° 42' 37"	C-48-10
Đường ĐT.756	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành					11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10
Đường ĐT.756C	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành					11° 33' 17"	106° 44' 40"	11° 32' 25"	106° 38' 57"	C-48-10

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
a Hoa Nghiêm	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 33' 14"	106° 44' 16"					C-48-10-C-d
ng ty Chế biến Hạt điều	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 34"	106° 44' 22"					C-48-10-C-d
ng Sơn										
ị Lu	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 38' 07"	106° 43' 49"	11° 36' 05"	106° 45' 18"	C-48-10-C-d; C-48-10-D-c
ị thờ Minh Lập	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 13"	106° 44' 30"					C-48-10-C-d
ị Nghiên	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-C-d
ị Nha Bích	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 30' 32"	106° 45' 53"					C-48-10-D-c
ng trường Nha Bích	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 30' 26"	106° 44' 30"					C-48-10-C-d
ị Nhuận Minh	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 04"	106° 44' 27"					C-48-10-C-d
òng QL.14	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-C-d; C-48-10-D-c
ị Suối Dung	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 31' 08"	106° 43' 53"					C-48-10-C-d
ị Suối Nghiên	KX	xã Minh Lập	H. Chơn Thành	11° 33' 13"	106° 45' 02"					C-48-10-D-c
ị Zu	TV	xã Minh Lập	H. Chơn Thành			11° 36' 05"	106° 45' 18"	11° 35' 55"	106° 45' 50"	C-48-10-D-c
1	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 29"	106° 34' 45"					C-48-22-A-a
2	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 48"	106° 34' 17"					C-48-22-A-a
3	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 40"	106° 33' 38"					C-48-22-A-a
4	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 44"	106° 33' 27"					C-48-22-A-a
5	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 24' 11"	106° 34' 11"					C-48-22-A-a
6	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 26' 07"	106° 35' 38"					C-48-22-A-a
7	DC	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 27' 19"	106° 35' 02"					C-48-22-A-a
ị Bà Và	TV	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 27' 27"	106° 34' 17"	11° 23' 19"	106° 32' 14"	C-48-22-A-a
ị Ông Thanh	TV	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 22' 38"	106° 34' 15"	11° 23' 20"	106° 32' 15"	C-48-22-A-a; C-48-22-A-c
ờng ĐH.239	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 23' 21"	106° 32' 15"	11° 25' 09"	106° 36' 35"	C-48-22-A-a
ờng ĐT.751	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 25' 50"	106° 32' 35"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-22-A-a
ủa Tỉnh Đoàn	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 47"	106° 32' 57"					C-48-22-A-a
ủa Viên Minh	KX	xã Minh Long	H. Chơn Thành	11° 25' 32"	106° 35' 48"					C-48-22-A-a
ối Xóm Hồ	TV	xã Minh Long	H. Chơn Thành			11° 24' 58"	106° 34' 14"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-a
1	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 13"	106° 41' 58"					C-48-22-A-a
2	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 28"	106° 42' 12"					C-48-10-C-d
3	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 31' 06"	106° 42' 42"					C-48-10-C-d
4	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 49"	106° 42' 55"					C-48-10-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên bản mã địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Áp 5	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 59"	106° 43' 28"							C-48-10
Áp 6	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 31' 04"	106° 43' 32"							C-48-10
Áp 7	DC	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 29' 27"	106° 43' 37"							C-48-22
Sông Bé	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"			C-48-22
cầu Dầm Gió	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 28' 12"	106° 42' 43"							C-48-22
suối Dầm Gió	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 31' 10"	106° 41' 14"	11° 27' 57"	106° 42' 51"			C-48-10
Suối Dung	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 33' 12"	106° 43' 33"	11° 28' 20"	106° 42' 37"			C-48-22
Suối Đông	TV	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 32' 05"	106° 42' 17"	11° 28' 55"	106° 42' 21"			C-48-10
Đường ĐT.756B	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"			C-48-10
cầu Lò Gạch	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 02"	106° 41' 43"							C-48-10
nông trường Nha Bích	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 05"	106° 43' 10"							C-48-10
Đường QL.14	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"			C-48-10
cầu Suối Dung	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 31' 08"	106° 43' 53"							C-48-10
cầu Suối Đông	KX	xã Minh Thắng	H. Chơn Thành	11° 30' 34"	106° 42' 30"							C-48-10
Áp 1	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 49"	106° 39' 53"							C-48-22
Áp 2	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 24' 40"	106° 40' 56"							C-48-22
Áp 3	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 36"	106° 39' 27"							C-48-22
Áp 4	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 14"	106° 39' 11"							C-48-22
Áp 5	DC	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 27' 37"	106° 39' 19"							C-48-22
suối Bàu Năm	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành					11° 26' 08"	106° 42' 35"			C-48-22
Sông Bé	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành					11° 23' 50"	106° 42' 08"			C-48-22
Công ty Becamex Bình Phước	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 26' 56"	106° 39' 42"							C-48-22
suối Cái Sang	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 28' 32"	106° 38' 43"	11° 28' 40"	106° 40' 21"			C-48-22
suối Cầu 2	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 28' 02"	106° 39' 49"	11° 28' 39"	106° 40' 33"			C-48-22
Suối Con	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 28' 08"	106° 38' 31"	11° 28' 02"	106° 39' 49"			C-48-22
nông trường Minh Thành	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 25' 16"	106° 39' 35"							C-48-22
Suối Ngang	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 26' 45"	106° 39' 08"	11° 23' 51"	106° 42' 07"			C-48-22
Suối Nhỏ	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 24' 47"	106° 39' 25"	11° 23' 45"	106° 39' 14"			C-48-22
Đường QL.14	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"			C-48-22

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Suối Ngang	KX	xã Minh Thành	H. Chơn Thành	11° 27' 09"	106° 39' 54"					C-48-22-A-b
ị Thôn	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 23' 45"	106° 39' 14"	11° 19' 55"	106° 41' 18"	C-48-22-A-b
ị Xa Cát	TV	xã Minh Thành	H. Chơn Thành			11° 31' 06"	106° 39' 16"	11° 25' 27"	106° 43' 08"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
1	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 03"	106° 40' 16"					C-48-22-A-b
2	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 22"	106° 40' 42"					C-48-22-A-b
3	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 13"	106° 41' 06"					C-48-22-A-b
4	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 54"	106° 40' 48"					C-48-22-A-b
5	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 22"	106° 41' 34"					C-48-22-A-b
6	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 26' 15"	106° 43' 57"					C-48-22-A-b
ị Bàu Năm	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 26' 30"	106° 42' 02"	11° 26' 08"	106° 42' 35"	C-48-22-A-b
ng Bé	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-22-A-b; C-48-22-B-a
ị Bò Đê	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 29' 42"	106° 41' 26"					C-48-22-A-b
ị Cà Nhung	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 27' 44"	106° 40' 31"	11° 27' 15"	106° 42' 50"	C-48-22-A-b
ị Cầu 2	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 28' 02"	106° 39' 49"	11° 28' 39"	106° 40' 33"	C-48-22-A-b
ị Dầm Gió	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 12"	106° 42' 43"					C-48-10-C-d
ị Dầm Gió	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 31' 10"	106° 41' 14"	11° 27' 57"	106° 42' 51"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
ị Dôn	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 28' 12"	106° 43' 54"	11° 27' 00"	106° 43' 09"	C-48-22-A-b
ờng Đ.T.756B	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
u Lò Gạch	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 30' 02"	106° 41' 43"					C-48-22-A-b
ị Ngang	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 27' 32"	106° 40' 04"	11° 26' 45"	106° 39' 08"	11° 23' 51"	106° 42' 07"	C-48-22-A-b
ị xứ Nha Bích	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
ờng QL.14	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành							C-48-22-A-b
Suối Ngang	DC	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 27' 25"	106° 39' 59"					C-48-22-A-b
u Suối Ngang	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 27' 09"	106° 39' 54"					C-48-22-A-b
u Xa Cát	KX	xã Nha Bích	H. Chơn Thành	11° 28' 38"	106° 40' 34"					C-48-22-A-b
ị Xa Cát	TV	xã Nha Bích	H. Chơn Thành			11° 31' 06"	106° 39' 16"	11° 25' 27"	106° 43' 08"	C-48-10-C-d; C-48-22-A-b
ị Bàu Tằng	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 55"	106° 42' 33"					C-48-10-C-d
Cây Gồ	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 35' 39"	106° 41' 51"					C-48-10-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ấp Chà Hoà	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 19"	106° 43' 20"					C-48-10-
Bàu Dích	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 33"	106° 41' 45"					C-48-10-
Suối Dung	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành			11° 33' 12"	106° 43' 33"	11° 28' 20"	106° 42' 37"	C-48-10-
Đường ĐT.756C	KX	xã Quang Minh	H. Chơn Thành			11° 33' 17"	106° 44' 40"	11° 32' 25"	106° 38' 57"	C-48-10-
Công ty Mỹ Anh	KX	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 32' 56"	106° 41' 31"					C-48-10-
Suối Nghiên	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-
Bàu Non	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 13"	106° 42' 03"					C-48-10-
Bàu Ram	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 44"	106° 42' 19"					C-48-10-
ấp Ruộng 3	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 39"	106° 41' 15"					C-48-10-
Bàu Sam	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 58"	106° 42' 11"					C-48-10-
Công ty Sinh Huy	KX	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 11"	106° 41' 29"					C-48-10-
Bàu Sơn	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 34' 10"	106° 41' 55"					C-48-10-
ấp Tranh 3	DC	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 35' 27"	106° 41' 16"					C-48-10-
Bàu Vàng	TV	xã Quang Minh	H. Chơn Thành	11° 33' 30"	106° 41' 11"					C-48-10-
ấp 1	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 33"	106° 36' 52"					C-48-22-
ấp 2	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 24' 01"	106° 35' 51"					C-48-22-
Suối Cái	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 24' 43"	106° 37' 28"	11° 23' 45"	106° 39' 14"	C-48-22-
khu công nghiệp Chơn Thành	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 39"	106° 36' 12"					C-48-22-
trạm biến thế Chơn Thành	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 32"	106° 37' 14"					C-48-22-
Suối Đôn	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 22' 09"	106° 36' 10"	11° 21' 20"	106° 40' 20"	C-48-22-
ấp Đồng Tâm	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 53"	106° 36' 50"					C-48-22-
suối Hố Đá	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 23' 18"	106° 35' 23"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-
ấp Hoà Vĩnh 1	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 25"	106° 37' 10"					C-48-22-
ấp Hoà Vĩnh 2	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 21' 52"	106° 37' 43"					C-48-22-
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 46"	106° 37' 11"					C-48-22-
giáo xứ Mỹ Hưng	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 45"	106° 37' 07"					C-48-22-
Đường QL.13	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-22-
xứ đạo Tân Châu	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 34"	106° 37' 08"					C-48-22-
cầu Tham Rớt	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 21' 38"	106° 37' 44"					C-48-22-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu, mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Thôn	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 23' 45"	106° 39' 14"	11° 19' 55"	106° 41' 18"	C-48-22-A-b; C-48-22-A-d
Thủ Chánh	DC	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 22' 50"	106° 37' 04"					C-48-22-A-a
Đông Trung cấp nghề Tôn Thắng	KX	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành	11° 23' 18"	106° 36' 09"					C-48-22-A-a
Xóm Hồ	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 24' 58"	106° 34' 14"	11° 22' 38"	106° 34' 15"	C-48-22-A-a
Xóm Hồ	TV	xã Thành Tâm	H. Chơn Thành			11° 24' 38"	106° 34' 42"	11° 23' 23"	106° 34' 30"	C-48-22-A-a
Đông nghiệp Bắc Đồng	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 28' 34"	106° 52' 40"					C-48-22-B-b
phố Bàu Ké	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 28' 00"	106° 52' 48"					C-48-22-B-a
Cầu Tân Lợi	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 49"	106° 50' 54"					C-48-22-B-a
Điền Cho	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 28' 51"	106° 50' 27"	11° 28' 25"	106° 49' 33"	C-48-22-B-a
Điền Dền	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 00"	106° 49' 47"					C-48-22-B-a
Điền Giai	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 29' 01"	106° 52' 29"	11° 28' 40"	106° 51' 51"	C-48-22-B-a
Điền viện đa khoa huyện	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 20"	106° 51' 40"					C-48-22-B-a
Điền Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 04"	106° 52' 14"					C-48-22-B-b
Điền Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 50"	106° 52' 06"					C-48-22-B-b
Điền Phú	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 27' 47"	106° 52' 40"	11° 27' 42"	106° 51' 47"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
Điền Phú	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 28' 25"	106° 49' 33"	11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-22-B-a
Điền Phú	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b
Điền Phú	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 52"	106° 51' 55"					C-48-22-B-a
Điền Phú	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 26' 12"	106° 51' 40"					C-48-22-B-a
Điền Phú	TV	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 51"	106° 51' 25"					C-48-22-B-a
Điền Phú	KX	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 34"	106° 52' 30"					C-48-22-B-b
Điền Phú	DC	TT. Tân Phú	H. Đồng Phú	11° 27' 15"	106° 52' 16"					C-48-22-B-a
Điền Phú	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 37' 11"	106° 59' 22"					C-48-10-D-d
Điền Phú	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 37' 00"	107° 01' 10"					C-48-11-C-c
Điền Phú	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 37' 26"	107° 04' 35"					C-48-11-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Áp 4	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 36' 03"	106° 59' 02"					C-48-10-
Áp 5	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 38' 11"	107° 02' 25"					C-48-11-
Áp 6	DC	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 38' 27"	107° 03' 24"					C-48-11-
cầu 11	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 35' 42"	106° 58' 50"					C-48-10-
cầu 11B	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 35' 45"	106° 59' 09"					C-48-10-
Suối Bàng	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 38' 08"	106° 57' 52"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-
Suối Bốn	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 38' 31"	107° 00' 51"	11° 38' 08"	106° 57' 52"	C-48-10-
nông trường Cao su Đồng Tâm	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú	11° 35' 56"	107° 02' 14"					C-48-11-
Đường QL.14	KX	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-11-
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 38' 08"	107° 02' 02"	11° 35' 56"	106° 58' 45"	C-48-10-
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 36' 23"	107° 04' 28"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-11-
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 36' 35"	107° 03' 18"	11° 35' 35"	106° 58' 52"	C-48-10-
Suối Rạt	TV	xã Đồng Tâm	H. Đồng Phú			11° 33' 45"	107° 03' 24"	11° 34' 26"	107° 02' 02"	C-48-11-
Áp 1	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 18"	106° 57' 00"					C-48-10-
Áp 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 35' 18"	106° 56' 58"					C-48-10-
Áp 3	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 16"	106° 57' 34"					C-48-10-
Áp 4	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 33' 12"	106° 55' 52"					C-48-10-
Áp 5	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 51"	106° 59' 13"					C-48-10-
Áp 6	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 20"	107° 01' 23"					C-48-11-
cầu 11	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 35' 42"	106° 58' 50"					C-48-10-
Suối Bình	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 50"	107° 00' 06"	11° 32' 07"	106° 57' 46"	C-48-10-
áp Cầu 2	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 39"	106° 55' 11"					C-48-11-
Suối Đa Tô	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 06"	107° 01' 54"	11° 32' 05"	106° 56' 45"	C-48-10-
Suối Đồi	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 39"	106° 57' 47"	11° 32' 05"	106° 56' 45"	C-48-11-
nhà thờ Đồng Tâm	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 34' 30"	106° 57' 39"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ị Pè Ba	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 14"	106° 57' 33"	11° 31' 37"	106° 56' 00"	C-48-10-D-d
òng QL.14	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 54' 48"	107° 23' 03"	11° 25' 02"	106° 36' 49"	C-48-10-D-d
ị Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 33' 45"	107° 03' 24"	11° 34' 26"	107° 02' 02"	C-48-11-C-c
ị Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 36' 37"	106° 57' 44"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-D-d
ị Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 36' 23"	107° 04' 28"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-D-d;
ị Rạt	TV	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-11-C-c
ị Số 2	KX	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 31"	106° 55' 00"					C-48-10-D-d
Suối Bình	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 39"	106° 58' 15"					C-48-10-D-d
Suối Đồi	DC	xã Đồng Tiến	H. Đồng Phú	11° 32' 25"	106° 56' 39"					C-48-10-D-d
u Ao	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 22' 43"	106° 54' 59"					C-48-10-D-d
ị Ba	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 25' 04"	106° 59' 29"	11° 25' 51"	106° 58' 51"	C-48-22-B-b
Bàu Le	DC	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 24' 44"	106° 56' 38"					C-48-22-B-b
ch Bé	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 25' 28"	106° 55' 52"	11° 20' 35"	106° 54' 03"	C-48-22-B-b
ng ty TNHH MTV Cao Bình Phước	KX	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 23' 06"	106° 57' 00"					C-48-22-B-d
ị Cau	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 21' 30"	106° 59' 20"	11° 20' 02"	106° 58' 45"	C-48-22-B-b;
ị Cùn	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 21' 19"	107° 00' 48"	11° 21' 00"	107° 00' 41"	C-48-22-B-d;
ị Đá	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 26' 45"	106° 55' 20"	11° 24' 43"	106° 53' 09"	C-48-23-A-a;
ị Đồi	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 23' 23"	106° 56' 43"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-23-A-c
ị Đồi	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 23' 08"	106° 58' 56"	11° 22' 01"	106° 57' 47"	C-48-22-B-b;
Đông Chác	DC	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 24' 53"	106° 53' 43"					C-48-22-B-d
Đông In	DC	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 24' 10"	106° 54' 26"					C-48-22-B-b
Đông In 1	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 24' 17"	106° 54' 10"					C-48-22-B-b
Đông In 2	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 24' 02"	106° 54' 47"					C-48-22-B-b
Đông Tân	DC	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 22' 36"	106° 54' 35"					C-48-22-B-b
Đông Xê	DC	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 25' 19"	106° 55' 30"					C-48-22-B-b
Đông Xê	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 25' 04"	106° 55' 14"					C-48-22-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hi mảnh bản địa hin
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Đường ĐT.753	KX	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-22-
Cầu Long	KX	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú	11° 24' 39"	106° 53' 08"					C-48-23-
suối Mã Đà	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-23-
Suối Phé	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 27' 54"	106° 58' 58"	11° 25' 28"	106° 55' 52"	C-48-22-
Suối Rạt	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-
Suối Say	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 22' 59"	106° 56' 04"	11° 20' 35"	106° 54' 03"	C-48-22-
suối Tà In	TV	xã Tân Hoà	H. Đồng Phú			11° 24' 19"	106° 53' 43"	11° 20' 36"	106° 51' 41"	C-48-22-
Áp 5	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 28' 44"	106° 56' 01"					C-48-22-
suối Bà Nàng	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 39"	107° 04' 58"	11° 27' 37"	107° 04' 45"	C-48-11-
Suối Ban	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 43"	107° 06' 23"	11° 30' 27"	107° 04' 59"	C-48-23-
ấp Cây Cây Chín Đọt	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 29' 42"	106° 59' 38"					C-48-11-
Suối Chai	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 29' 44"	106° 57' 20"	11° 29' 50"	106° 55' 43"	C-48-22-
Suối Da	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 28' 39"	106° 58' 16"	11° 27' 54"	106° 58' 58"	C-48-22-
Đường ĐT.753	KX	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-22-
Đường ĐT.756	KX	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-23-
suối Mã Đà	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-23-
Suối Nhung	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 03' 29"	11° 29' 57"	107° 03' 08"	C-48-11-
ấp Pa Péch	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 30' 48"	106° 58' 24"					C-48-23-
suối Pa Péch	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 38"	107° 01' 05"	11° 28' 39"	106° 58' 16"	C-48-10-
Suối Ra	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 30' 34"	106° 57' 47"	11° 29' 37"	106° 55' 25"	C-48-11-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Rạt	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-10-D-d; C-48-22-B-b
Rùa	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 29' 55"	107° 03' 36"	11° 27' 04"	107° 04' 00"	C-48-23-A-a
Son	TV	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 06' 41"	11° 29' 59"	107° 07' 42"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d
uối Da	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 29' 03"	106° 58' 11"					C-48-22-B-b
uối Đồi	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 29' 50"	106° 55' 53"					C-48-22-B-b
uối Nhung	DC	xã Tân Hưng	H. Đồng Phú	11° 30' 19"	107° 01' 31"					C-48-11-C-c
1	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 13"	106° 49' 23"					C-48-22-B-a
2	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 38"	106° 49' 40"					C-48-22-B-a
3	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 17"	106° 49' 44"					C-48-22-B-a
4	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 29"	106° 50' 13"					C-48-22-B-a
5	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 07"	106° 48' 03"					C-48-22-B-a
6	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 25' 03"	106° 48' 08"					C-48-22-B-a
7	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 58"	106° 48' 55"					C-48-22-B-a
8	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 48"	106° 46' 40"					C-48-22-B-a
9	DC	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 58"	106° 49' 34"					C-48-22-B-a
ị Bàu Chư	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 23' 06"	106° 49' 24"	11° 22' 50"	106° 47' 51"	C-48-22-B-a
h Bé	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 25' 28"	106° 55' 52"	11° 20' 35"	106° 54' 03"	C-48-22-B-d
ị Bó	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 24' 55"	106° 47' 57"	11° 24' 17"	106° 46' 04"	C-48-22-B-a
ị Chư	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 14"	106° 49' 32"					C-48-22-B-a
òng Đ.T.741	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-22-B-a
ị Giai	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 23' 38"	106° 48' 25"	11° 22' 55"	106° 47' 55"	C-48-22-B-a
ị xã Ngọc Phú	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 04"	106° 49' 51"					C-48-22-B-a
ị Nước Trong	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 28' 25"	106° 49' 33"	11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-22-B-a
ị Rạt	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-B-a; C-48-22-B-b; C-48-22-B-c
Suối Giai	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 18"	106° 48' 57"					C-48-22-B-a
h Suối Giai	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 23' 43"	106° 48' 13"	11° 22' 58"	106° 47' 48"	C-48-22-B-a
ị Tà In	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 24' 19"	106° 53' 43"	11° 20' 36"	106° 51' 41"	C-48-22-B-b; C-48-22-B-c; C-48-22-B-d
o họ Tân Điền	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 25' 42"	106° 49' 04"					C-48-22-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
nhà máy Chế biến cao su Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 16"	106° 49' 16"					C-48-22-
nông trường Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 24' 05"	106° 51' 04"					C-48-22-
mỏ đá Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 19' 00"	106° 51' 39"					C-48-22-
nhà thờ Tân Lập	KX	xã Tân Lập	H. Đồng Phú	11° 23' 58"	106° 49' 33"					C-48-22-
Suối Triết	TV	xã Tân Lập	H. Đồng Phú			11° 20' 29"	106° 52' 59"	11° 18' 36"	106° 52' 20"	C-48-22-
Suối Da	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 28' 39"	106° 58' 16"	11° 27' 54"	106° 58' 58"	C-48-22-
suối Đá	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 26' 45"	106° 55' 20"	11° 24' 43"	106° 53' 09"	C-48-22-
ấp Đồng Bĩa	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 26' 21"	106° 57' 02"					C-48-22-
Đường ĐT.753	KX	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-23-
Suối Long	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 26' 56"	106° 56' 40"	11° 26' 45"	106° 55' 20"	C-48-22-
suối Mã Đà	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-23-
suối Nhạn	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 26' 59"	106° 55' 59"	11° 26' 27"	106° 55' 11"	C-48-22-
Suối Nhung	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 31' 30"	107° 02' 09"	11° 23' 41"	107° 03' 13"	C-48-23-
Suối Phé	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 27' 54"	106° 58' 58"	11° 25' 28"	106° 55' 52"	C-48-22-
ấp Quán Y	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 26' 29"	106° 52' 47"					C-48-22-
Suối Rạt	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-22-
Suối Rùa	TV	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú			11° 29' 55"	107° 03' 36"	11° 27' 04"	107° 04' 00"	C-48-23-
ấp Thạch Măng	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 25' 41"	107° 00' 27"					C-48-22-
ấp Trảng Tranh	DC	xã Tân Lợi	H. Đồng Phú	11° 26' 55"	106° 55' 14"					C-48-11
suối Bà Năng	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 39"	107° 04' 58"	11° 27' 37"	107° 04' 45"	C-48-11
Suối Ban	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 43"	107° 06' 23"	11° 30' 27"	107° 04' 59"	C-48-11
Suối Bàng	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 34' 43"	107° 07' 11"	11° 31' 39"	107° 04' 58"	C-48-11
ấp Cầu Rạt	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 19"	106° 56' 19"					C-48-10
ấp Cây Diệp	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 30' 47"	106° 57' 33"					C-48-10
suối Cây Diệp	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 20"	106° 58' 49"	11° 31' 55"	106° 57' 18"	C-48-10
suối Co Ra	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 32' 34"	107° 01' 24"	11° 32' 30"	106° 58' 58"	C-48-11

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Đa	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 28' 39"	106° 58' 16"	11° 27' 54"	106° 58' 58"	C-48-22-B-b
Đa Tô	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 06"	107° 01' 54"	11° 32' 05"	106° 56' 45"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Đôi	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 39"	106° 57' 47"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-10-D-d
ng Đ.T.753	KX	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 44"	106° 54' 40"	11° 20' 59"	107° 00' 37"	C-48-10-D-d
am Sơn	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 35' 06"	107° 07' 01"					C-48-11-C-c
Mã Đà	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 34' 21"	107° 08' 21"	11° 18' 33"	106° 56' 11"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d; C-48-23-A-b
Đam Đò	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 46"	107° 01' 32"					C-48-11-C-c
Nam Đò	SV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 15"	107° 01' 47"					C-48-11-C-c
i Nhung	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 03' 29"	11° 29' 57"	107° 03' 08"	C-48-23-A-a
Pa Péch	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 38"	107° 01' 05"	11° 28' 39"	106° 58' 16"	C-48-10-D-d; C-48-11-C-c
Pè Ba	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 14"	106° 57' 33"	11° 31' 37"	106° 56' 00"	C-48-10-D-d
Pe Nang	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 02"	107° 06' 39"	11° 31' 39"	107° 04' 58"	C-48-11-C-c
Phước Tân	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 05"	106° 56' 42"					C-48-10-D-d
Phước Tâm	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 01"	106° 56' 29"					C-48-10-D-d
Phước Tiến	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 13"	106° 58' 42"					C-48-10-D-d
Phước Tiến	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 30' 34"	106° 57' 47"	11° 29' 37"	106° 55' 25"	C-48-10-D-d
Phước Tiến	KX	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 30"	106° 55' 48"					C-48-10-D-d
Phước Tiến	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 45"	107° 03' 24"	11° 34' 26"	107° 02' 02"	C-48-11-C-c
Phước Tiến	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 32' 05"	106° 56' 45"	11° 18' 30"	106° 52' 23"	C-48-10-D-d; C-48-22-B-b
Phước Tiến	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-10-D-d
Phước Tiến	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 33' 43"	107° 03' 57"	11° 31' 37"	107° 03' 29"	C-48-11-C-c
Sắc Xi	DC	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 32' 52"	107° 00' 57"					C-48-11-C-c
Phước Tiến	TV	xã Tân Phước	H. Đồng Phú			11° 31' 37"	107° 06' 41"	11° 29' 59"	107° 07' 42"	C-48-11-C-c; C-48-11-C-d
Phước Tiến	KX	xã Tân Phước	H. Đồng Phú	11° 31' 28"	106° 56' 00"					C-48-10-D-d
Phước Tiến	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 40"	106° 50' 55"					C-48-22-B-a
Phước Tiến	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 25"	106° 51' 17"					C-48-22-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
suối Dền Dền	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 26' 55"	106° 49' 35"	11° 26' 53"	106° 48' 01"	C-48-22-
Suối Đá	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 26' 45"	106° 55' 20"	11° 24' 43"	106° 53' 09"	C-48-22-
cầu Đồng Chắc	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 18"	106° 52' 43"					C-48-22-
Đường ĐT.741	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú							C-48-22-
suối Khe Đá	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú			11° 26' 58"	106° 54' 18"	11° 25' 31"	106° 53' 49"	C-48-22-
Cầu Long	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 39"	106° 53' 08"					C-48-22-
ấp Minh Hoà	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 51"	106° 51' 04"					C-48-22-
ấp Minh Tân	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 58"	106° 50' 59"			11° 25' 38"	106° 46' 05"	C-48-22-
suối Nước Trong	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú					11° 28' 25"	106° 49' 33"	C-48-22-
Suối Rạt	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú					11° 32' 05"	106° 56' 45"	C-48-22-
hồ Suối Giai	TV	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 24' 18"	106° 48' 57"					C-48-22-
ấp Tân Hà	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 26' 00"	106° 47' 37"					C-48-22-
nhà thờ Tân Hoà	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 12"	106° 51' 03"					C-48-22-
ấp Thái Dũng	DC	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 57"	106° 51' 25"					C-48-22-
chùa Thanh Tâm	KX	xã Tân Tiến	H. Đồng Phú	11° 25' 51"	106° 51' 10"					C-48-22-
Suối Bàng	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 57' 52"	11° 36' 37"	106° 57' 44"	C-48-10-
Suối Bui	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 55' 54"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-
Suối Con	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 53' 42"	11° 38' 06"	106° 52' 50"	C-48-10-
Suối Dền 1	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 53' 27"	11° 39' 10"	106° 52' 00"	C-48-10-
Suối Dền 2	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 54' 48"	11° 38' 23"	106° 52' 39"	C-48-10-
Suối Đá 1	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 56' 36"	11° 37' 54"	106° 54' 25"	C-48-10-
Suối Đá 2	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 50' 21"	11° 37' 55"	106° 49' 32"	C-48-10-
hồ Đồng Xoài	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 36' 54"	106° 55' 25"					C-48-10-
Đường ĐT.741	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú				106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
i Lam	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 36' 38"	106° 52' 47"	11° 38' 50"	106° 52' 09"	C-48-10-D-a; C-48-10-D-b; C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
g trường Phú Riêng 1	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 33"	106° 51' 28"					C-48-10-D-a
g trường Phú Riêng 2	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 54"	106° 56' 04"					C-48-10-D-b
a Phúc Hậu	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 02"	106° 53' 57"					C-48-10-D-b
i Rạt	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 36' 37"	106° 57' 44"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-D-d
i Rạt	TV	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10-D-a
Chuận An	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 11"	106° 54' 16"					C-48-10-D-b
Chuận Bình	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 23"	106° 51' 56"					C-48-10-D-a
Chuận Hoà 1	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 37' 50"	106° 53' 03"					C-48-10-D-b
Chuận Hoà 2	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 36' 30"	106° 54' 25"					C-48-10-D-d
thờ Thuận Lợi	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 39"	106° 53' 47"					C-48-10-D-b
g trường Cao su Thuận 1	KX	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 51' 27"					C-48-10-D-b; C-48-10-D-c; C-48-10-D-d
Thuận Tân	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 36' 51"	106° 57' 40"					C-48-10-D-d
Thuận Tân	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 37' 01"	106° 56' 48"					C-48-10-D-d
Thuận Thành 1	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 56"	106° 53' 10"					C-48-10-D-b
Thuận Thành 2	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 39' 18"	106° 53' 44"					C-48-10-D-b
Thuận Tiến	DC	xã Thuận Lợi	H. Đồng Phú	11° 38' 04"	106° 51' 25"					C-48-10-D-a
ng ty cổ phần Cao su ng Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 53' 07"					C-48-10-D-d
Bầu Cây Me	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 11"	106° 46' 47"					C-48-10-D-c
ig Bé	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-D-c
Bù Xăng	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 49"	106° 55' 14"					C-48-10-D-d
ị Bui	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 36' 38"	106° 55' 54"	11° 35' 08"	106° 55' 54"	C-48-10-D-d
ị Chủ Nhất	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 29"	106° 52' 53"					C-48-10-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
di tích lịch sử Địa điểm thành lập Chi bộ Đông Dương công sản Đảng ở Phú Riêng	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 12"	106° 52' 23"					C-48-10-
ấp Đồng Búa	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 28"	106° 49' 34"					C-48-10-
ĐườngĐT. 741	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 57' 54"	106° 59' 56"	11° 22' 53"	106° 49' 30"	C-48-10-
ĐườngĐT.758	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 35' 23"	106° 50' 42"	11° 35' 37"	106° 53' 16"	C-48-10-
Công ty cổ phần Hải Vương	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 08"	106° 47' 28"					C-48-10-
di tích lịch sử Kết Nước	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 25"	106° 52' 52"					C-48-10-
Suối Nam	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 35' 46"	106° 52' 40"	11° 33' 24"	106° 46' 33"	C-48-10-
Suối Nưm	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 33' 36"	106° 51' 12"	11° 32' 08"	106° 49' 00"	C-48-10-
Khu di tích Phú Riêng Đỏ	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 28"	106° 52' 56"					C-48-10-
Suối Rạt	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 40' 48"	106° 54' 17"	11° 36' 22"	106° 46' 32"	C-48-10-
Suối Rạt	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú			11° 35' 08"	106° 55' 54"	11° 31' 36"	106° 55' 52"	C-48-10-
hồ Suối Lam	TV	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 36' 27"	106° 52' 51"					C-48-10-
ấp Tân Phú	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 30"	106° 50' 17"					C-48-10-
nông trường Cao su Tân Thành	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 03"	106° 49' 53"					C-48-10-
di tích lịch sử Thành đất hình tròn Thuận Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 33' 46"	106° 50' 47"					C-48-10-
chùa Thanh Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 53' 21"					C-48-10-
ấp Thuận Hải	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 34' 56"	106° 53' 57"					C-48-10-
giáo họ Thuận Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 48"	106° 53' 35"					C-48-10-
nông trường Cao su Thuận Phú	KX	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 39"	106° 51' 27"					C-48-10-
ấp Thuận Phú 1	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 36"	106° 53' 27"					C-48-10-
ấp Thuận Phú 2	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 26"	106° 52' 55"					C-48-10-
ấp Thuận Phú 3	DC	xã Thuận Phú	H. Đồng Phú	11° 35' 44"	106° 52' 53"					C-48-10-
Ấp 1	DC	xã An Khương	H. Hón Quán	11° 43' 48"	106° 38' 16"					C-48-10-
Ấp 2	DC	xã An Khương	H. Hón Quán	11° 43' 25"	106° 39' 43"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
3	DC	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 42' 24"	106° 40' 09"					C-48-10-C-b
4	DC	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 42' 40"	106° 41' 01"					C-48-10-C-b
5	DC	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 42' 07"	106° 40' 12"					C-48-10-C-b
6	DC	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 43' 07"	106° 40' 26"					C-48-10-C-b
7	DC	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 42' 03"	106° 39' 09"					C-48-10-C-b
8	DC	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 44' 30"	106° 40' 28"					C-48-10-C-b
An Khương	TV	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 43' 50"	106° 40' 56"					C-48-10-C-b
Biều Đình	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 46' 16"	106° 40' 55"	11° 45' 25"	106° 45' 20"	C-48-10-A-d
Biều Cát	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10-C-b
Biều Chum Ri	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 45' 54"	106° 41' 12"	11° 42' 14"	106° 41' 24"	C-48-10-A-d; C-48-10-B-c
Biều trang Đồng Tiến	KX	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 43' 57"	106° 37' 22"					C-48-10-C-a
Biều Đ.T.757	KX	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 43' 55"	106° 34' 34"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-b
Biều Rác	SV	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 41' 45"	106° 40' 23"					C-48-10-C-b
Biều Héo	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 41' 09"	106° 38' 01"	11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10-C-b
Biều Lạnh	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 45' 12"	106° 40' 14"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-A-d; C-48-10-C-a; C-48-10-C-b
Biều Mơ Nông 1	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 43' 10"	106° 38' 23"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-b
Biều Mơ Nông 2	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 42' 38"	106° 39' 46"	11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10-C-b
Biều Phú Miêng	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 41' 14"	106° 38' 42"	11° 43' 09"	106° 38' 42"	C-48-10-C-b
Biều Sa Quốc	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 43' 54"	106° 39' 35"	11° 42' 38"	106° 39' 46"	C-48-10-C-b
Biều văn hoá Thác Số 4	KX	xã An Khương	H. Hón Quan	11° 41' 25"	106° 40' 28"					C-48-10-C-b
Biều Trời Đảnh	TV	xã An Khương	H. Hón Quan			11° 43' 30"	106° 40' 34"	11° 42' 15"	106° 41' 18"	C-48-10-C-b
An Tân	DC	xã An Phú	H. Hón Quan	11° 39' 37"	106° 30' 29"					C-48-10-C-a
Bình Phú	DC	xã An Phú	H. Hón Quan	11° 39' 34"	106° 33' 15"					C-48-10-C-a
Biều Càn Lê	TV	xã An Phú	H. Hón Quan			11° 44' 28"	106° 35' 53"	11° 41' 55"	106° 29' 39"	C-48-9-D-b
Biều Lô Lô	DC	xã An Phú	H. Hón Quan	11° 40' 35"	106° 32' 53"					C-48-10-C-a
Biều Ru	TV	xã An Phú	H. Hón Quan			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10-C-a
Sóc Rul	DC	xã An Phú	H. Hón Quan	11° 39' 49"	106° 32' 01"					C-48-10-C-a
Biều Tăng Hách	DC	xã An Phú	H. Hón Quan	11° 41' 04"	106° 32' 04"					C-48-10-C-a
Biều Tonle Tru 1	TV	xã An Phú	H. Hón Quan			11° 40' 23"	106° 27' 50"	11° 39' 30"	106° 27' 14"	C-48-9-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
suối Tonle Tru 2	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản			11° 41' 55"	106° 29' 39"	11° 40' 23"	106° 27' 50"	C-48-9-1
Suối Trâu	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản			11° 39' 23"	106° 33' 25"	11° 36' 48"	106° 30' 06"	C-48-10-
Bàu Zem	TV	xã An Phú	H. Hớn Quản	11° 41' 00"	106° 29' 47"					C-48-9-1
Áp 1	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 57"	106° 34' 51"					C-48-10-
Áp 2	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 32' 29"	106° 33' 31"					C-48-10-
Áp 3	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 25"	106° 34' 23"					C-48-10-
Áp 4	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 31' 54"	106° 34' 58"					C-48-10-
Áp 5	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 31' 23"	106° 34' 05"					C-48-10-
suối Bang Xóm	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 30' 54"	106° 33' 11"	11° 29' 09"	106° 33' 17"	C-48-10-
suối Cây Đa	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 29' 08"	106° 33' 18"	11° 28' 08"	106° 32' 19"	C-48-22-
sông Chò Lon	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 34' 05"	106° 34' 54"	11° 34' 09"	106° 33' 50"	C-48-10-
Suối Địa	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 30' 59"	106° 31' 29"	11° 28' 59"	106° 31' 02"	C-48-10-
nông trường Cao su Đồng Nơ	KX	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 02"	106° 34' 33"					C-48-10
áp Đồng Tân	DC	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 19"	106° 32' 43"			11° 32' 38"	106° 33' 46"	C-48-10
Đường ĐT.756B	KX	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản					11° 29' 09"	106° 33' 17"	C-48-22
Suối Lạnh	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 31' 55"	106° 35' 04"	11° 29' 09"	106° 33' 17"	C-48-22
Suối Láp	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 32' 48"	106° 32' 21"	11° 33' 19"	106° 32' 08"	C-48-10
Suối Láp	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 28' 07"	106° 32' 18"	11° 29' 00"	106° 30' 51"	C-48-22
hồ Suối Láp	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 32' 35"	106° 32' 28"					C-48-10
chùa Thanh Lâm	KX	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản	11° 33' 19"	106° 34' 28"					C-48-10
suối Xa Cam	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 34' 09"	106° 33' 50"	11° 34' 41"	106° 30' 05"	C-48-10
suối Xa Cát	TV	xã Đồng Nơ	H. Hớn Quản			11° 33' 29"	106° 34' 17"	11° 32' 53"	106° 30' 10"	C-48-10-
áp 1A	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 41"	106° 34' 27"					C-48-10
áp 1B	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 36' 07"	106° 34' 11"					C-48-10
Áp 2	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 46"	106° 33' 41"					C-48-10
di tích lịch sử Bể Nước	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 34"	106° 34' 13"					C-48-10
nông trường Cao su Bình Minh	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 36' 00"	106° 34' 29"					C-48-10
di tích lịch sử Bồn Nước	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 34"	106° 34' 13"					C-48-10

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Ấi Chà Là	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 38' 10"	106° 34' 11"	11° 35' 48"	106° 31' 06"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
Chà Lon	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 34' 54"	106° 32' 59"					C-48-10-C-c
Ấi Chò Lon	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 34' 05"	106° 34' 54"	11° 34' 09"	106° 33' 50"	C-48-10-C-c
Dầu Tiếng	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 29' 56"	106° 25' 28"					C-48-9-D-d; C-48-10-C-c
Đồng Dầu	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 28"	106° 32' 05"					C-48-10-C-c
tích lịch sử Giếng Nước	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 34"	106° 34' 13"					C-48-10-C-c
K4	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 24"	106° 30' 47"					C-48-10-C-c
Ấi Ma	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 37' 35"	106° 34' 33"	11° 36' 38"	106° 31' 38"	C-48-10-C-c
tích lịch sử Nhà ở Phụ	KX	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 45"	106° 34' 10"					C-48-10-C-c
Đ. su	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 25"	106° 34' 26"					C-48-10-C-c
Sóc Lộc Khê	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 35' 12"	106° 34' 56"					C-48-10-C-c
Sóc Ruộng	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 34' 09"	106° 33' 50"	11° 35' 04"	106° 30' 39"	C-48-10-C-c
Ấi Xa Cam 1	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 34' 43"	106° 35' 27"	11° 34' 53"	106° 32' 47"	C-48-10-C-c
Ấi Xa Cam 2	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 37' 23"	106° 35' 22"	11° 35' 19"	106° 33' 54"	C-48-10-C-c
Ấi Xa Cam 3	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 35' 41"	106° 35' 24"	11° 35' 21"	106° 34' 21"	C-48-10-C-c
Ấi Xa Cam 4	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 32' 53"	106° 30' 10"	11° 32' 56"	106° 29' 14"	C-48-10-C-c
Ấi Xa Cát 1	TV	xã Minh Đức	H. Hớn Quản			11° 33' 29"	106° 34' 17"	11° 32' 53"	106° 30' 10"	C-48-10-C-c
Ấi Xa Cát 2	DC	xã Minh Đức	H. Hớn Quản	11° 36' 51"	106° 33' 22"					C-48-10-C-c
1	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 31"	106° 32' 21"					C-48-10-C-c
2	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 48"	106° 33' 27"					C-48-10-C-a
3	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 49"	106° 31' 08"					C-48-10-C-a
4	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 36' 52"	106° 32' 19"					C-48-10-C-c
5	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 39' 08"	106° 33' 04"					C-48-10-C-a
6	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 40' 02"	106° 30' 00"	11° 36' 33"	106° 28' 46"	C-48-9-D-b; C-48-9-D-d; C-48-10-C-a
Ấi Ba Veng	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 38' 18"	106° 27' 44"	11° 37' 15"	106° 27' 52"	C-48-9-D-b; C-48-9-D-d
ng Cẩn Lê Chàm	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 38' 10"	106° 34' 11"	11° 35' 48"	106° 31' 06"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-c
Ấi Chà Là	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hồ Dầu Tiếng	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 29' 56"	106° 25' 28"					C-48-9-I
Đường ĐT.752	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 39' 34"	106° 34' 32"	11° 35' 32"	106° 29' 01"	C-48-10-
hồ K4	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 35' 24"	106° 30' 47"					C-48-10-
Đồi Khi	SV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 11"	106° 30' 07"					C-48-10-
Suối Ma	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 37' 35"	106° 34' 33"	11° 36' 38"	106° 31' 38"	C-48-10-
Suối Nơ Ron	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 38' 22"	106° 30' 12"	11° 35' 32"	106° 29' 01"	C-48-9-
Suối Ru	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 40' 20"	106° 35' 45"	11° 38' 19"	106° 31' 27"	C-48-10-
sông Sài Gòn	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 37' 15"	106° 27' 52"	11° 34' 49"	106° 29' 06"	C-48-9-
cầu Tổng Lê Chân	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 35' 32"	106° 29' 01"					C-48-9-
Trại giam Tổng Lê Chân-K1	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 41"	106° 38' 14"					C-48-10-
Trại giam Tổng Lê Chân-K2	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 26"	106° 31' 57"					C-48-10-
Trại giam Tổng Lê Chân-K4	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 35' 04"	106° 30' 30"					C-48-10-
Trại giam Tổng Lê Chân-K3	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 36' 50"	106° 30' 33"					C-48-10-
sông Tonle Chàm	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 40' 22"	106° 27' 03"	11° 38' 18"	106° 27' 44"	C-48-9-
Suối Trâu	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 39' 23"	106° 33' 25"	11° 36' 48"	106° 30' 06"	C-48-10-
Sóc Vàng	DC	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 09"	106° 31' 52"					C-48-10-
nhà máy Bột mì Wu Son	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 37' 39"	106° 30' 23"					C-48-10-
nông trường Cao su Xa Cam	KX	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản	11° 38' 29"	106° 33' 18"					C-48-10-
suối Xa Cam	TV	xã Minh Tâm	H. Hớn Quản			11° 34' 09"	106° 33' 50"	11° 35' 04"	106° 30' 39"	C-48-10-
ấp 23 Lớn	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 37' 05"	106° 38' 14"					C-48-10-
ấp 23 Nhỏ	DC	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 36' 38"	106° 38' 52"					C-48-10-
Suối Don	TV	xã Phước An	H. Hớn Quản			11° 37' 25"	106° 39' 11"	11° 33' 37"	106° 38' 59"	C-48-10-
núi Gió 1	SV	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 38' 00"	106° 38' 10"					C-48-10-
núi Gió 2	SV	xã Phước An	H. Hớn Quản	11° 38' 38"	106° 38' 30"					C-48-10-
Suối Nghiền	TV	xã Phước An	H. Hớn Quản			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
ị Ốc	TV	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 37' 19"	106° 39' 02"	11° 36' 47"	106° 38' 54"	11° 33' 03"	106° 38' 37"	C-48-10-C-d
a Phước Bửu	KX	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 37' 19"	106° 39' 02"					C-48-10-C-d
Sóc Dầy	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 34' 13"	106° 38' 22"					C-48-10-C-d
Sóc Lớn	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 35' 02"	106° 38' 31"					C-48-10-C-d
Số Líp	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 37' 47"	106° 39' 58"					C-48-10-C-b
a Thanh Long Tự	KX	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 36' 03"	106° 38' 05"					C-48-10-C-d
Tổng Cui Lớn	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 38' 16"	106° 38' 46"					C-48-10-C-b
Tổng Cui Nhỏ	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 38' 16"	106° 39' 10"					C-48-10-C-b
Tranh 1	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 36' 09"	106° 40' 12"					C-48-10-C-d
Tranh 2	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 36' 46"	106° 39' 58"					C-48-10-C-d
Tranh Sờ	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 36' 01"	106° 40' 55"					C-48-10-C-d
Trường An	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 35' 23"	106° 38' 42"					C-48-10-C-d
Trường Thịnh	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 36' 24"	106° 38' 29"					C-48-10-C-d
ia Từ Phương Tăng	KX	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 35' 59"	106° 37' 11"					C-48-10-C-c
Văn Hiến 1	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 37' 12"	106° 39' 13"					C-48-10-C-d
Văn Hiến 2	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 37' 46"	106° 38' 47"					C-48-10-C-b
ị Xa Cát	TV	xã Phước An	H. Hón Quận					11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-c; C-48-10-C-d
ng trưởng Xa Trạch	KX	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 37' 14"	106° 38' 35"					C-48-10-C-d
Xa Trạch 1	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 36' 13"	106° 37' 23"					C-48-10-C-c
Xa Trạch 2	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 36' 03"	106° 37' 56"					C-48-10-C-c
Xa Trạch Sóc	DC	xã Phước An	H. Hón Quận			11° 35' 04"	106° 37' 24"					C-48-10-C-c
6	DC	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 30' 42"	106° 31' 29"					C-48-10-C-c
7	DC	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 31' 14"	106° 30' 18"					C-48-10-C-c
8	DC	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 31' 24"	106° 31' 26"					C-48-10-C-c
9	DC	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 31' 19"	106° 28' 15"					C-48-9-D-d
10	DC	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 30' 14"	106° 30' 41"					C-48-10-C-c
Bầu Lùng	DC	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 32' 05"	106° 28' 44"					C-48-9-D-d
u kinh tế mới Bến Tre	KX	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 33' 02"	106° 31' 33"					C-48-10-C-c
Dầu Tiếng	TV	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận			11° 29' 56"	106° 25' 28"					C-48-9-D-d; C-48-21-B-b
ối Địa	TV	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận					11° 30' 59"	106° 31' 29"	11° 28' 59"	106° 31' 02"	C-48-10-C-c; C-48-22-A-a
ối Láp	TV	xã Tân Hiệp	H. Hón Quận					11° 32' 48"	106° 32' 21"	11° 33' 19"	106° 32' 08"	C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hi mảnh bản địa hìn
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Suối Lấp	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 28' 08"	106° 32' 19"	11° 29' 00"	106° 30' 52"	C-48-22-
ấp Sóc 5	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 30' 49"	106° 30' 29"					C-48-10-
hồ Suối Lấp	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 32' 35"	106° 32' 28"					C-48-10-
suối Tà Môn	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 29' 00"	106° 30' 52"	11° 29' 56"	106° 29' 27"	C-48-21-
Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp	KX	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 33' 12"	106° 29' 20"					C-48-9-I
ấp Tân Lập	DC	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản	11° 32' 37"	106° 32' 11"					C-48-10-
suối Xa Cát	TV	xã Tân Hiệp	H. Hớn Quản			11° 33' 29"	106° 34' 17"	11° 32' 56"	106° 29' 14"	C-48-10-
nhà máy Chế biến Mù cao su 30-4	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 03"	106° 42' 09"					C-48-10-
suối A Mỏ	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 40' 32"	106° 42' 24"	11° 41' 37"	106° 43' 58"	C-48-10-
Sông Bé	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10-
Suối Cát	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10-
Sóc Dầm	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 20"	106° 43' 41"					C-48-10-
Suối Dầm	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 37' 00"	106° 43' 00"	11° 35' 13"	106° 43' 20"	C-48-10-
sóc Đăk Sur	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 05"	106° 42' 51"					C-48-10-
ấp Đồng Hồ	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 59"	106° 43' 16"					C-48-10-
Đường ĐT.756	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-
Đường ĐT.758	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 37' 02"	106° 46' 26"	11° 38' 40"	106° 42' 10"	C-48-10-
Suối Heo	TV	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản			11° 39' 57"	106° 41' 40"	11° 38' 00"	106° 46' 17"	C-48-10-
ấp Hưng Lập A	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 37' 47"	106° 42' 18"					C-48-10-
ấp Hưng Lập B	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 38' 52"	106° 42' 11"					C-48-10-
ấp Hưng Phát	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 36' 51"	106° 42' 08"					C-48-10-
ấp Hưng Yên	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 38' 05"	106° 43' 51"					C-48-10-
nông trường Lợi Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 38' 49"	106° 42' 10"					C-48-10-
ấp Long Hồ	DC	xã Tân Hưng	H. Hớn Quản	11° 40' 58"	106° 42' 14"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ị Lu 1	TV	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn			11° 38' 59"	106° 41' 59"	11° 37' 22"	106° 42' 23"	C-48-10-C-b C-48-10-C-d
ị Lu 2	TV	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn			11° 38' 07"	106° 43' 49"	11° 36' 05"	106° 45' 18"	C-48-10-C-b; C-48-10-C-d; C-48-10-D-c;
ị Nghiên	TV	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10-C-d
ị Sát	KX	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 37' 31"	106° 42' 51"					C-48-10-C-b
Sở Xiêm	DC	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 39' 58"	106° 42' 09"					C-48-10-C-b
Sóc Quả	DC	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 37' 50"	106° 45' 01"					C-48-10-D-a
Sóc Ruộng	DC	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 40' 02"	106° 44' 09"					C-48-10-C-b
Sóc Xiêm	TV	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 40' 45"	106° 42' 14"					C-48-10-B-c; C-48-10-C-b; C-48-10-D-a
ị Sông Bé	KX	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 37' 02"	106° 46' 26"					C-48-10-D-c
ịa Thanh Hoà	KX	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 37' 41"	106° 42' 50"					C-48-10-C-b
ị trưởng Trà Thanh	KX	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 40' 34"	106° 42' 08"					C-48-10-C-b
ị Ung	DC	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 36' 31"	106° 44' 39"					C-48-10-C-d
ị Xà Nạp	DC	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 36' 12"	106° 43' 37"					C-48-10-C-d
ị Xoài Lớn	DC	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 36' 46"	106° 42' 19"					C-48-10-C-d
ị Xoài Nhỏ	DC	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn	11° 36' 26"	106° 42' 51"			11° 35' 55"	106° 45' 50"	C-48-10-C-d
ị Zu	TV	xã Tân Hưng	H. Hón Quàn							C-48-10-D-c
ị 1	DC	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 34' 10"	106° 36' 18"					C-48-10-C-c
ị 2	DC	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 33' 26"	106° 36' 51"					C-48-10-C-c
ị 3	DC	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 32' 42"	106° 36' 57"					C-48-10-C-c
ị 4	DC	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 31' 37"	106° 36' 55"					C-48-10-C-c
ị 5	DC	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 33' 10"	106° 36' 40"					C-48-10-C-c
ị 6	DC	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 33' 38"	106° 35' 30"					C-48-10-C-c
ị 7	DC	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 32' 03"	106° 36' 36"					C-48-10-C-c
m biển áp 110KV	KX	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 34' 17"	106° 36' 53"					C-48-10-C-c
nh Long	KX	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 34' 30"	106° 36' 51"					C-48-10-C-c
ịa trang Bình Long	KX	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 34' 43"	106° 35' 52"					C-48-10-C-c
ị trưởng Bình Minh	KX	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 33' 01"	106° 35' 35"					C-48-10-C-c
ị Đập Bàu Ưm	TV	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 32' 35"	106° 35' 59"					C-48-10-C-c
ị Đập Ông	TV	xã Tân Khai	H. Hón Quàn	11° 32' 35"	106° 35' 59"					C-48-10-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên h mảnh bản địa hữ
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
di tích lịch sử quốc gia Địa điểm chiến thắng chốt chặn Tàu Ô	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 31' 11"	106° 36' 48"					C-48-10-
nông trường Đồng Nơ	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 31' 42"	106° 35' 34"					C-48-10-
Đường ĐT.756B	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"	C-48-10-
Đường QL.13	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-
sóc Tà Cuông	DC	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 24"	106° 38' 32"					C-48-10-
đình thần Tân Khai	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 10"	106° 36' 38"					C-48-10-
nhà thờ Tân Khai	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 51"	106° 37' 10"					C-48-10-
suối Tàu Ô	TV	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 30' 27"	106° 36' 16"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10- C-48-10-
chùa Thanh Cảnh	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 33' 59"	106° 37' 05"					C-48-10-
chùa Thanh Quang	KX	xã Tân Khai	H. Hớn Quản	11° 32' 05"	106° 36' 45"					C-48-10-
suối Xa Cát	TV	xã Tân Khai	H. Hớn Quản			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10- C-48-10-
ấp Ân Lợi	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 56"	106° 38' 12"					C-48-10-
ấp Bà Lành	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 41' 24"	106° 41' 18"					C-48-10-
Suối Cát	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10-
Đường ĐT.756	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-
núi Gió 1	SV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 00"	106° 38' 10"					C-48-10-
núi Gió 2	SV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 38"	106° 38' 30"			11° 43' 10"	106° 38' 23"	C-48-10-
Suối Hèo	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản							C-48-10-
ấp Hưng Thạnh	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 11"	106° 40' 47"					C-48-10-
Lộc 22	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 46"	106° 40' 00"					C-48-10-
nông trường Lợi Hưng	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 37' 36"	106° 40' 57"					C-48-10-
Suối Nghiền	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 39' 15"	106° 39' 31"	11° 32' 17"	106° 45' 29"	C-48-10- C-48-10-
ấp Núi Gió	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 48"	106° 38' 18"					C-48-10-
nhà máy Khai thác đá Núi Gió	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 38' 29"	106° 38' 14"					C-48-10-
ấp Phú Miêng	DC	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 40' 46"	106° 38' 17"					C-48-10-
suối Phú Miêng	TV	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản			11° 41' 14"	106° 38' 42"	11° 43' 09"	106° 38' 42"	C-48-10-
nông trường Cao su Quần Lợi	KX	xã Tân Lợi	H. Hớn Quản	11° 39' 45"	106° 38' 53"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ	KX	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 39' 46"	106° 38' 09"						C-48-10-C-b	
	DC	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 39' 34"	106° 38' 12"						C-48-10-C-b	
	DC	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 40' 43"	106° 39' 34"						C-48-10-C-b	
	KX	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 40' 23"	106° 39' 26"						C-48-10-C-b	
Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ	TV	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 41' 25"	106° 40' 29"						C-48-10-C-b	
	DC	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 38' 01"	106° 40' 53"						C-48-10-C-b	
	DC	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 40' 25"	106° 40' 53"						C-48-10-C-b	
	DC	xã Tân Lợi	H. Hón Quan	11° 39' 01"	106° 39' 02"						C-48-10-C-b	
	TV	xã Tân Lợi	H. Hón Quan		106° 38' 15"	11° 39' 44"	11° 31' 06"	106° 39' 16"			C-48-10-C-b	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 34' 51"	106° 40' 38"						C-48-10-C-d	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 32' 36"	106° 39' 03"						C-48-10-C-d	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 32' 23"	106° 38' 55"						C-48-10-C-d	
	KX	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 32' 22"	106° 38' 51"						C-48-10-C-d	
	TV	xã Tân Quan	H. Hón Quan			11° 37' 25"	106° 39' 11"	11° 33' 37"	106° 38' 59"		C-48-10-C-d	
	KX	xã Tân Quan	H. Hón Quan			11° 26' 53"	106° 44' 42"	11° 32' 38"	106° 33' 46"		C-48-10-C-d	
	KX	xã Tân Quan	H. Hón Quan			11° 33' 17"	106° 44' 40"	11° 32' 25"	106° 38' 57"		C-48-10-C-d	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 34' 08"	106° 40' 16"						C-48-10-C-d	
	KX	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 33' 55"	106° 39' 41"						C-48-10-C-d	
	TV	xã Tân Quan	H. Hón Quan			11° 36' 47"	106° 38' 54"	11° 33' 03"	106° 38' 37"		C-48-10-C-d	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 33' 00"	106° 40' 27"						C-48-10-C-d	
Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ Đường bộ	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 32' 26"	106° 40' 01"						C-48-10-C-d	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 34' 32"	106° 39' 34"						C-48-10-C-d	
	TV	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 34' 28"	106° 40' 27"						C-48-10-C-d	
	TV	xã Tân Quan	H. Hón Quan			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 25' 27"	106° 43' 08"		C-48-10-C-d	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 31' 41"	106° 40' 00"						C-48-10-C-d	
	KX	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 31' 50"	106° 40' 20"						C-48-10-C-d	
	KX	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 33' 30"	106° 39' 51"						C-48-10-C-d	
	DC	xã Tân Quan	H. Hón Quan	11° 34' 18"	106° 40' 33"						C-48-10-C-d	
	SV	xã Thanh An	H. Hón Quan	11° 46' 09"	106° 41' 15"						C-48-10-A-d	
	TV	xã Thanh An	H. Hón Quan	11° 47' 40"	106° 45' 20"						C-48-10-B-c	
	DC	xã Thanh An	H. Hón Quan	11° 45' 00"	106° 42' 26"						C-48-10-A-d	
	DC	xã Thanh An	H. Hón Quan	11° 44' 16"	106° 43' 35"						C-48-10-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ấp An Sơn	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 59"	106° 43' 35"					C-48-10-
Sông Bé	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 46' 06"	106° 45' 13"	11° 23' 50"	106° 42' 08"	C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-10-
ấp Bù Dinh	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 19"	106° 43' 06"					C-48-10-
cầu Bù Dinh	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 27"	106° 42' 01"					C-48-10-
suối Bù Dinh	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 46' 16"	106° 40' 55"	11° 45' 25"	106° 45' 20"	C-48-10-
Suối Cát	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 40' 26"	106° 38' 05"	11° 41' 48"	106° 44' 24"	C-48-10- C-48-10-
suối Chum Rì	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 45' 54"	106° 41' 12"	11° 42' 14"	106° 41' 24"	C-48-10- C-48-10-
ấp Địa Hạt	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 10"	106° 43' 13"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
Đường ĐT.756	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10- C-48-10- C-48-10-
Đường ĐT.757	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 44' 06"	106° 52' 16"	11° 44' 42"	106° 40' 34"	C-48-10- C-48-10- C-48-10-
nhà máy Nước Idico	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 03"	106° 44' 41"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
bàu Kàn Reng	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 30"	106° 43' 06"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
suối Kàn Reng	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 47' 00"	106° 42' 51"	11° 46' 20"	106° 44' 16"	C-48-10- C-48-10- C-48-10-
ấp Lò Ô	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 29"	106° 41' 51"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
ấp Phum Lu	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 44' 28"	106° 43' 03"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
mỏ đá Puzolon	KX	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 46' 13"	106° 41' 31"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
ấp Sóc Dầm	DC	xã Thanh An	H. Hớn Quản	11° 43' 29"	106° 43' 28"					C-48-10- C-48-10- C-48-10-
Suối Tàu	TV	xã Thanh An	H. Hớn Quản			11° 44' 59"	106° 42' 21"	11° 43' 58"	106° 45' 44"	C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Đường QL.13	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-C-c
Đường trường Bình Minh	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 35' 27"	106° 35' 55"					C-48-10-C-c
Chà La	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 35' 50"	106° 36' 52"					C-48-10-C-c
Chà Lả	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 36' 37"	106° 36' 21"	11° 35' 20"	106° 36' 43"	C-48-10-C-c
Đông Phát	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 37' 46"	106° 37' 01"					C-48-10-C-a
Đường Sắt	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 35' 23"	106° 36' 38"					C-48-10-C-c
Giáo 1	SV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 38' 00"	106° 38' 10"					C-48-10-C-b
Giáo Ró	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 38' 58"	106° 38' 54"	11° 37' 05"	106° 37' 40"	C-48-10-C-d
Sở Nhì	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 36' 10"	106° 36' 13"					C-48-10-C-c
Sóc Răng	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 36' 20"	106° 36' 52"					C-48-10-C-c
Thiên Tâm	KX	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 34' 53"	106° 36' 31"					C-48-10-C-c
Xa Cát	DC	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản	11° 34' 56"	106° 36' 23"					C-48-10-C-c
Xa Cát 1	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 38' 00"	106° 36' 51"	11° 36' 21"	106° 37' 04"	C-48-10-C-a C-48-10-C-c
Xa Cát 2	TV	xã Thanh Bình	H. Hớn Quản			11° 39' 44"	106° 38' 15"	11° 31' 06"	106° 39' 16"	C-48-10-C-a; C-48-10-C-b; C-48-10-C-c; C-48-10-C-d
Bảo Lộc	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 47"	106° 35' 19"					C-48-10-A-c
Công ty TNHH MTV ở xã Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 24"	106° 34' 41"					C-48-10-A-c
Chợ	TV	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh			11° 51' 47"	106° 35' 35"	11° 49' 50"	106° 35' 42"	C-48-10-A-c
Đền lịch sử Địa điểm ủy quyền ném bom thảm dân thường	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 49"	106° 35' 21"					C-48-10-A-c
Nhà văn Đa khoa huyện Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 10"	106° 35' 19"					C-48-10-A-c
Đền lịch sử Làng Công- An	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 54"	106° 35' 25"					C-48-10-A-c
Đền Dân tộc nội trú Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 21"	106° 34' 59"					C-48-10-A-c
Đền thờ Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 13"	106° 35' 00"					C-48-10-A-c
Đền máy Chế biến mù ở xã Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 47"	106° 35' 28"					C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
sân bay quân sự Lộc Ninh	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 27"	106° 35' 14"					C-48-10-
Trụ sở cách mạng lâm thời cộng hoà Miền Nam Việt Nam	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 36"	106° 35' 21"					C-48-10-
di tích lịch sử Nhà quản lý công trình thời Pháp thuộc	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 29"	106° 35' 00"					C-48-10-
khu phố Ninh Hoà	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 58"	106° 35' 16"					C-48-10-
khu phố Ninh Phú	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 49"	106° 35' 24"					C-48-10-
khu phố Ninh Phước	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 01"	106° 35' 30"					C-48-10-
khu phố Ninh Thái	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 23"	106° 35' 31"					C-48-10-
khu phố Ninh Thành	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 10"	106° 35' 49"					C-48-10-
khu phố Ninh Thạnh	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 51' 17"	106° 34' 57"					C-48-10-
khu phố Ninh Thịnh	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 41"	106° 34' 52"					C-48-10-
khu phố Ninh Thuận	DC	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 44"	106° 35' 45"					C-48-10-
nhà nghỉ Thượng tướng Phạm Văn Trà	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 22"	106° 35' 34"					C-48-10-
Đường QL.13	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-
chùa Quan Âm	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 21"	106° 35' 31"					C-48-10-
chùa Trúc Lâm	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 51"	106° 35' 34"					C-48-10-
chùa Từ Quang	KX	TT. Lộc Ninh	H. Lộc Ninh	11° 50' 44"	106° 35' 28"					C-48-10-
Áp 1	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 52"	106° 39' 26"					C-48-10-
Áp 2	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 22"	106° 40' 16"					C-48-10-
Áp 3	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 53' 42"	106° 40' 02"					C-48-10-
Áp 4	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 53' 39"	106° 38' 31"					C-48-10-
Áp 6	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 31"	106° 37' 41"					C-48-10-
Áp 7	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 29"	106° 37' 02"					C-48-10-
Áp 8	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 56' 34"	106° 39' 55"					C-48-10-
Áp 9	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 59"	106° 41' 01"					C-48-10-
ấp 54	DC	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 41"	106° 38' 04"					C-48-10-
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Linh	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 53' 11"	106° 38' 45"					C-48-10-
cầu Áp 1	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 54' 54"	106° 39' 17"					C-48-10-
cầu Áp 54	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 40"	106° 38' 12"					C-48-10-
di chỉ Bãi Tiên	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 38"	106° 40' 29"					C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ị Bàu Sen	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 56' 38"	106° 41' 10"	11° 58' 46"	106° 40' 18"	C-48-10-A-b
Bầu Sen	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 57' 57"	106° 40' 07"					C-48-10-A-b
ng Chrey Miêng	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	C-48-10-A-b
ị Đưng	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh	11° 55' 42"	106° 41' 22"					C-48-10-A-b
ờng Đ.T.759B	KX	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-a; C-48-10-A-b
ị Ka	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 54' 01"	106° 37' 25"	11° 56' 22"	106° 40' 10"	C-48-10-A-a; C-48-10-A-b
ị Pre Son	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 53' 15"	106° 37' 45"	11° 56' 14"	106° 40' 26"	C-48-10-A-b
ị Yeng	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 54' 57"	106° 36' 38"	11° 57' 59"	106° 37' 39"	C-48-10-A-a; C-48-10-A-b
ị Yo	TV	xã Lộc An	H. Lộc Ninh			11° 53' 04"	106° 39' 00"	11° 53' 55"	106° 41' 32"	C-48-10-A-b
1	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 47' 55"	106° 38' 07"					C-48-10-A-d
2	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 07"	106° 37' 41"					C-48-10-A-c
3	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 16"	106° 37' 05"					C-48-10-A-c
4	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 47' 46"	106° 37' 10"					C-48-10-A-c
5	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 44"	106° 37' 19"					C-48-10-A-c
6	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 46"	106° 37' 53"					C-48-10-A-d
7	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 32"	106° 38' 10"					C-48-10-A-d
7	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 19"	106° 37' 43"					C-48-10-A-d
8	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 47' 47"	106° 39' 14"					C-48-10-A-d
9	DC	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 01"	106° 41' 08"					C-48-10-A-d
ng ty TNHH MTV ổ su Lộc Linh	KX	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 47' 34"	106° 40' 02"					C-48-10-A-d
ị Bay Cho Long	TV	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh			11° 47' 01"	106° 41' 52"	11° 46' 33"	106° 41' 50"	C-48-10-A-d
ị Bù Dinh	TV	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh			11° 46' 16"	106° 40' 55"	11° 45' 25"	106° 45' 20"	C-48-10-A-d
ờng Đ.T.756	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-A-b
ờng Đ.T.759B	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-b
ị Phên	TV	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh			11° 47' 44"	106° 39' 39"	11° 47' 54"	106° 38' 19"	C-48-10-A-d
thờ Tích Thiện	KX	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh	11° 48' 28"	106° 37' 10"					C-48-10-C-b
ị Tonle Chàm	TV	xã Lộc Diên	H. Lộc Ninh			11° 49' 35"	106° 37' 08"	11° 47' 55"	106° 37' 25"	C-48-10-A-c
ị Bế	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-a
à truyền thống Căn cứ hậu cần Miền B2	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 15"	106° 41' 34"					C-48-10-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên bản mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)		
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 53"	106° 37' 31"					C-48-10-	
	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 14"	106° 41' 45"					C-48-10-	
	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 44"	106° 39' 57"					C-48-10-	
	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 55' 42"	106° 41' 22"					C-48-10-	
	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 52"	106° 41' 51"					C-48-10-	
	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 20"	106° 42' 59"					C-48-10-	
	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 09"	106° 39' 44"					C-48-10-	
	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 46"	106° 41' 05"					C-48-10-	
	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 14"	106° 40' 37"					C-48-10-	
	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 53' 48"	106° 42' 01"					C-48-10-	
	DC	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 54' 04"	106° 41' 48"					C-48-10-	
	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 25"	106° 39' 36"					C-48-10-	
	KX	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh	11° 52' 25"	106° 39' 49"					C-48-10-	
	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 52' 49"	106° 38' 06"	11° 52' 00"	106° 39' 48"	C-48-10-	
	Suối Trào	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 51' 19"	106° 37' 17"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48-10-
	Suối Yo	TV	xã Lộc Hiệp	H. Lộc Ninh			11° 53' 04"	106° 39' 00"	11° 53' 55"	106° 41' 32"	C-48-10-
Áp 6	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 55' 07"	106° 36' 27"					C-48-10-	
Áp 7	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 57' 02"	106° 33' 19"					C-48-10-	
Áp 8	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 54' 19"	106° 36' 16"					C-48-10-	
Ban quản lý Rừng phòng hộ Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 56' 59"	106° 33' 22"					C-48-10-	
áp 8A	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 54' 56"	106° 35' 27"					C-48-10-	
áp 8B	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 56' 14"	106° 36' 37"					C-48-10-	
áp 8C	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 55' 34"	106° 35' 34"					C-48-10-	
khu di tích lịch sử Bồn xăng kho nhiên liệu VK99	KX	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 55' 14"	106° 35' 15"					C-48-10-	
hồ thủy lợi Bù Kal	TV	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 55' 54"	106° 37' 17"					C-48-10-	
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 54' 33"	106° 36' 32"					C-48-10-	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Đường Chrey Miêng	TV	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh			12° 02' 22"	106° 45' 37"	11° 58' 30"	106° 37' 33"	C-48-10-A-b
Đường kiểm soát liên hợp Cửa	KX	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 57' 59"	106° 32' 38"					C-48-10-A-a
Đường Hoa Lư	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 54' 56"	106° 34' 56"					C-48-10-A-a
Đường huỷ lợi Suối Nuy	TV	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 54' 40"	106° 35' 41"					C-48-10-A-a
Đường QL.13	KX	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-a
Đường Suối Thôn	DC	xã Lộc Hoà	H. Lộc Ninh	11° 57' 45"	106° 34' 15"					C-48-10-A-a
Đường 1	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 58"	106° 35' 12"					C-48-10-A-a
Đường 1	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 31"	106° 33' 36"					C-48-10-A-c
Đường 1	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 47' 23"	106° 34' 50"	11° 45' 19"	106° 34' 58"	C-48-10-A-c
Đường 1	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 49' 15"	106° 34' 15"	11° 43' 52"	106° 32' 28"	C-48-10-A-c
Đường 2	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 46' 56"	106° 34' 48"					C-48-10-A-c
Đường 2	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 47' 54"	106° 35' 51"	11° 46' 28"	106° 35' 50"	C-48-10-A-c
Đường 3	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 02"	106° 34' 37"					C-48-10-A-c
Đường 4	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 46"	106° 34' 54"					C-48-10-A-c
Đường 5	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 34"	106° 35' 18"					C-48-10-A-c
Đường 6	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 48' 35"	106° 34' 30"					C-48-10-A-c
Đường 7	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 48' 31"	106° 35' 03"					C-48-10-A-c
Đường 8	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 48' 04"	106° 34' 07"					C-48-10-A-c
Đường 9	DC	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 34"	106° 33' 51"					C-48-10-A-c
Đường biến thế 110KV Lộc	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 13"	106° 34' 51"					C-48-10-A-c
Đường 1	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 46' 24"	106° 35' 51"	11° 45' 19"	106° 34' 58"	C-48-10-A-c
Đường 1	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 48' 44"	106° 33' 43"	11° 44' 04"	106° 32' 44"	C-48-10-A-c
Đường Đ.T.754	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 42' 50"	106° 25' 58"	11° 45' 14"	106° 34' 27"	C-48-10-A-c
Đường ty Gạch Tuy Nol	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 43"	106° 34' 35"					C-48-10-A-c
Đường Gia Giác Quang	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 26"	106° 34' 47"					C-48-10-A-c
Đường ty cổ phần Thương	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 45' 31"	106° 34' 34"					C-48-10-A-c
Đường 1	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 46' 31"	106° 34' 38"					C-48-10-A-c
Đường thắt Lộc Ninh	TV	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 49' 36"	106° 34' 19"	11° 48' 44"	106° 33' 43"	C-48-10-A-c
Đường 1	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c
Đường QL.13	KX	xã Lộc Hưng	H. Lộc Ninh	11° 47' 33"	106° 34' 53"					C-48-10-A-c
Đường 1	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 16"	106° 38' 21"					C-48-10-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên bản mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
cầu Ba Ven	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 06"	106° 37' 11"						C-48-10-	
ấp Cần Lê	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 45' 15"	106° 36' 46"						C-48-10-	
suối Cần Lê	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh		11° 44' 18"	106° 36' 49"	11° 44' 28"	106° 35' 53"			C-48-10-	
ấp Chà Đôn	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 46"	106° 36' 50"						C-48-10-	
Suối Đá	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh				11° 45' 12"	106° 40' 14"	11° 44' 18"	106° 36' 49"	C-48-10-	
ấp Đồi Đá	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 38"	106° 39' 40"						C-48-10-	
Đường ĐT.756	KX	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh				11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-	
cầu Lâm Bui	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 46' 37"	106° 37' 53"						C-48-10-	
suối Lâm Bui	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh				11° 47' 55"	106° 37' 25"	11° 46' 27"	106° 37' 33"	C-48-10-	
ấp Quyết Thành	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 27"	106° 37' 37"						C-48-10-	
ấp Sóc Lớn	DC	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 04"	106° 37' 26"						C-48-10-	
cầu Sóc Lớn	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 10"	106° 37' 27"						C-48-10-	
chùa Sóc Lớn	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 02"	106° 37' 31"						C-48-10-	
suối Tonle Chàm	TV	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh				11° 47' 54"	106° 38' 19"	11° 44' 28"	106° 35' 53"	C-48-10-	
cầu Xóm Nùng	KX	xã Lộc Khánh	H. Lộc Ninh	11° 47' 21"	106° 38' 13"						C-48-10-	
Sông Bé	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh				11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-	
ấp Bù Linh	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 00"	106° 41' 08"						C-48-10-	
cầu Bù Linh	KX	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 07"	106° 41' 51"						C-48-10-	
suối Bù Linh	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh				11° 51' 03"	106° 41' 42"	11° 52' 08"	106° 45' 01"	C-48-10-	
ấp Bù Nôm	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 50' 30"	106° 41' 33"						C-48-10-	
suối Bù Nôm	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh				11° 49' 52"	106° 41' 36"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48-10-	
tỉnh xá Ngọc Thanh	KX	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 52' 07"	106° 42' 54"						C-48-10-	
Suối Nuôi	TV	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh				11° 49' 44"	106° 43' 14"	11° 51' 05"	106° 44' 22"	C-48-10-	
ấp Soor Rung	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 50' 52"	106° 42' 36"						C-48-10-	
ấp Tân Hai	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 16"	106° 43' 57"						C-48-10-	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ân Lợi	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 51' 09"	106° 42' 37"					C-48-10-A-d
háng Lợi	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 52' 08"	106° 42' 23"					C-48-10-A-d
è Vang	DC	xã Lộc Phú	H. Lộc Ninh	11° 52' 12"	106° 41' 34"					C-48-10-A-d
huỷ điện	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 47' 40"	106° 45' 20"					C-48-10-B-c
Phu Miêng	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh							C-48-10-A-d
Bay Cho Long	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 47' 01"	106° 41' 52"	11° 46' 33"	106° 41' 50"	C-48-10-A-d
g Bé	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 58' 11"	106° 50' 30"	11° 49' 27"	106° 45' 35"	C-48-10-B-c
lôn Xăng	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 50' 00"	106° 42' 02"					C-48-10-A-d
ch lịch sử Bồn xăng- nhiên liệu VK98	KX	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 41"	106° 41' 16"					C-48-10-A-d
ù Tam	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 48' 00"	106° 42' 46"					C-48-10-A-d
hàng Hai	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 50' 01"	106° 42' 25"					C-48-10-A-d
ng Đ.T.756	KX	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 52' 58"	106° 41' 11"	11° 31' 06"	106° 44' 28"	C-48-10-A-d
Kàn Reng	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh			11° 47' 00"	106° 42' 51"	11° 46' 20"	106° 44' 16"	C-48-10-A-d
thờ Lộc Quang	KX	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 49"	106° 42' 30"					C-48-10-A-d
ộc Quang	TV	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 21"	106° 41' 17"					C-48-10-A-d
am Nguyễn	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 47' 16"	106° 42' 31"					C-48-10-A-d
liệt Quang	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 32"	106° 43' 08"					C-48-10-A-d
liệt Tân	DC	xã Lộc Quang	H. Lộc Ninh	11° 49' 44"	106° 45' 08"					C-48-10-B-c
ường 2	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 56' 09"	106° 27' 52"					C-48-9-B-b; C-48-10-A-a
B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 51' 42"	106° 35' 36"					C-48-10-A-c
A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 51' 59"	106° 34' 18"					C-48-10-A-c
5A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 44"	106° 35' 34"					C-48-10-A-a
5B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 05"	106° 36' 14"					C-48-10-A-a
5C	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 01"	106° 36' 46"					C-48-10-A-a
5A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 31"	106° 36' 12"					C-48-10-A-a
5B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 32"	106° 36' 57"					C-48-10-A-a
12	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 51' 48"	106° 37' 57"					C-48-10-A-d
ích lịch sử Bệnh viện Ninh	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 49"	106° 35' 42"					C-48-10-A-a
Bù Núi A	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 13"	106° 33' 31"					C-48-10-A-a
Bù Núi B	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 34"	106° 33' 43"					C-48-10-A-a
ng Đ.T.759B	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			12° 04' 06"	106° 51' 08"	11° 53' 12"	106° 36' 35"	C-48-10-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên h mảnh bả địa hù
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 53"	106° 37' 31"					C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-9- C-48-9- C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-10- C-48-9- C-48-10- C-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Ch lịch sử Thành đất ị trồn Lộc Tấn	KX	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 52' 36"	106° 38' 28"					C-48-10-A-b
Thanh Đông	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 53' 55"	106° 34' 54"					C-48-10-A-a
Thanh Tây	DC	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh	11° 54' 37"	106° 33' 33"					C-48-10-A-a
g Tonle Chàm	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 56' 55"	106° 32' 57"	11° 54' 55"	106° 29' 58"	C-48-10-A-a; C-48-9-B-b
ị Tonle Tru	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 53' 31"	106° 35' 39"	11° 55' 07"	106° 30' 55"	C-48-10-A-a
ị Trảo	TV	xã Lộc Tấn	H. Lộc Ninh			11° 51' 19"	106° 37' 17"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48-10-A-c; C-48-10-A-d
1	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 42"	106° 35' 01"					C-48-10-A-c
2	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 27"	106° 35' 45"					C-48-10-A-c
3	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 21"	106° 35' 32"					C-48-10-A-c
4	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 06"	106° 35' 55"					C-48-10-A-c
5	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 03"	106° 35' 46"					C-48-10-A-c
6	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 17"	106° 36' 24"					C-48-10-A-c
7	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 34"	106° 35' 41"					C-48-10-A-c
8	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 47' 28"	106° 36' 17"					C-48-10-A-c
9	DC	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 47' 36"	106° 36' 37"					C-48-10-A-c
ng ty TNHH MTV o su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 14"	106° 35' 07"					C-48-10-A-c
ị Cây Cày	TV	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 48' 27"	106° 35' 33"	11° 47' 54"	106° 35' 51"	C-48-10-A-c
ị Đỏ	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 26"	106° 36' 10"					C-48-10-A-c
a Giác Ngạn	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 48' 17"	106° 35' 21"					C-48-10-A-c
a Lôi Âm	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 10"	106° 35' 43"					C-48-10-A-c
ị Mua	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh	11° 49' 41"	106° 35' 34"					C-48-10-A-c
ông QL.13	KX	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c
ị Rừng Cẩm	TV	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 49' 50"	106° 35' 42"	11° 48' 00"	106° 37' 23"	C-48-10-A-c
ị Tonle Chàm	TV	xã Lộc Thái	H. Lộc Ninh			11° 49' 52"	106° 34' 41"	11° 49' 39"	106° 35' 44"	C-48-10-A-c
13	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 44' 36"	106° 28' 49"					C-48-9-D-b
14	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 43' 58"	106° 26' 51"					C-48-9-D-b
ng ty TNHH MTV o su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 14"	106° 32' 37"					C-48-10-A-c
Cần Dực	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 47' 55"	106° 30' 56"					C-48-10-A-c
ị Cần Dực	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 21"	106° 30' 54"	11° 47' 39"	106° 31' 34"	C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hi mảnh bản địa hìn
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Rạch Chàm	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 49' 30"	106° 26' 45"	11° 40' 22"	106° 27' 03"	C-48-9- C-48-9-I
suối Cham Keng	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 48' 44"	106° 33' 43"	11° 44' 04"	106° 32' 44"	C-48-10- C-48-10-
suối Cham Ri	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 47' 01"	106° 32' 25"	11° 46' 25"	106° 32' 06"	C-48-10- C-48-10-
Đường ĐT.754	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 42' 50"	106° 25' 58"	11° 45' 14"	106° 34' 27"	C-48-9- C-48-9-I
suối Khlay	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh			11° 48' 06"	106° 29' 37"	11° 41' 43"	106° 28' 20"	C-48-9- C-48-9-I
ấp KLiêu	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 47' 43"	106° 31' 44"					C-48-10- C-48-10-
suối KLiêu	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 47' 08"	106° 31' 48"	C-48-10- C-48-10-
hồ KLiêu	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 47' 39"	106° 31' 41"					C-48-10- C-48-10-
ấp Lộc Bình 1	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 39"	106° 33' 22"					C-48-9- C-48-9-I
ấp Lộc Bình 2	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 28"	106° 33' 36"					C-48-9- C-48-9-I
suối Mlu	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 47' 37"	106° 32' 36"	C-48-10- C-48-10-
Suối Ngom	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 49' 36"	106° 33' 43"	C-48-10- C-48-10-
Prek Chơ Răng	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 50' 02"	106° 27' 59"	C-48-9- C-48-9-I
Prek Lơ Vây	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 50' 09"	106° 26' 45"	C-48-9- C-48-9-I
Prek Rom Đôn	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 49' 30"	106° 29' 05"	C-48-9- C-48-9-I
Prek Ta Nưm	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 49' 03"	106° 27' 27"	C-48-9- C-48-9-I
Prek Ta Pek	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 49' 02"	106° 27' 27"	C-48-9- C-48-9-I
Prek Tram Ka	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 49' 15"	106° 26' 35"	C-48-9- C-48-9-I
Prek Trảy	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh					11° 44' 38"	106° 26' 54"	C-48-9- C-48-9-I
ấp Tà Tê 1	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh							C-48-10- C-48-10-
ấp Tà Tê 2	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 48' 14"	106° 31' 29"					C-48-10- C-48-10-
hồ Tà Tê 2	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 35"	106° 31' 07"					C-48-10- C-48-10-
khú di tích lịch sử Tà Thiết	KX	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 32"	106° 30' 51"					C-48-10- C-48-10-
ấp Tân Bình 1	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 45' 25"	106° 28' 40"					C-48-9- C-48-9-I
ấp Tân Bình 2	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 38"	106° 32' 35"					C-48-10- C-48-10-
ấp Tân Mai	DC	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 49' 07"	106° 32' 00"					C-48-10- C-48-10-
suối Tân Mai	TV	xã Lộc Thành	H. Lộc Ninh	11° 48' 05"	106° 33' 32"			11° 49' 22"	106° 32' 28"	C-48-10- C-48-10-

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
ị Bông	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 57' 17"	106° 31' 19"	11° 58' 25"	106° 28' 11"	C-48-9-B-b; C-48-10-A-a
ng ty TNHH MTV o su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 54' 22"	106° 35' 16"					C-48-10-A-a
ị Đá	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 49"	106° 26' 42"	11° 58' 20"	106° 26' 01"	C-48-9-B-b
Hữu Nghị	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 57' 28"	106° 32' 52"					C-48-10-A-a
ị Lầy	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 59"	106° 27' 24"	11° 58' 23"	106° 25' 50"	C-48-9-B-b
thờ Lộc Thạnh	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 54' 52"	106° 33' 11"					C-48-10-A-a
k Chợ Riu	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 58' 40"	106° 31' 36"	11° 58' 36"	106° 24' 27"	C-48-9-B-b; C-48-10-A-a
a Quang Minh	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 53' 53"	106° 35' 42"					C-48-10-A-a
ng QL.13	KX	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-a
ị Rìn Chít	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 24"	106° 33' 39"	11° 55' 22"	106° 31' 27"	C-48-10-A-a
Thạnh Biên	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 55' 11"	106° 33' 52"					C-48-10-A-a
Thạnh Cường	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 53' 52"	106° 35' 26"					C-48-10-A-a
Thạnh Phú	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 55' 09"	106° 31' 27"					C-48-10-A-a
Thạnh Tân	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 53' 27"	106° 36' 01"					C-48-10-A-a
Thạnh Trung	DC	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh	11° 54' 05"	106° 35' 42"					C-48-10-A-a
g Tonle Chàm	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 56' 55"	106° 32' 57"	11° 54' 55"	106° 29' 58"	C-48-10-A-a
ị Tonle Tru	TV	xã Lộc Thạnh	H. Lộc Ninh			11° 53' 31"	106° 35' 39"	11° 55' 07"	106° 30' 55"	C-48-10-A-a
I	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 05"	106° 33' 57"					C-48-10-A-c
l0	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 51' 06"	106° 33' 55"					C-48-10-A-c
l1A	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 20"	106° 34' 18"					C-48-10-A-c
l1B	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 31"	106° 33' 40"					C-48-10-A-c
ng ty TNHH MTV o su Lộc Ninh	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 52' 53"	106° 37' 31"					C-48-10-A-c
h Chàm	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 54' 55"	106° 29' 58"	11° 49' 30"	106° 26' 45"	C-48-9-B-b; C-48-9-B
K54	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 52' 02"	106° 33' 11"					C-48-10-A-c
ị Lavia	TV	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh			11° 51' 56"	106° 33' 05"	11° 51' 49"	106° 30' 44"	C-48-10-A-c
thờ Lộc Thiện	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 16"	106° 34' 35"					C-48-10-A-c
Mãng Cai	DC	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 45"	106° 33' 02"					C-48-10-A-c
ích lịch sử Nhà thờ Làng	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 15"	106° 34' 34"					C-48-10-A-c
a Phúc Lâm	KX	xã Lộc Thiện	H. Lộc Ninh	11° 50' 13"	106° 34' 37"					C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Trảy	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 47' 31"	106° 26' 37"	11° 42' 09"	106° 26' 32"	C-48-9-D-b
ng QL.13	KX	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 21' 37"	106° 37' 44"	11° 58' 13"	106° 32' 26"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a
à Thiết	DC	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh	11° 45' 15"	106° 30' 35"					C-48-10-A-c
Tam Bay	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 44' 37"	106° 29' 47"	11° 43' 25"	106° 29' 55"	C-48-9-D-b
Tonle Châm	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 47' 54"	106° 38' 19"	11° 44' 28"	106° 35' 53"	C-48-10-A-c; C-48-10-C-a
Tonle Châm	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 40' 22"	106° 27' 03"	11° 38' 18"	106° 27' 44"	C-48-9-D-b
Tonle Tru	TV	xã Lộc Thịnh	H. Lộc Ninh			11° 41' 55"	106° 29' 39"	11° 39' 30"	106° 27' 14"	C-48-9-D-b
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 44"	106° 36' 54"					C-48-10-A-c
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 11"	106° 36' 50"					C-48-10-A-c
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 17"	106° 38' 03"					C-48-10-A-d
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 58"	106° 38' 40"					C-48-10-A-d
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 47"	106° 38' 50"					C-48-10-A-d
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 38"	106° 40' 31"					C-48-10-A-d
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 02"	106° 40' 36"					C-48-10-A-d
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 27"	106° 38' 02"					C-48-10-A-d
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 34"	106° 39' 18"					C-48-10-A-d
	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 51' 46"	106° 38' 54"					C-48-10-A-d
A 1	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 51' 01"	106° 36' 48"					C-48-10-A-c
A 2	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 51' 18"	106° 36' 12"					C-48-10-A-c
B	DC	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 44"	106° 36' 59"					C-48-10-A-c
Bù Nâu	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 27"	106° 38' 52"					C-48-10-A-d
g ty TNHH MTV	KX	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 01"	106° 37' 50"					C-48-10-A-d
su Lộc Linh	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh			11° 51' 00"	106° 38' 17"	11° 49' 29"	106° 39' 09"	C-48-10-A-d
Chang Roai	KX	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 09"	106° 36' 29"					C-48-10-A-c
ch lịch sử Địa điểm in tháng Dốc 31	KX	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 50' 07"	106° 37' 20"					C-48-10-A-c
Linh Sơn	KX	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh							C-48-10-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phié mảnh địa
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hồ Lộc Quang	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh	11° 49' 21"	106° 41' 17"					C-48
suối Tầm Bua	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh			11° 51' 00"	106° 37' 02"	11° 49' 35"	106° 37' 08"	C-48
Suối Trào	TV	xã Lộc Thuận	H. Lộc Ninh			11° 51' 19"	106° 37' 17"	11° 51' 03"	106° 41' 42"	C-48

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa